

16°
Indoch
546

NGÔ TẤT TỐ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 28741

MẶC-TỬ



TRIẾT - HỌC TÙNG - THƯ

546

MAI-LINH XUAT BAN

Mai-linh tu thu' cục

Nước ta muốn chõ trình-độ trí-thức ngày một cao hơn, lẽ cố nhiên là phải có nhiều những sách về học-thuật về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-dịch ấy nên chúng tôi liên-tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác bản và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-học, y-học, khoa học v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

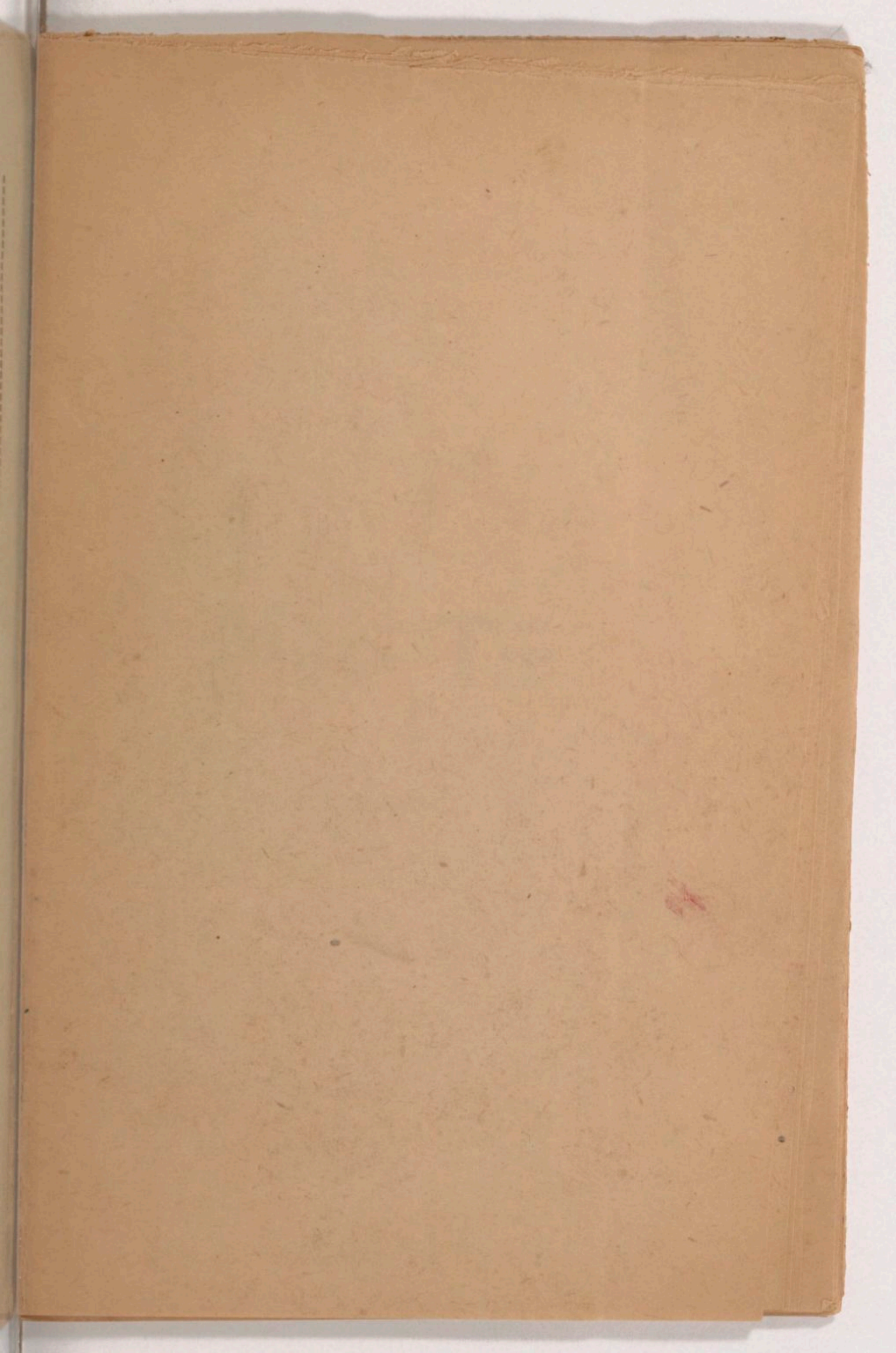
- | | |
|--------------|--------------|
| a) Văn-học | d) Y-học |
| b) Sử-học | e) Phổ-thông |
| c) Triết-học | f) Giáo-dục |

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên-tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan nghênh những tác phẩm ở ngoài gửi đến.

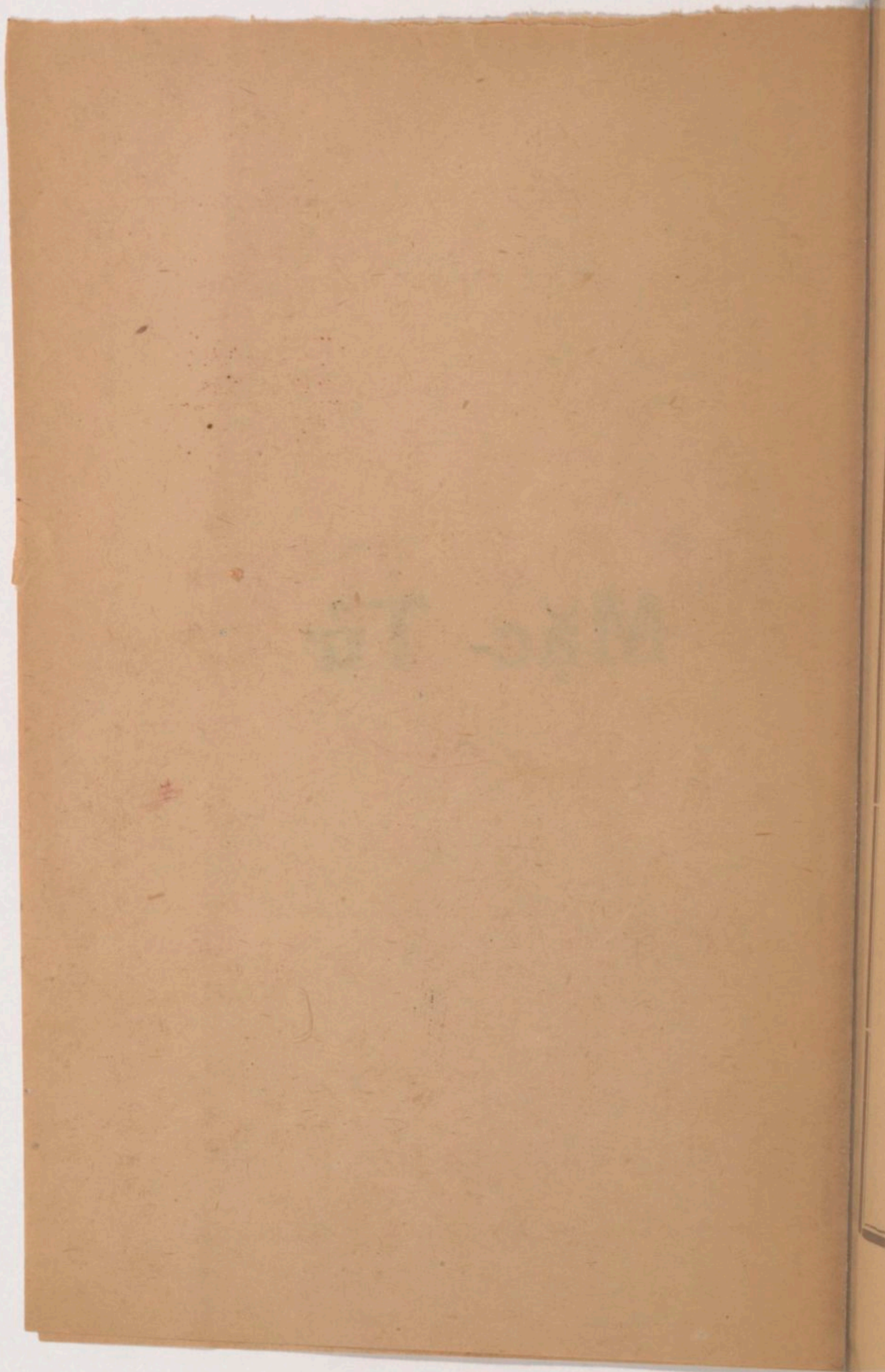
Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nôi, nếu không có quốc-dân ủng hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt-sắng của đồng bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cố động và chiếu-cổ giúp cho.





Mặc- Tủ



梅嶺修書局哲學叢書
Mai-Linh tu thư cục Triết-học tùng-thư

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 98741

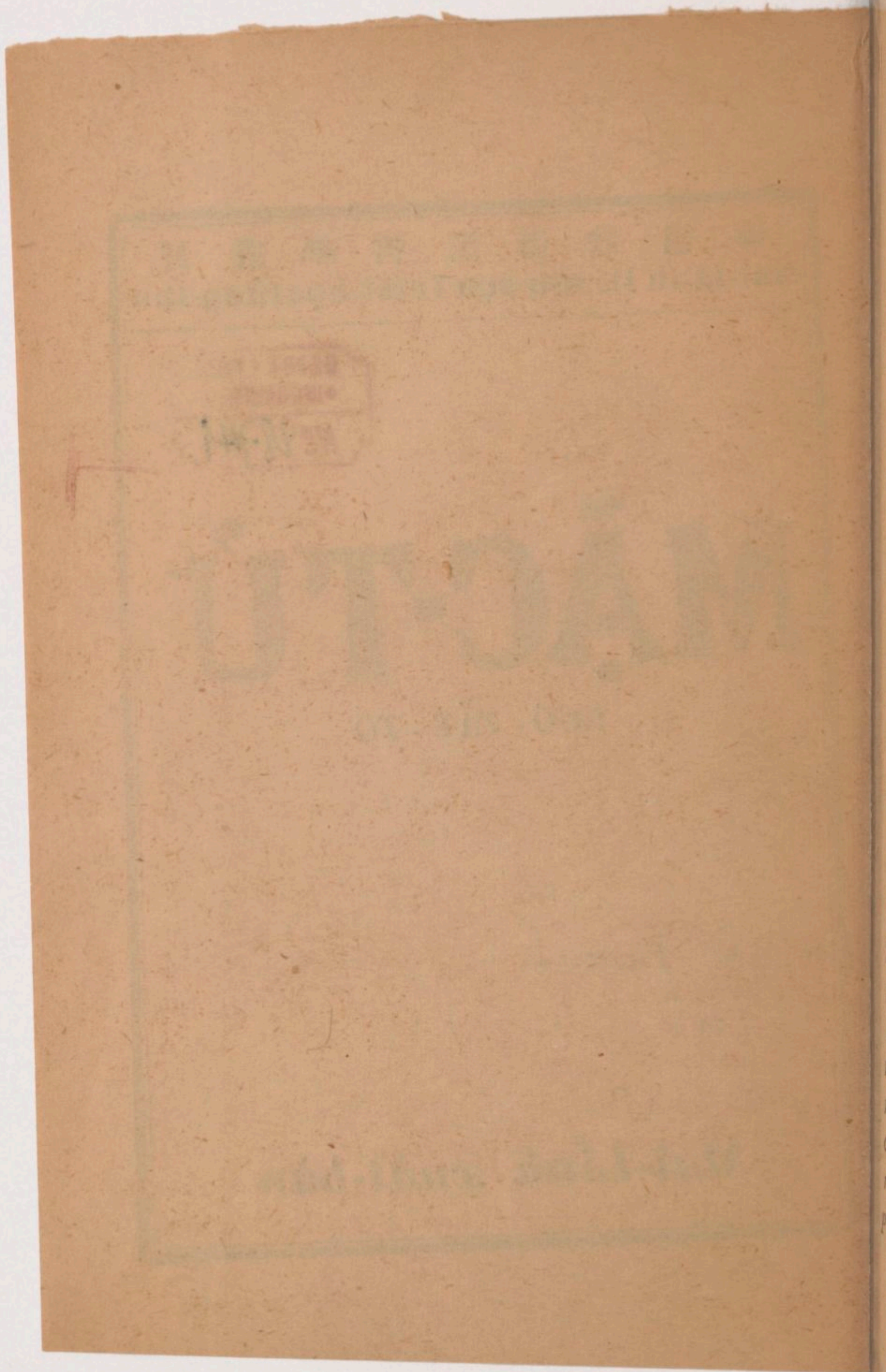
MẶC-TỬ

NGÔ - TẮT - TỔ



160 fudooh
546

Mai-Linh xuất-bản



Lời tựa

Trong cuốn « Phê-bình « Nho-giáo » Trần-Trọng-Kim », tôi đã có nói :

« Khảo về triết-học đời cổ của Tàu, chẳng những nguy-hiêm về nạn sách giả, mà còn nguy-hiêm về nạn chữ lẫn là khác.

« Bởi vì từ đời Khổng-tử đến đời Hậu-Hán, thể chữ và đồ viết của Tàu thay đổi đến ba bốn lần. Thể chữ trước là lối chữ khoa-đầu, Thái sử Lưu nhà Chu mới đặt ra lối đại triện, Lý-Tư nhà Tần thì đặt ra lối tiểu-triện, Trình-Mạc nhà Tần (1) mới đặt ra lối lệ thư, rồi Vương-Thức-Trọng nhà Hán lại đặt ra lối khái-thư, tức là thứ chữ chân-phương người Tàu vẫn dùng bây giờ. Trong mỗi lần thay đổi thể chữ, các sách chữ cũ đều phải chuyển sang chữ mới, tất-nhiên trong sự sao

chép, không thể không bị làm lẫn thiếu sót, đồ viết cũng vậy. Những sách trong đời Khổng-tử, hết thầy viết bằng thẻ tre.

Người ta dùng tre đẽo thành cái thẻ, rồi lấy nhựa sơn mà viết chữ vào. Những cái thẻ ấy đều có sợi quai bằng da, sau khi viết xong, đem xâu từng xâu treo lên mái nhà, đó gọi là sách. Rồi đời nhà Tần mới biết viết chữ vào lụa. Và đến Hán nhà Hán mới dùng vỏ cây mà chế ra giấy.

Từ thời kỳ viết bằng thẻ tre, cho đến thời kỳ viết bằng lụa, cách nhau hơn ba trăm năm, từ thời kỳ viết bằng lụa đến thời kỳ viết bằng giấy, cách nhau độ hai trăm năm nữa, các thứ sách ấy tránh sao cho khỏi những nạn chuột tha, một đục, dấn nhấm, hay là đứt quai, đứt chuỗi mà lạc đi mất.

« Hai cái cơ đó nó đã bắt buộc người ta tin rằng : những sách đời cổ còn đến bây giờ, phải có nhiều chỗ sai-lầm.

« Hơn nữa, bao nhiêu danh-từ về đời Khổng-tử, đến nay đã cách hơn hai nghìn năm, ý nghĩa của nó thay đổi rất nhiều. Có khi cùng một chữ đó, đời xưa dùng vào nghĩa kia, đến hồi gần đây, người Tàu lại đem dùng vào nghĩa này. Và lại đối với cái kho triết-học của Tàu, chúng mình là ngoại-quốc không đủ sách cổ mà đọc. Những sách nói về Khổng-tử lưu-hành đến đây, phần nhiều đã bị

trà chôn tư-tướng của Tống-nho..... Vì vậy, muốn cho tư-tướng của Khổng-tử không bị phá phách với các thư khác, thì sự phiên-dịch cũng phải khó khăn như việc lựa chọn tài-liệu...»

Đó là nói về việc khảo-cứu Khổng-học.

Khảo-cứu Mặc-học cũng không dễ dàng hơn thế.

Ở trong lịch-sử triết học của Tàu, Mặc-học là một học thuyết đã bị tiêu-diệt sau khi ra đời hơn một trăm năm, nghĩa là cách đây trên hai nghìn năm. Nay muốn kê-cứu về học-thuyết ấy, chỉ còn nhờ bộ « Mặc-tử » và ít tài-liệu lặt vặt chép trong các cuốn « Trang-tử », « Mạnh-tử », « Hàn-tử », « Thái-bình ngự lãm », « Lã thị xuân-thu » mà thôi.

Sách « Mặc-tử », theo Nghệ-văn-chí của Hàn-thư, thì có 71 thiên. Theo Kinh-tích-chí của Tùy-thư, có 15 cuốn, Kinh-tích-chí của Đường-thư, Nghệ-văn-chí của Tần-Đường-thư, Nghệ-văn-chí của Tống-sử, Thông chí nghệ-văn-lược của Trinh-Tiêu, Kinh-tích khảo trong sách Văn-hiến thông-khảo của Mã-Đoa -Lâm, Thư-mục trong sách Ngọc-hải của Vương Ứng-Lân, Quân-trai độc-thư-chí của Triều Công-Vũ đều nói « Mặc-tử » có 15 quyển. Riêng sách Y lâm lại nói « Mặc-tử » có 16 quyển và sách « Tuân tử » của Vương-Kinh chưa thích thì nói « Mặc-tử » có 35 quyển.

Những sách trên đây hầu hết đều chưa riêng « Mặc-tử » 71 thiên sách Lã-thị xuân-thu của Cao

Dụ chú-thích lại bảo « Mặc-tử » có 72 thiên, nhưng mà những bản lưu-truyền đến nay, đều còn có 53 thiên.

Trong 53 thiên đó, trừ 11 thiên từ thiên Thủ-thành-môn trở xuống đến thiên Tạp-thủ, đều nói về cách giữ thành chống giặc của Mặc-gia, không quan-hệ đến triết-học, còn các thiên trên, nhiều thiên có thể ngờ là sách của người đời sau giả-mạo, vì nó không giống giọng của Mặc-gia, tức như những thiên Thân-sĩ, Tu-thần, Sở-nhiêm, Thất-hoạn, Từ-quá v. v... và cũng lắm thiên có lẫn tài liệu của người đời sau thêm vào, ví như mấy thiên Phi-nhạc, Phi-nho, Thượng-hiền, Thượng-dồng v. v., vì ở trong đó có chép những việc xảy ra sau khi Mặc-tử đã chết. Còn các thiên khác tuy do học-trò Mặc-tử chép lại lời nói việc làm của thầy mình, hoặc do một bọn Mặc-gia diễn theo tư-tưởng của vị giáo-chủ phái họ, nhưng cũng nhiều chỗ thiếu-sót lộn-xộn, lắm chữ không có nghĩa-lý gì hết.

Tất-Nguyên, một nhà bác-học trong đời Thanh, đã có chú thích « Mặc-tử ». Trong bộ sách ấy, Tất phải viện-dẫn các bộ Thái-bình ngự-lãm, Lã-thị xuân thu, Hoài-nam yếu-lược, Nhĩ-nhã và không biết là bao nhiêu sách cổ khác vào làm chứng-cứ, để đính-chính những chỗ sai lầm và chưa-giải những chữ nghĩa lạ. Thế mà những chỗ Tất phải

chịu là không hiểu, còn thấy nhan-nhãn ở khắp các thiên.

Nhất là mấy thiên Kinh-thượng, Kinh-hạ, Kinh-thuyết-thượng, Kinh-thuyết-hạ, Đại-thủ, lại càng rã-rối vô-hạn. Có chỗ Tất-Nguyên đã phải thú rằng không biết chấm câu thế nào cho phải. Tôn Tinh-Diên, cũng là một nhà bác-học đời Thanh, lại chuyên về việc nghiên-cứu Chư-tử, mà khi viết bài hậu-tự cho cuốn Mặc-tử của Tất-Nguyên cũng phải kêu rằng : « Kinh-thượng, Kinh-hạ, giống vàn chua-thích của sách Nhĩ-nhã, mà không hiểu ý ra sao. Lại thay từ đời Hán Đường tới nay, thông-nhân-thạc-nho xem khắp Chư-tử, riêng mấy thiên đó, không ai dân được tự-cứ, cho đến ngày nay, sao chép lầm-lẫn, càng khó ngắt chấm ». Rồi ở chỗ khác, Tôn còn nói rằng : « Trong đời Tấn, người ta vẫn còn giảng nổi sách ấy, đến người nhà Đường, thì không được thế ».

Coi đó đủ thấy đọc sách Mặc-tử khó đến bậc nào.

Trong bọn Thanh-nho, ngoài Tất và Tôn, còn nhiều người nữa, như bọn Lư-văn Thiệu, Tôn Di-Nhượng, Uô-ig-Trung cũng có nghiên-cứu Mặc học. Gần đây học-giả hiện-đại của Tàu như Chương Thái-Viêm, Lương-Khải-Siêu, Hồ-Thích đều có bàn về học-thuyết họ Mặc. Như ig theo ý tôi,

thì trong việc này, có lẽ Hồ-Thích tinh-tường hơn cả.

Bởi vì Hồ đã học ban triết-học của một trường Đại-học Hoa-kỳ và có đậu bậc bác-sĩ ban ấy, lại ở tại trường Đại-học Bắc-kinh, là nơi rất nhiều sách vở, cho nên ở Hồ, phương-pháp kê-cứu rất tinh-vi, tài liệu lựa chọn rất xác đáng. Hồ đã đính chính được rất nhiều chỗ người xưa còn lầm và đã phát-mình được rất nhiều nghĩa người xưa không hiểu, tuy còn nhiều đoạn mất nghĩa, Hồ phải bỏ đó, nhưng mà nhờ Hồ, học thuyết họ Mặc đã được rõ-rệt thêm nhiều. Những người ngoại quốc ở xa cái kho triết-học của Tàu, sách vở không đủ cho sự kê-cứu, khó lòng làm được hơn thế.

Bởi thế, trong cuốn này, đoạn khảo về lược-chuyện Mặc-tử, và đoạn nói về học-thuyết của phái Biệt-Mặc, đều theo tài-liệu ý kiến của Hồ.

Song mà không hiểu vì sao, Hồ lại tuyệt-nhiên không nói gì tư-tưởng chính-trị của Mặc-tử. Xét trong mấy thiên Thượng-hiền, Thượng-đồng, Tiết-dụng, Công-mạnh v. v... thì thấy Mặc-tử tuy là một nhà tôn-giáo, nhưng mà không phải không có ý-kiến đối với chính-trị. Nếu bỏ chính-trị không nói, có lẽ cũng là khuyết điểm. Vì cuốn này phải đề chính-trị riêng ra một chương, mặc dầu ở trong Mặc-học, chính-trị không phải là phần trọng-yếu.

Cứ như sách Hàn-phi-tử đã chép, thì sau khi Mặc-tử qua đời, Mặc-học chia làm ba phái, điều lầy, điều bỏ đều không giống nhau. Trong đó, lại có một phái chỉ chuyên giảng-cứu danh-học, Trang-tử đặt tên là phái « Biệt Mặc ». Với Mặc-học, phái Biệt-Mặc không phải là phái chính tông, nhưng có quan-hệ rất mật-thiết. Mấy thiên Kinh-thượng, Kinh-hạ, Kinh-thuyết-thượng, Kinh-thuyết-hạ, Đại-thủ, Tiểu-thủ trong sách Mặc-tử, Hồ-Thích cho là của phái Biệt-Mặc soạn ra. Tất Nguyên cũng ngờ như vậy, vì Tất thấy các thiên đó, không có những chữ « Tử Mặc-tử viết » mà đến ý-nghĩa thì giống như thuyết « Kiên bạch dị đồng » của bọn Công-tôn Long-tử, tức là những tay cự-phách trong phái Biệt-Mặc. Nay tuy chưa thể biết chắc lời nói của Tất là Đò là đúng hay sai, song có thể tin phái đó đã đi rất sâu vào trong học thuyết họ Mặc. Bởi vì phương pháp của họ rất đúng phương pháp triết-học của Mặc-tử, cái phương pháp ấy Mặc-tử vẫn dùng để công kích phái Nho gia.

Bởi thế cuốn này, sau các chương nói về học-thuyết Mặc-tử, có thêm một chương nói về triết-học của phái Biệt-Mặc cho biết gốc ngọn Mặc học ra sao.

Các nhà học giả của Tàu gần đây còn nhận thấy rằng trong cuốn « Mặc-tử » có rất nhiều chỗ nói về khoa học, ví như hình-học, trọng-học, quang-

học, Hồ-Thích cũng tin như thế. Trong cuốn Học-sinh tạp-chi của Thương-vụ ấn-thư quán xuất-bản hồi năm 1930, đã có một bài rất dài, nói về quang-học của Mặc-tử. Bài đó, tác-giả viện-dẫn rất nhiều sách cổ, chữ cổ, ra làm căn-cứ cho việc chú-giải mấy thiên Kinh-thượng, Kinh-hạ, Kinh-thuyết-thượng, Kinh-thuyết-hạ, Đại-thủ, Tiểu-thủ, để chứng rõ rằng Mặc-gia đã biết công-dụng của kính lồi, kính lõm, ánh sáng thẳng, ánh sáng cong. Nhưng những điều đó không thuộc vấn-đề triết-học, sách này đều không nói tới.

Một điều nên nói thêm là, cuốn này, tôi chỉ căn-cứ vào lời chú giải của các nhà nghiên-cứu Mặc-học—kể từ Hồ-Thích trở lên—soạn theo nội-chỗ hiểu biết của tôi mà thôi. Trong cuốn Mặc-tử năm mươi ba thiên, còn có lắm chỗ như Tôn Tinh-Diễn đã nói từ đời nhà Đường đến nay, chưa có ai hiểu, tôi cũng không thể hiểu nổi, đều phải gác lại, không dám động đến. Ai muốn biết hơn, xin tìm nguyên-văn sách ấy mà đọc.

Soạn giả

1.) Ở sách P. B. N. G. T. T. K. dưới câu nói «Trình-Mạc nhà Tần...» còn sót mấy chữ «mới đặt ra lối lệ-thư, rồi Vương-Thứ-Trọng nhà Hán...» Tiên thế nay xin cải-chỉnh.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Lược - sử Mặc - tử

Mặc-tử họ Mặc tên Địch, người về cuối đời Xuân-thu, xưa kia ai cũng biết vậy. Nhưng mà, để từ hồi nào, mất nhằm hồi nào, điều đó các học-giả Tàu nói đến đã nhiều, song cũng mỗi người nói đi mỗi khác.

Sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên, sách *Fão-phác-tử* của Quách-Phác đều nói Mặc-tử là người cùng đời Khổng tử (1), sách *Hán-thư* của Ban-Cổ và sách *Biệt-lục* của Tư-mã Trinh thì nói Mặc-tử ở sau Khổng-tử và ở sau cả 72 học-trò của ngài. Tất-Nguyên nhà Thanh lại căn-cứ vào câu « 中山諸國亡於燕代胡貊之間 » (Trung-sơn chư quốc vong ư Yên, Đại, Hồ, Mịch chi gian), cho là

1) Thế-kỷ thứ năm trước lịch-tây,

Mặc-tử còn được trông thấy cuộc diệt vong của các nước Trung-sơn, và đoán-định rằng : Mặc-tử người đời Lục-quốc, hồi cuối nhà Chu hãy còn (1).

Vậy là các thuyết sai nhau đến hai trăm năm.

Trong cuốn *Mặc tử nhân bổ*, Tôn Di-Nhượng nhà Thanh bác hẳn thuyết của họ Tất và kết-luận rằng :

« Đem sách năm mươi ba thiên (2) ngày nay mà xét, thì Mặc-tử, trước còn nói chuyện với Công-thân Ban, Lô-dương văn-tử (3), sau còn được thấy Thái-công Hòa nước Tề cùng Tề Khang công giống nhau (4) và còn thấy Ngô Khởi bị giết (5), tính ra Mặc-tử cách lúc Khổng-tử mất đến gần trăm năm. Thế thì Mặc-tử ở sau Khổng-tử lại càng là sự đáng tin.

« So-xét trước sau, tính kiểu ước-lược, Mặc-tử nên cùng Tử-Tư cùng thi và còn đẻ sau Tử-Tư. Nghĩa là đẻ nhằm hồi đầu năm Kinh-vương, mất nhằm hồi cuối An-vương, sống chừng tám, chín mươi tuổi ».

Hồ Thích cho thuyết của Tôn không đúng và viện những cứ sau này :

1.) Thế-kỷ thứ ba trước lịch Tây.

2.) Tựa sách Mặc-tử.

3.) Xem thiên Lô-vấn trong sách Mặc-tử.

4.) Xem thiên Phi-ahạc-Thượng trong sách Mặc-tử.

5.) Xem thiên Thân-sĩ trong sách Mặc-tử.

1) Mấy thiên của Tôn dân làm chứng cứ, như thiên Thân-sĩ, thiên Lỗ-vấn, thiên Phi-nhạc-thượng.. đều không thể tin, Thiên Lỗ-vấn là sách của người sau góp nhặt. Chữ « Tề đại-vương » ở trong thiên đó chưa chắc đã là Điền-Hòa (1). Hay là, dù là Điền-Hòa đi nữa, cũng không đáng tin. Ví như trong sách *Tranq-tử* nói rằng Trang-Chu ra mắt Ai-công nước Lỗ, có lẽ chúng ta cũng bảo Trang-Chu đồng thời với Khổng tử ư? Thiên Phi-nhạc cũng là người sau làm thêm, ở trong thiên này, luôn luôn dùng câu 是故子墨子曰爲樂是也 (Thị cổ Tử Mặc tử viết: ví nhạc thị dã), đủ thấy những việc « lịch sử » trong đó chưa hẳn là chuyện Mặc-tử trông thấy. Còn thiên Thân-sĩ và thiên Tu-thâu thì đều là những sách giả, những lời trong hai thiên đó toàn là chuyện của Nho gia thường nói, chẳng có câu nào là giọng Mặc-gia.

2) Mặc-tử quyết không từng thấy Ngô-Khởi bị giết.

Thiên Thượng-đức trong sách *Lã-thị-xuá -thu* nói khi Ngô Khởi đã chết, Dương-thành-quân phải tội đi trốn, nước Sở phái quân đến lấy nước của ông ta, bấy giờ, « cự tử » trong phái Mặc giả tên là Mạnh-Thắng, giữ thành cho Dương thành-quân, rồi cùng 183 người học trò chết ở trong thành Trước khi

1) Tức Thái-công Hòa,

Mạnh-Thắng sắp chết, còn sai hai người học-trò đem chức « cự-tử » truyền cho Điền-Tương-tử nước Tống, để cho học-phái họ Mặc khỏi bị đoạn tuyệt.

Chiều theo điều đó mà xét, thì khi Ngô-Khởi bị chết, Mặc-học đã thành một thứ tôn-giáo, lúc ấy cái việc truyền chức « cự-tử » của phái « Mặc-giả » đã thành ra phép nhất định, và phái Mặc-giả đã có linh-tụ mới lập. Hơn nữa, học-trò Mạnh-Thắng khi khuyên Mạnh-Thắng đừng chết, có nói : « Đề phái Mặc-giả bị tuyệt ở đời là sự không nên ». Nếu như Mặc-tử còn sống, thì ai lại nói câu đó ? Coi đó, đủ biết lúc Ngô-Khởi chết, Mặc-tử chết đã lâu rồi ».

Theo ý Hồ, thuyết của Tôn không được tinh-xác bằng thuyết của Uông Trung. Hồ có dẫn lời của Uông như sau :

« Mặc-tử thật cùng thi với Sở Huệ-vương, tuổi « người » hơi kém Knôn-tử, hoặc còn được thấy Khổng tử. Thiên Phi-công-trung nói: « Trĩ-bá vì thích đánh nhau mà bị mất nước, việc đó sau đời Xuân-thu 27 năm ; ở đó lại có nói đến việc nước Sái bị diệt, là việc trong năm 24 vua Huệ nước Sở, tỏ rằng Mặc tử ở vào thi ấy, còn được thấy các việc ấy. Thiên-Phi-công hạ nói: « Nay trong thiên hạ, nước thích đánh nhau là Tề, Tấn, Sở, và Việt »; ở đây lại nói : « Đường-Thúc, Lã - Thượng

dựng nước tại vùng Tề Tấn, nay cùng nước Sở nước Việt chia tư thiên-hạ»; thiên Tiết-táng hạ nói : « Chư-hầu ra sức chinh-chiến, phía Nam có vua nước Sở nước Việt, phía Bắc có vua nước Tề nước Tấn» rõ là lời nói sau khi Câu-Tểin xưng bá, trước khi Hiến-công nhà Tần chưa đắc chí, trong lúc nước Tấn còn nguyên, chưa bị ba nhà chia-xé, nước Tề chưa là nước của họ Trần.

« ...Sở Huệ - vương lên ngôi nhằm năm thứ bảy đời Lỗ Ai-công, Công-thâu Ban còn được kịp thời Huệ-vương. Thiên Công-thâu nói : « Người Sở cùng người Việt dùng thuyền đánh nhau, Công-thâu-tử ở Lỗ sang Sở, chế ra móc nạng để chống nước Việt, cũng là việc sau khi nước Ngô đã mất, nước Sở đã thành láng giềng nước Việt. Huệ-vương ở ngôi năm mươi bảy năm, sách này (1) đã chép vua ấy lấy cơ già-nua từ chối Mặc-tử, thế thì có lẽ Mặc-tử cũng là một người sống-lâu...»

Rồi Hồ kết rằng : « Theo những chứng-cứ kê ra trên đây, chúng ta có thể định rằng : Mặc-tử đại-khai sinh vào trong khoảng từ năm thứ hai mươi đến năm thứ ba mươi đời Chu Kính vương, mất vào giữa khoảng từ năm thứ nhất đến năm thứ mười đời Chu Uy-liệt. Ngày sinh Mặc-tử, nhằm khi Khổng-tử năm, sáu mươi tuổi. Đến lúc Ngô-Khởi

1-) Tức sách Mặc-tử

bị giết, Mặc tử đã chết chừng bốn chục năm trước rồi... »

Còn đến sinh quán Mặc-tử cũng có nhiều thuyết không giống nhau, có người bảo Mặc tử đẻ ở nước Tống, lại có người bảo Mặc-tử đẻ ở nước Lô.

Thuyết trên căn cứ ở Nghệ-văn-chi trong sách *Hán-thư*; sách ấy bảo Mặc-tử người Tống, làm quan đại-phu nước Tống, rất giỏi về cách giữ thành đánh giặc. Lương Khải Siêu tán đồng thuyết ấy và viện lẽ rằng : nước Tống tuy ở phương Bắc, nhưng lại giáp với phương Nam, Mặc tử đẻ ở nước đó, nên mới thấu lượm được cả học thuyết của hai phái Nam, Bắc. (Tức là Lão-giáo, Khổng giáo).

Thuyết dưới thì gốc ở Hoài-Nam-tử.

Trong sách *Hoài-nam yếu lược* có nói : « Mặc-tử theo nghiệp Nho-giả, học đạo Khổng-tử », cho rằng lẽ của Nho-gia nhiều chỗ phiền nhiễu mà không bằng lòng, và chê Nho-gia chôn cất quá hậu, chi hại của và làm nghèo dân, dễ trở quá lâu, hại sự sống và hại công việc... ».

Hồ-Thích tán đồng thuyết này và nói như vậy:

« Mặc-tử có theo nghiệp của Nho-giả, có học đạo của Khổng-tử hay không, hiện nay chưa thể quyết định. Nhưng mà Mặc-tử quả đã có bị ảnh hưởng của Nho-gia nhiều lắm. Chắc là sau khi Khổng-tử mất đi, hết thấy học trò của Khổng, đều không

truyền được những điều đại-thể trong học thuyết của thầy, mà chỉ bàn giảng những việc lặt vặt trong việc tang trở, chôn cất, coi thiên Đàn-cung kinh Lễ đã chép những chuyện của Tử-Du, Tăng-tử, là bọn cao-đệ của Khổng cãi nhau, có một chuyện nào không phải lễ-tiết rất nhỏ-mọn? Lại xem trong bộ Nghi-lễ, người sau vẫn bảo là của học trò cụ Khổng soạn ra, đã ghi biết bao lễ nghi phiền-phức tởm, thật đáng khiến cho người ta lấy làm quá gở! Mặc-tử ở nước Lô, mắt thấy những cái hiện-trạng quái lạ ấy, nên phải phản đối Nho-gia, tự mình mở ra một học phái mới, để công kích những chỗ hư hỏng của Nho-gia.

Gần đây trong một số *Đông phương tạp chí* của Thương-vụ ấn-thư quán xuất-bản hồi năm 1929, lại có người nói Mặc-tử, không phải người Tàu, mà là người nước Ấn-độ.

Bài ấy tác giả viện ra rất nhiều chứng cứ, tôi coi đã lâu nay nhớ đại-khái mấy điều sau này:

1.) Nước Tàu không có họ Mặc, chữ Mặc trong tên Mặc-tử, không phải là họ mà nghĩa là đen;

2.) Trong tiếng Tàu, chữ « 翟 » (dịch) với chữ « 狄 » (dịch) vẫn thường thông dụng, cũng có nghĩa là mọi rợ. Chữ « 翟 » (dịch) trong tên Mặc-tử không phải là tên mà nghĩa là mọi;

3.) Tóm lại, hai chữ « Mặc-Địch » tức là « mọi đen ». Người Tàu quen gọi những người ngoại

quốc là rợ, nhân thấy Mặc-tử da đen, mới đặt tên là Mặc-dịch. Người ta gọi thế. Mặc-tử cũng vui lòng nhận như thế ;

4) Học-thuyết Mặc-tử có thuyết kiêm-ái rất giống với thuyết từ-bi của Phật. Trước đó ở Tàu chưa từng có tư-tưởng ấy. Vả lại, Mặc-tử suốt đời hy-sinh để cứu loài người, không ngã lòng, không quản những sự vất-vả, chỗ đó rất giống với câu « Ngã bất nhập địa-ngục, thực nhập địa-ngục » của Phật. Nếu không phải là người Ấn-độ, không thể có tư-tưởng ấy.

Thuyết này chẳng qua chỉ nói cho hay, thật ra, nó cũng quá ư hoang-dường, không sao tin được.

Cố nhiên Mặc-tử không thể là người Ấn-độ. Nhưng cũng chưa thể định là người nước Tống hay người nước Lô. Nếu lấy nguyên nhân phát-sinh học-thuyết làm bằng, thì cũng có thể nói rằng: thuyết bảo Mặc-tử người Lô đúng hơn thuyết bảo Mặc-tử người Tống. Song đó cũng chỉ là sự ước-đoán, chưa có gì là chứng cứ đích xác.

CHƯƠNG THỨ HAI

Nhân-cách của Mặc-tử

Khi viết hậu-tự cho cuốn *Mặc-tử* của Tất-Nguyên chú-thích, Tôn Tinh-Diễn cho rằng Mặc-tử cũng là một tay biện-sĩ.

Bình-tĩnh mà nói, Mặc-tử quả cũng có vẻ biện-sĩ, cho nên mỗi khi tranh-luận với ai, Mặc-tử thường có những cái thí-dụ rất linh-hoạt và rất xác-đáng để thắng kẻ địch.

Có lần Vu-mã-tử bảo Mặc-tử rằng :

« Người gồm yêu thiên-hạ, chưa thể nói được là lợi. Ta không yêu thiên-hạ, chưa thể nói được là hại. Bởi vì công của chúng ta đều chưa đến nơi. Có sao người tự cho người là phải mà lại chê ta?

Mặc - tử hỏi lại :

« Nay có đám cháy ở đây, một người bưng nước sắp dội tắt đi, một người cầm lửa sắp đốt cháy thêm,

Công họ cũng đều chưa tới, trong hai người đó, người qui người nào ? »

Vu - mã - tử đáp :

« Ta khen cái nghĩa của kẻ bưng nước và chê cái ý của kẻ cầm lửa ».

Mặc - tử đáp :

« Ta cũng tự cho ý ta là phải mà chê cái ý của người ». (Thiên Canh-trụ).

Lại khi Lô Dương-văn-quân sắp đánh nước Trịnh, Mặc-tử nghe tin đến can. Lô - Dương-văn-quân nói :

« Ta đánh nước Trịnh là thuận chí trời. Nước Trịnh ba đời giết cha, trời đã làm tội, khiến cho ba năm không được yên lành, ta phải giúp đỡ vào sự làm tội của trời. »

Mặc-tử vặn lại :

« Nước Trịnh ba đời giết cha, mà trời làm tội, khiến cho ba năm không được yên-lành, thế là trời đã làm tội đủ rồi. Nay lại đem quân đánh họ, nói rằng «... Thuận với chí trời...», vì nước có người bị một đứa con cao bậy bắt tai, cha nó đánh nó, cha nna lang giêng vac gậy đánh thêm và nói : « Ta đánh nó là thuận với chí cha nó », như thế há chẳng trái lẽ ! (Thiên Lô-vấn).

Đây là nói qua vai việc mà thôi. Trong cuốn *Mặc-tử*, còn nhiều thí dụ tài-tình như thế. Nếu

không phải một tay biện sĩ, đâu được có tài ứng-đáp nhanh-nhẹn như vậy ?

Tuy là có vẻ biện-sĩ, nhưng Mặc-tử không giống như bọn thuyết-khách trong đời Chiến-quốc. Bọn thuyết-khách trong đời Chiến-quốc chuyên dùng khẩu-tài để cầu phú qui, hoặc là quấy rối các nước. Mặc-tử thì dùng khẩu-tài để cứu thiên-hạ.

Đọc cuốn « Mặc-tử » có thể thấy rằng Mặc-tử là bậc khảng-khái, suốt đời làm nghĩa, chỉ muốn vớt cho loài người khỏi cảnh rối-loạn, khổ sở. Coi như việc này :

Biên-thùy phía nam nước Lỗ có người tên là Ngô-Lự, mùa đông nung lò, mùa hè cấy ruộng, tự ví mình với vua Thuấn, Mặc-tử nghe tiếng, tự đến ra mắt. Ngô-Lự bảo Mặc-tử rằng :

« Cứ làm việc nghĩa mà thôi, cần gì phải nói ? ».

Mặc-tử hỏi :

« Cái mà người gọi là nghĩa, cũng có sức để giúp người ta, cũng có của để chia cho người ta chăng ? ».

Ngô-Lự đáp : « Có ». Mặc-tử nói :

« Địch đã tính rồi, Địch muốn cấy cả thiên-hạ để nuôi người ta, giãi ra mới bằng sức cấy của một người nông, chia cho thiên-hạ, không thể mỗi

người được một thưng thóc. Giả như có được mỗi người một thưng thóc nữa, cũng không thể làm cho kẻ đói thiên-hạ được no. Địch tính dệt vải để mặc cho người thiên-hạ, giời ra mới bằng sức dệt của một người đàn bà, chia cho thiên-hạ không thể mỗi người được một thước vải. Giả cho mỗi người được một thước vải nữa, cũng không thể làm cho kẻ rét thiên-hạ được ấm... Địch muốn mặc giáp bền, cầm mũi nhọn, để cứu cái lo cho các nước hầu, giời ra mới bằng sức chiến - đấu của một người lính, không thể chống nổi ba quân... Địch cho là không bằng học đạo tiên-vương... mà tìm lấy thuyết, thông nhời nói của thánh nhân mà xét lấy lời, trên thì bảo các đấng vương công đại-nhân, rồi đến những kẻ xét-phu đi đất, các đấng vương công đại-nhân dùng lời nói của ta, nước nhà ắt thịnh-trị ; những kẻ xét-phu đi đất dùng lời nói của ta, nết na ắt tu-tĩnh. Nên Địch cho rằng : Dẫu không cấy ruộng cho kẻ đói ăn, không dệt vải cho kẻ rét mặc, mà cái công còn hơn cấy cho họ ăn, dệt cho họ mặc... (Tuiên Lỗ-vấn).

Ấy đó, chí của Mặc như vậy.

Với cái chí ấy, Mặc-tử suốt đời hăm-hở, chỉ muốn cứu-vớt thiên-hạ, dù gặp khó-khẩn nguy-hiểm, cũng không phàn-nản. Coi như việc này :

Khi Mặc-tử ở Lỗ sang Tề, gặp một người quen, người ấy bảo Mặc-tử rằng :

« Nay thiên-hạ chẳng ai làm nghĩa, sao người lại cứ một mình làm nghĩa cho khổ, chẳng bằng thôi đi !

Mặc-tử đáp :

« Nay có một người có mười đứa con, một đứa đi cấy, chín đứa ở dưng, thì đứa đi cấy không thể không làm việc gấp thêm. Vì sao ? Vì người ăn thì nhiều mà người cấy thì ít. Nay thiên-hạ chẳng ai làm nghĩa, người khuyên ta thêm mới phải, sao lại ngăn ta ! »

Lại như việc này :

Khi Công-thâu Ban chế giúp nước Sở một cái thang mây đã xong, sắp đem ra đánh nước Tống. Mặc-tử nghe tin, khởi-hành từ nước Tề, đi luôn mười ngày mười đêm thì đến đất Dĩnh (1), vào ra mắt Công-thâu Ban đề can việc đó. Công-thâu Ban phục lời Mặc-tử, lại đưa Mặc-tử yết kiến vua Sở. Vua Sở cũng bị Mặc-tử nói cho phải phục, bèn thôi việc đánh nước Tống (Thiên Công-thâu Ban).

Vậy thì Mặc-tử sốt sắng với việc cứu đời là dường nào.

Đáng tức cười, là lúc Công-thâu Ban chia lần đặt máy đánh thành nước Tống, Mặc-tử chia lần chống cự, các máy của Công-thâu Ban đã hết,

1) Kinh-đô của nước Sở.

nhưng sức chống cự của Mặc-tử vẫn có thừa. Rồi khi Mặc-tử sang Sở để khuyên nước Sở đừng đánh nước Tống, Công-thâu Ban có ý muốn giết Mặc-tử, để cho nước Tống không còn người nào giữ giúp, vì thấy Mặc-tử nói rằng có bọn Cầm-hoạt Ly hơn ba trăm người đã sắp sửa các đồ thủ ngữ, đợi ở trên thành, vua Sở không dám đánh nước Tống nữa. Thế mà đến khi Mặc-tử trở về, đi qua nước Tống, gặp mưa, muốn nấp vào trong công làng, kẻ giữ cổng lại cho vào.

Người khác gặp trường hợp ấy, chắc phải chán nản, Mặc-tử thì vẫn hăng hái theo đuổi chí mình như thường.

Trong thiên Qui-nghĩa, Mặc-tử nói : « Lời nói của ta có thể dùng được. Kẻ nào bỏ lời nói của ta mà muốn thay đổi tư tưởng, cũng như bỏ việc gặt-hái mà muốn lấy thóc. Kẻ nào dùng lời nói của mình để chê lời nói của ta, cũng như đem trứng ném vào đá vậy. Ném hết cả trứng gầm trời, đá vẫn như thế, không thể lay nổi ».

Tóm lại Mặc-tử là người rất tự tin và nhiều nghị lực, một đời chỉ biết hăng-hái làm điều nghĩa, không vì những sự khó nhọc nguy hiểm mà ngã lòng.

Mạnh-tử công kích Mặc-tử, nói rằng : « Họ Mặc gồm yêu, mòn trán lông gót, cái gì lợi cho thiên hạ

thì làm », câu ấy thật đã tả được cái đức hy-sinh của Mặc-tử. Tuy là công kích, thật ra, lại chính là lời tán-dương cực-điểm.

Trang tử phê bình Mặc-tử cũng nói :

« Cái ý của Mặc - Dịch Cầm hoạt-Ly thì phải, nhưng sự làm việc thì không phải. Họ sẽ khiến cho kẻ Mặc-giả đời sau, ắt phải tự khổ, chỉ dùng ống chân không lòng, bụng chân không « lá », cùng tiến lên mà thôi. Ấy là bậc trên sự loạn, bậc dưới sự trị vậy ».

Thế nhưng, Trang-tử cũng phải ngợi khen Mặc tử mà rằng :

« Tuy vậy, Mặc-tử là người tốt ở găm trời vậy. Muốn tìm không thể được vậy. Dầu cho khô-béo cũng không thể bỏ được vậy. Thật là tài-sĩ vậy ! »

Thật vậy, Mặc-tử thật là « người tốt ở găm trời, muốn tìm không thể được » Hồ Thích cho rằng : « mòn trán lỏng gót, cái gì lợi cho thiên-hạ thì làm » như Mặc-tử, trong lịch nước Tàu, không thể có một người thứ hai.

CHƯƠNG THỨ BA

Nguyên-nhân của học-thuyết Mặc-tử

Học-thuyết Mặc-tử cũng như các triết-học khác, không thể tự nhiên mà có. Hun-đúc ra nó, tất nhiên phải có nguyên-nhân.

Nguyên-nhân sinh ra Mặc học là gì ?

Câu đó, các học-giả nước Tàu xưa nay đã có nhiều người bàn đến.

Sách *Lã-thi xuân-thu* của Lã-Bất-Vi cho rằng : Mặc-tử theo học con cháu Sử Giốc nhà Chu. Bởi vì trước đó thiên-tử nhà Chu có sai Sử Giốc đi sứ nước Lỗ. Ông này ở lại nước Lỗ rất lâu, được nhiều người Lỗ đến học. Về sau Mặc-tử lại học những học-trò ấy.

Sách *Hán-thu* của Ban-Cổ thì bảo học-thuyết Mặc-tử do nhà Thanh-miêu mà ra. Bởi vì Thanh-miêu là nơi thờ bà Khương-nguyên, thủy tổ nhà Chu, lễ nghi cúng tế cực kỳ đơn giản. Mặc-tử cho thế là phải, nên mới nghĩ ra những thuyết « tiết tang », « phi nhạc ».

Sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên thì nói Mặc-tử nối theo « đạo » vua Vũ nhà Hạ. Bởi vì lời nói việc làm của Mặc-tử so với lời nói việc làm của vua Vũ nhà Hạ nhiều chỗ giống nhau.

Trong tập *Trung-quốc học-thuật tư-tưởng biến-thiên dị đồng luận*, Lương Khải-Siêu cho rằng: Yếu-tố gây nên học-thuyết Mặc-tử, tức là ảnh-hưởng của Lão-giáo và Khổng-giáo nữa. Vì theo ý Lương, học-thuật nước Tàu hồi ấy chia làm hai phái: Nam-phái tức là Lão-giáo, chuyên về chủ-nghĩa « yếm thế », Bắc-phái tức là Khổng-giáo, chuyên về chủ-nghĩa « dụng thế ». Mặc-tử sinh ở nước Tống — Lương nhận như thế — là nơi trung-gian của hai phái đó, nên mới thấu lượm được cả tinh-hoa đôi bên, mà làm thành một nhà riêng.

Sách *Hoài-nam yếu-lược* của Lưu-An cũng bảo học-thuyết Mặc-tử gốc ở lễ của nhà Hạ, nhưng lại nói khác *Sử-ký*, Hoài-Nam-tử nói như thế này :

« Mặc-tử theo nghiệp Nho-giả, học đạo Khổng-tử, cho là lễ của Nho-gia phiền nhiễu mà không bằng lòng, chê rằng : Nho-gia chôn cất quá hậu chỉ hại của và làm nghèo dân ; để trở quá lâu vừa hại sự sống vừa hại công việc, nên mới bỏ đạo nhà Chu mà dùng *chính* của nhà Hạ .

Trong bài hậu-tự sách *Mặc-tử* của Tất-Nguyên, Tôn-Tinh-Diễn tán-đồng ý này, cho Hoài-nam tử biết hơn Sử-Tiên Ban-Cổ và nói thêm rằng :

« Cỗ-nhân không hề bỗng không làm ra việc gì. Đạo-giáo của Chư-Tử, hoặc là gốc ở nhà Hạ, hoặc là gốc ở nhà Ân, không phải ngẫu-nhiên. Mặc-tử có thuyết « tiết dụng », « tiết dụng » tức là đạo-giáo của nhà Hạ. Khổng tử nói rằng : « Vua Vũ ăn uống tằn-tiện, mặc đồ xấu-xa, ở cửa nhà thấp », đó là chứng-cớ. Mặc-tử có thuyết « Minh quỷ » tức là cái nghĩa « hiếu-thảo với quỷ thần » của vua Vũ. Mặc-tử có thuyết « kiêm ái » cũng là cái nghĩa « hết sức với ngòi-lạch » của vua Vũ. Mạnh-tử nói « Mặc-tử mòn trán, lỏng gót, cái gì lợi cho thiên-hạ thì làm », Trang tử nói vua Vũ tự mình cầm túi và cào, lội trong các sông thiên-hạ, bụng chân không « lá », ống chân không lông, tắm gió to, gọi mưa dữ. Liệt tử nói « vua Vũ thân-thể nửa khô, chân tay lấm-láp », Lã-Bất-Vy nói : « vua Vũ vì lo cho kẻ dân đen, mặt mũi đen

nhêm, khiếu tạng không thông, cất bước không được», và truyện kinh *Thư* thì nói: «Vua Vũ không nhìn đến con, chỉ mãi miết về việc đo đất, ba lần qua cửa mà không ghé vào», đều giống với câu Mạnh-tử đã tả Mặc-tử. Cả thuyết «tiết táng» của Mặc-tử, cũng là phép của vua Vũ. Thi-tử nói rằng: Phép của vua Vũ, chết ở gò, chôn ở gò, chết ở chằm chôn ở chằm, quan tài gỗ đồng, dày ba tấc, để trở ba tháng. Cao-Dụ chua sách *Lã-thi xuân-thu* cũng nói: «Đề trở ba tháng là lễ của họ Hạ-hậu». Sách *Hàn-phi-tử* chép rằng: «Họ Mặc đưa ma, ngày đông mặc áo mùa đông, ngày hè mặc áo mùa hè, quan-tài gỗ đồng dày ba tấc, để trở ba tháng». Sách «*Mặc-tử*» trong thiên Công-mạnh, Mặc-tử bảo Công-Mạnh rằng: «Người bắt chước nhà Chu mà chưa bắt chước nhà Hạ, cái «cổ» của người chưa phải là «cổ». Công-Mạnh bảo Mặc-tử rằng: «Người cho đề trở ba năm là bảy, thế thì cái phép đề trở ba tháng của người cũng bảy». Vậy thì lệ trở ba tháng, nhà Hạ cũng có, Mặc-tử chỉ theo mà dùng đó thôi».

Trong cuốn *Trung quốc triết-học sử đại cương*, Hồ-Thích cũng biểu đồng-tình với Hoài-nam-tử, tuy không quyết-định Mặc-tử đã có theo nghiệp Nho-giả, học đạo Khổng-tử hay không, nhưng cũng nhận rằng nguyên-nhân Mặc-học cũng có một phần do ở nho-gia mà ra, Hồ nói như vậy:

« Mặc-tử sinh ở nước Lô, lại gặp giữa lúc của Khổng đương thịnh, cho nên học-thuyết Mặc-tử chỗ nào cũng có quan-hệ với Nho gia ».

Hồ có nêu ra mấy điều sau đây của Mặc-tử công-kích Nho gia trong thiên Công mệnh :

« Đạo Nho có bốn điều đủ làm cho mất thiên-hạ : Kẻ Nho cho trời không minh, cho quỷ không thiêng, trời quỷ không bằng lòng, cái đó đủ mất thiên-hạ. Lại chôn cất hậu, để trở lâu, làm ra quan quách thật nặng, chế ra áo khâm thật nhiều, đưa mà như thể dọn nhà, ba năm khóc lóc, phải nâng mới dậy, phải gậy mới đi, tai không nghe gì, mắt không thấy gì, cái đó đủ mất thiên-hạ. Lại đàn hát, trống múa, tập làm âm nhạc, cái đó đủ mất thiên hạ. Lại cho số mệnh là có, nghèo giàu, thọ yếu, trị loạn, yên nguy, đều có khuôn sẵn, không thể thêm bớt, người trên làm theo ý ấy, ắt không nghe đến chính trị, người dưới làm theo ý ấy, ắt không thiết gì làm việc, cái đó đủ mất thiên hạ ». (儒之道足以喪天下者四政焉：儒以天爲不明，以鬼爲不神，天鬼不說，此足以喪天下；又厚葬久喪，重爲棺槨，多爲衣衾，送死若徙，三年哭泣，扶然後起，杖然後行，耳無聞，目無見，此足以喪天下；又弦歌鼓舞，習爲

聲樂, 此足以喪天下; 又以命爲有, 貧富壽夭, 治亂安危, 有極矣, 不可損益也, 爲上者行之, 必不聽治矣, 爲下者行之, 必不從事矣, 此足以喪天下: Nho chi đạo túc dĩ táng thiên-hạ giả từ chính yên: Nho dĩ thiên vi bất minh, dĩ quỷ vi bất thần, thiên quý bất duyệt, thử túc dĩ táng thiên-hạ; hựu hậu táng cửu tang, trọng vi quan quách, đa vi y khâm, tổng tử nhược tử, tam niên khốc khắp, phù nhiên-hậu khởi, trượng nhiên hậu hanh, nhĩ vô văn, mục vô kiến, thử túc dĩ táng thiên-hạ; hựu huyền ca cổ vũ, tập vi thanh nhạc, thử túc dĩ táng thiên-hạ; hựu dĩ mệnh vi hữu, bản phú thọ yểu, trị loạn an nguy, hữu cực hĩ, bất khả tồn ích dã, vi thượng giả hành chi, tất bất thành trị hỹ, vi hạ giả hành chi, tất bất tồn sự hỹ, thử túc dĩ táng thiên-hạ.)

Rồi kết-luận rằng :

« Đây là những điều quan-hệ rất trọng yếu của hai phái Nho Mặc, không thể bỏ qua. Bởi vì Nho-gia không tin quỷ, cho nên Mặc mới xưng ra « Minh quỷ luận »; bởi vì Nho gia chôn cất hậu, để trở lâu, cho nên Mặc tử mới xưng ra « tiết táng luận »; bởi vì Nho-gia trọng lễ nhạc, cho nên Mặc-tử mới xưng ra « Phi nhạc luận »; bởi vì Nho-gia tin

mệnh trời, cho nên Mặc-tử mới xưng ra « Phi mệnh luận ».

Vậy theo ý Hồ, nguyên-nhân Mặc-học chỉ là những sự kích thích do ở lễ-giao của Nho-gia gây nên.

Nay thử xét xem bấy nhiêu thuyết đó, thuyết nào gần với sự thực.

Cố-nhiên hai thuyết của *Lã-thị xuân-thu* và *Hán-thư* đều không thể tin. Bởi vì một đảng không có bằng chứng chắc chắn, một đảng chỉ là ảnh-buồng mỏng manh, không đủ phát sinh ra một học-thuyết.

Còn thuyết của Lương-Khải-Siêu tuy như có lý, thật ra lại rất vu-vơ. Bởi vì nội trong học thuyết Mặc-tử, chẳng những không lẫn Lão giáo, Khổng giáo và còn tương-phản là khác.

Hai thuyết của Tư-mã-Thiên, và Hoài-nam-tử, được Tôn-Tinh-Diễn tìm-kiếm thêm nhiều chứng-cớ, giống như có thể tin được, song xét cho kỹ lại thấy rất xa sự thực. Bởi vì từ đời nhà Hạ (2205 năm trước lịch Tây) đến đời Xuân-thu (Gần 500 năm trước lịch Tây) cách nhau ngót hai nghìn năm. Sách vở chưa có, lời nói việc làm cùng các lễ-nghi chế-độ của vua Vũ khó lòng mà truyền lại được. Khổng tử đã phải than rằng: « Ta muốn xem lễ nhà Hạ, nước Kỷ — con cháu nhà Hạ — không đủ làm chứng; ta muốn xem

lễ nhà Ân, nước Tống — con cháu nhà Ân — không đủ làm chứng. Bởi vì, văn-hiến không đủ». Mặc-tử để sau Khổng-tử, lẽ nào lại biết được hơn Khổng-tử? Những câu của Tôn đã dẫn vào đó, một là do sự truyền-văn, hai là do sự tưởng-tượng, ba là do sự bịa đặt của bọn Chư-tử và bọn Hán-nho, Tấn-nho, không thể căn cứ vào đó mà bảo học-thuyết Mặc-tử gốc ở đạo-giáo nhà Hạ.

Bình-tình mà nói, thuyết của Hồ-Thích có lẽ hợp lý hơn cả.

Trong sách « Mặc-tử », nhất là mấy thiên Tiết-táng, Phi-Nho, Minh-qui, Phi-mệnh, Mặc-tử.. quả đã phản-đối Nho-gia một cách vô cùng kịch-liệt. Ấy là đạo - giáo Nho-gia đã gây ra cho Mặc-tử một sức phản-động rất mạnh. Chính sức phản-động ấy thúc-giục Mặc-tử phải lập lấy một học-thuyết để chống phái Nho.

Nhưng mà cái công dụng lên Mặc-học, không phải có mình Nho-giáo, tựu trung cũng có cả Lão-giáo nữa.

Lão-tử bảo «trời đất bất nhân, dùng muôn vật làm cỏ và chó» (1), Mặc-tử bảo «trời yêu cả thiên-hạ làm lợi cho cả muôn vật, tử-mỹ như cái múp sợi lông.» (今夫天,兼天下而愛之,邀逐

1. — Trong Hán-văn, nguyên là hai chữ «sô cầu» có người bảo là «con chó bằng cỏ» đồ để tế trời. Nhưng Vương Bật thì chua là cỏ và chó

萬物而利之, 若豪之末 : Kim phù thiên, kiêm thiên-hạ nhi ái chi, yêu-trục vạn vật nhi lợi chi, nbuộc hào chi mạt (1). Lão-tử xưng thuyết « vô vi », cho không làm gì tức là không có việc gì không làm. Mặc tử lại chỉ long đong đi cứu thiên-hạ, nay ở nước này, mai ở nước kia, cái bấp không kịp ám khói, ấy là Mặc tử đã phản-đối Lão giáo một cách gián tiếp. Thế thì trong sự cấu-tạo học thuyết Mặc tử, cũng có cả sức phản-động bởi Lão-học đã gây ra nữa.

Nhưng với nhà Hạ, không phải không có quan-hệ. Bởi vì Mặc-tử nói đến vua Vũ luôn luôn.

Tóm lại, có thể nói như thế này :

Mặc-tử sống nhằm giữa hồi Lão-giáo Nho-giáo cực kỳ bành-trướng, vì không chịu nổi sự phiến-tỏa của Nho gia, cũng không kham nổi sự phóng-túg của Lão-gia, muốn chống lại hai làn sóng ấy, Mặc tử phải tự lập một học-thuyết trái lại. Lại sợ tự mình đặt ra, đời sẽ không tin, nên phải nói rằng, đó là đạo của vua Vũ, của nhà Hạ. Lệ ấy cũng như Knổng-tử nói theo vua Nghiêu vua Thuấn, bắt-chước vua Văn vua Vũ, không có chi lạ.

1, — Cõi thiên Qui-nghĩa trong sách Mặc-tử.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Luận-lý học của Mặc-tử

I — Phương pháp triết-học

Chương trên có dẫn mấy điều phi - mệnh, phi-nhạc, tiết táng trong thiên Công - mệnh để chứng học-thuyết Mặc tử trái với học thuyết Nho-gia, đó là mới nói sơ qua, thật ra sự khác nhau của hai học phái đó, còn có một chỗ quan-hệ hơn nữa, ấy là phương-pháp triết-học.

Hãy coi đoạn này trong thiên Canh-trụ:

« D ẹp-công hỏi Trọng hi về việc chính trị mà rằng : « Kẻ khéo làm việc chính-trị thì làm thế nào? » Trọng-ni thưa rằng : « Kẻ khéo làm việc chính-trị thì phải làm cho người xa gần lại, việc cũ mới ra, (善爲政者, 遠者近之, 舊者新之.) Thiên vi chính giá, viễn giá cận chi, cựu giả tân chi (1) »

(1) Sách Luận-ngữ chép là : « 近者說, 遠者來 : Cận giả duyệt, viễn giả lai. »

« Tử Mặc-tử nghe vậy, nói rằng : « Diệp-công-tử-Cao chưa biết hỏi, Trọng-ni cũng chưa biết đáp. Diệp công-tử Cao há không biết rằng : kẻ khéo làm việc chính-trị thì phải làm cho người xa gần lại, việc cũ mới ra ? Hẳn hỏi cái cách phải làm thế nào mà thôi. » (葉公子高未得其問也, 仲尼亦未得其所以對也. 葉公子高豈不知善爲政者之遠者近之, 舊者新之? 問所以爲之若之何也? Diệp công-tử Cao vị đặc kỳ vấn dã, Trọng-ni diệp vị đặc kỳ sở dĩ đối dã. Diệp công-tử Cao khởi bất tri thiện vi chính giả chi viễn giả cận chi, cựu giả tân chi. Vấn sở dĩ vi chi nhược chi hà dã).

Đây là một điều rất khác nhau của hai phái Nho Mặc. Nhận kỹ chỗ ấy thấy rằng Khổng-tử chỉ nói một cái mục-dịch thuộc về lý-tưởng, Mặc-tử thì trọng ở cách tiến-hành.

Và đoạn này nữa trong thiên Công-mạnh :

« Tử Mặc-tử hỏi một Nho-giả rằng : « Sao lại làm nhạc ? ». Người Nho giả đáp : « Nhạc để làm nhạc ». Tử-Mặc-tử nói : « Người vẫn chưa trả lời ta. Nay ta hỏi rằng : « Sao lại làm buồng ? » Người nói : « Mùa đông tránh rét, mùa hè tránh nắng, buồng để cách biệt con trai con gái ». Thế là người đã bảo ta cái có làm buồng. Nay ta hỏi rằng : « Sao lại làm nhạc ? ». Người bảo : « Nhạc để làm nhạc ».

Thế cũng như hỏi « Sao lại làm buồng » mà đáp « Buồng để làm buồng » (子墨子問於儒者曰: «何故爲樂?» 曰: «樂以爲樂也.» 子墨子曰: «子未我應也. 今我問曰: «何故爲室?» 曰: «冬避寒, 夏避暑, 室以爲男女之別也», 則子告我爲室之故矣. 今我問曰: «何故爲樂?» 曰: «樂以爲樂也». 是猶曰 «何故爲室» 曰: «室以爲室也?» Tử-Mặc-tử vấn ư Nho-giả viết: « Hà cổ vi nhạc » viết « Nhạc dĩ vi nhạc dã ». Tử Mặc-tử viết: « Tử vi ngã ứng dã. Kim ngã vấn viết: « Hà cổ vi thất ? » Viết: « Đông tị hàn, hạ tị thử, thất dĩ vi nam nữ chi biệt dã », tắc tử cáo ngã vi thất chi cổ hĩ. Kim ngã vấn viết: « Hà cổ vi nhạc? » Viết: « nhạc dĩ vi nhạc dã », thị do viết: « hà cổ vi thất ? » viết: « thất dĩ vi thất dã ».

Nho-giả chỉ nói « là thế » Mặc-tử muốn biết cái cớ « tại sao ». Đó lại là chỗ khác nhau rất xa.

Hồ-Thích cho rằng: hai điều khác nhau này đều rất trọng-yếu.

Thật vậy, chính nó làm cho hai phái Nho Mặc đi ra hai ngã.

Nho-giả chỉ thích đặt một cái nêu « lý-tưởng » thật cao, để làm mục-dịch cho đời sống của loài

người. Ví như: bàn về chính-trị, Nho-gia nhất-định phải nói « vua cho ra vua, tôi cho ra tôi, cha cho ra cha, con cho ra con »; hay là làm cho « người gần vui lòng, người xa đồ ị», đó chỉ là những mục-dịch lý-tưởng, không phải phương-pháp tiến-hành. Hay như bàn về nhân sinh triết-học. Nho-gia chỉ treo cái bảng « phải đồ ở chỗ cui thiện », không nói làm cách thế nào mà đi đến được chỗ ấy. Rồi khi bàn về tiết mục của cái bảng đó, thì cũng chỉ nói « làm vua người ta, đồ ở chỗ « nhân », làm tôi người ta, đồ ở chỗ « kính », làm cha người ta, đồ ở chỗ « từ », làm con người ta, đồ ở chỗ « hiếu », giao du với người trong nước, đồ ở chỗ « liu », tuyệt-nhiên không nói vì sao làm con phải hiếu, vì sao làm tôi phải kính, vì sao làm vua làm cha, làm bè-bạn lại phải « nhân » « từ » và « tin ». Tóm lại, nghị-luận của Nho-gia chỉ thiên về mặt động cơ, không chú-ý đến cái kết-quả, chỉ nói nên làm như thế, không nói tại sao phải làm như thế.

Phương pháp của Mặc-tử thì trái hẳn thế. Bất kỳ việc gì, Mặc-tử đều hỏi « để làm gì ». Ví như làm một cái buồng trước bết hãy hỏi « để làm gì » mới có thể biết nên « làm thế nào ». Có biết công dụng của cái buồng là để mùa đông tránh rét, mùa hè tránh nắng, và để cách-biệt con trai với con gái, thì mới biết cách xếp đặt ra sao cho có những công-dụng ấy. Hết thầy hành-vi của đời người,

đều giống như thế. Mặc tử cho rằng : vô-luận sự vật, chế-độ, học-thuyết, quan-niệm, cái gì cũng phải có chỗ « để làm gì ». Nói cho rõ ra, nghĩa là việc gì vật gì cũng có chỗ « dùng », biết được chỗ « dùng » của các sự vật, mới biết được sự phải trái, tốt xấu của nó. Bởi vậy, khi bàn về thuyết « kiêm ái », Mặc tử nói :

« Dùng mà không được, dầu như ta đây, cũng sẽ công kích. Và, khi nào lại có cái « phải » mà không được » (用而不可, 雖我亦將非之. 且焉有善而不可用者 : Dụng nhi bất khả, tuy ngã diệc tương phi chi. Thả, yên hữu thiện nhi bất khả dụng giả) (Thiên Kiêm ái hạ).

Và khi giải thuyết phi-nhạc, Mặc-tử cũng nói :

« Thánh - vương cũng đã thu-liễm nhiều của muôn dân, để làm ra thuyền và xe. Lúc đã thành rồi, liền hỏi : « Ta sẽ dùng nó làm gì ». Đáp rằng : « Thuyền dùng ở nước, xe dùng ở cạn, quân - tử được nghỉ chân, tiểu nhân được nghỉ vai, lưng. Cho nên muôn dân xuất của đem lại mà cho, không dám oán hận. Sao vậy ? Vì nó trúng vào chỗ lợi của dân. Vậy thì những thứ nhạc-khi, nếu cũng trúng vào chỗ lợi của dân như thế, ta cũng không dám công-kích. Nhưng dân có ba điều lo, là, đói không được ăn, rét không được mặc, mỏi không được nghỉ, ba điều đó là sự lo lớn của dân. Son

nếu vì dân mà gõ chuông lớn, đánh trống kêu, gảy đàn cầm đàn sắt, thổi ống vu ống sinh và múa cái can cái thích, thì cái của ăn mặc của dân có được gì đâu» (古者聖王亦嘗厚措歛于萬民以爲舟車。既以成矣，曰：吾將惡許用之？曰：舟之用水，車之用陸，君子息其足焉，小人休其肩背焉，故萬民出財齎而予之，不敢以爲憾恨者，何也？以其反中民之利也。然則樂器反中民之利亦若此，卽我弗敢非也。民有三患：饑者不得食，寒者不得衣，勞者不得息，三者民之巨患也。然卽當爲之撞巨鐘，擊鳴鼓，彈琴瑟，吹竽笙而揚干戚，民衣食之財將安得乎？

Cổ giả thánh-vương diệc thường hậu thổ-liêm vu vạn dân, dĩ vi châu xa. Kỳ dĩ thành hỷ, viết : « Ngô tương ô-hư dụng chi ? » viết : « Châu chi dụng thủy, xa chi dụng lục, quân-tử tức kỳ túc yên, tiểu-nhân tức kỳ kiên bối yên. » Cổ vạn dân xuất tài, tê nhi dĩ chi, bất cảm dĩ vi thích hận giả. Hà dã? Dĩ kỳ phản trúng dân chi lợi dã. Nhiên tắc nhạc khí phản trúng dân chi lợi diệc nhược thử, tức ngã diệc vị cảm phi dã. Dân hữu tam hoạn : cơ giả bất đắc thực, hàn giả bất đắc y,

lao giả bất đắc tức. tam giả dân chi cự hoạn dã, Nhiên tức đương vị chi trảng cự chung, kích minh cổ, đàn cầm sắt, xuy vu sinh, nhi dương can xich, dân y thực chi tai, tương an đắc hồ ?). (Thiên Phi-nhạc thượng)

Đoạn trên ý nói cái gì dùng được thì gọi là « phải », cái gì đã « phải », thì phải dùng được. Ví như ta nói cái bút này tốt, vì nó dễ viết. Nếu không dễ viết thì không thể bảo là tốt. Đoạn dưới sâu hơn một tầng, đại để nói rằng: chỗ « dùng » của các sự-vật, đều phải nhằm về mục-dịch thực lợi. Vật gì, việc gì không trúng vào mục đích ấy thì không nên làm. Ví như kiềng vàng nhân ngọc, không phải không có chỗ « dùng », vì nó có thể làm đồ trang-sức, nhưng chỗ « dùng » đó không có ích-lợi thực-tế, thì không nên dùng.

Đó là chủ-nghĩa « ứng-dụng », Mặc-tử dùng nó làm đồ cân-đo lời nói việc làm của người đời, như đoạn thí-dụ dưới đây ;

« Nay kẻ mù nói : « Bạch nghĩa là trắng, thâm nghĩa là đen », dẫu kẻ sáng mắt cũng không đổi được lời hấn. Nếu để đen trắng lẫn-lộn, mà sai kẻ mù chọn lấy, thì hấn không thể biết được. Cho nên ta nói « Kẻ mù không biết đen trắng, không phải vì sự gọi tên, là vì sự chọn lấy - đó ».

« Nay người quân-tử trong thiên-hạ, gọi tên điều nhân, dẫu đến vua Vũ vua Thang cũng không đòi được lời họ, nhưng đề nhân với bất-nhân lẫn-lộn, mà bảo những người quân-tử trong thiên-hạ chọn lấy, thì họ không thể biết được. Cho nên ta bảo người quân-tử trong thiên-hạ không biết điều nhân, không phải vì sự gọi tên, cũng là vì sự chọn lấy ». (今瞽者曰: « 鉅者白也, 黔者黑也 ». 雖明目者無以易之, 兼白黑, 使瞽取焉, 不能知也, 故我曰: 瞽不知黑白, 非以其名, 以其取也. 今天下之君子之名仁也, 雖禹湯無以易之, 兼仁與不仁, 而使天下之君子取焉, 不能知也, 故我曰: 天下之君子不知仁, 非以其名, 亦以其取也. Kim cổ-giả viết : « Cự giả bạch dã, kiêm giả hắc dã, tuy minh mục giả vô dĩ dịch chi. Kiêm bạch hắc sử cổ thủ yên, bất năng tri dã. Cổ ngã viết : « Cổ bất tri hắc bạch, phi dĩ kỳ danh, dĩ kỳ thủ dã. Kim thiên hạ chi quân tử chi danh nhân dã, tuy Vũ Thang vô dĩ dịch chi. Kiêm nhân dữ bất nhân, nhi sử thiên-hạ chi quân tử thủ yên, bất năng tri dã. Cổ ngã viết : « Thiên hạ chi quân-tử bất tri nhân », phi dĩ kỳ danh, diệc dĩ kỳ thủ dã ». (Thiên Quí-ghĩa).

Mấy câu này thật là thông-khoái rất đúng với bệnh người đời.

Ở đời ai cũng biết nói nhân-nghĩa đạo-đức, giống như kẻ mù tuy không trông thấy trắng đen nhưng cũng nói được định-nghĩa của đen và trắng. Đến khi ứng dụng vào chỗ thực-tế, mới thấy những cái định-nghĩa nói mệp không thể dùng được. Những người hay nói thánh tướng đều như thế cả. Thậm chí lắm kẻ nói rất sành-sỏi, rành-mạch, nhưng mà đến lúc lâm sự lại rất mù-mịt lờ mờ. Đối với Mặc tử, những người như thế, không phải là kẻ thật biết. Những kẻ thật biết phải đem cái biết của mình dùng vào việc làm.

Đây là phương-pháp căn bản của triết-học Mặc-tử. Sau này cái thuyết « tri-hành hợp nhất » của Vương Dương-Minh, cũng có nhiều chỗ giống phương-pháp đó. Dương-Minh nói rằng: « Chưa có bao giờ biết mà không làm. Biết mà không làm, tức là chưa biết ». Câu ấy với câu « Ta bảo người quân-tử trong thiên-hạ không biết điều nhân, không phải vì sự gọi tên, cũng là vì sự chọn lấy » của Mặc-tử cũng cùng một ý. Nhưng Dương-Minh với Mặc-tử lại có một chỗ rất không giống nhau. Dương-Minh chỉ chuyên trọng về phương diện « lương tri », cho nên mới nói: « Một điểm lương tri, ấy là chuẩn-tắc của anh, ý anh nghĩ ra, nó phải thì

‘biết là phải, nó trái thì biết là trái ». Mặc-tử không thế. Cái chuẩn-lắc về sự phải trái của Mặc-tử không phải do ở lương-trí trong lòng, mà là do sự thực dụng ngoài lòng. Mặc-tử là người chủ trương « nghĩa ngoại ». Dương-Minh là kẻ chủ-trương « nghĩa nội » cái thuyết « Thi hành hợp nhất » của Dương-Minh, chỉ cần người ta thực-hành những điều do ở lương-trí sai khiến. Còn thuyết « tri hành hợp nhất » của Mặc-tử, thì cần xét xem những điều đã biết có thể thực-hành được không, có thể ứng dụng được không. Thực-hành được tức là biết thật, không thực-hành được ấy là biết giả ; ứng-dụng được tức là cái biết có giá trị, không ứng-dụng được, ấy là cái biết vô giá-trị.

Phương-pháp căn-bản đó, Mặc-tử dùng vào nhiều chỗ. Ví đoạn này trong thiên Phi-công :

« Nay có một người, vào vườn người ta, ăn trộm quả đào quả mận của người ta, mọi người nghe thấy thì chê ; ở trên, người coi chính-sự bắt được thì phạt. Đó là có gì ? Vì hắn làm hại người ta để lợi cho mình. Đến kẻ săn bắt chó heo gà lợn của người ta, lại bắt nghĩa hơn vào vườn ăn trộm quả đào quả mận. Đó là có gì ? Vì hắn làm hại người ta càng nhiều, thì sự bất nhân càng tệ và tội càng nặng. Đến kẻ vào chuồng người ta, ăn trộm con trâu con ngựa của người ta, lại bắt nhân-

nghĩa hơn săn bắt chó heo gà lợn của người ta. Đó là có gì? Vì hắn làm hại người ta nhiều hơn. Hắn làm hại người càng nhiều, thì sự bất-nhân càng tệ và tội càng nặng. Đến kẻ giết người vô tội, lột lấy áo đơn áo cừu, cướp lấy cái giáo cái gươm của người ta, lại bắt nghĩa hơn vào chuồng người ta, ăn trộm trâu ngựa của người ta. Đó là có gì? Vì hắn làm hại người ta nhiều hơn. Hắn làm hại người càng nhiều, thì sự bất-nhân càng tệ, tội càng nặng...

今有一人入人園圃，竊其桃李，衆聞則非之，上爲政者得則罰之，此何也？以其虧人自利也。至攘人犬豕鷄豚者，其不義又甚。入人園圃，竊桃李，是何故也？以虧愈多，其不仁茲甚，罪益厚。至入人欄廄，取人牛馬者，其不仁義又甚。攘人犬豕鷄豚，此何故也？以其虧人愈多。苟虧人愈多，其不仁茲甚，罪益厚。至殺不辜人也，拖其衣裘，取其戈劍者，其不義又甚。入人欄廄，竊人馬牛，此何故也？以其虧人愈多，苟虧人愈多，其不仁茲甚矣，罪益厚... Kim hữu nhất nhân, nhập nhân viên phổ, thiết kỳ đao lý, chúng văn tắc phi chi, thượng vi chính giả đắc

tắc phạt chi. Thử hà dã? Dĩ kỳ khuy nhân tự lợi dã. Chi nhượng nhân khuyển thí kê đồn giả, kỳ bất nghĩa hựu thậm nhập nhân viên phổ thiết đào lý. Thị hà cố dã? Dĩ kỳ khuy nhân dĩ đa, kỳ bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chi nhập nhân lan khái, thủ nhân ngư mã, kỳ bất nhân-nghĩa hựu thậm nhượng nhân khuyển thí kê đồn. Thị hà cố dã? Dĩ kỳ khuy nhân dĩ đa. Cầu khuy nhân dĩ đa, kỳ bất nhân tư thậm, tội ích hậu. Chi sát bất cô nhân dã, đa kỳ y cứu, thủ kỳ qua kiếm giả, kỳ bất nghĩa hựu thậm nhập nhân lan khái, thiết nhân mã ngư. Thị hà cố dã? Dĩ kỳ khuy nhân dĩ đa. Cầu khuy nhân dĩ đa, kỳ bất nhân tư thậm, tội ích hậu...)

Coi đoạn trên này, nếu chỉ xét về cách luận-chứng, người ta có thể cho rằng phương pháp triết-học của Mặc-tử đã hơi tinh-vi, đó là chỗ Mặc-tử hơn hẳn Nho-gia.

II — Phép ba biểu

Ba « biểu » là gì? Những trường-hợp nào thì dùng ba biểu? Hãy nghe Mặc-tử cắt nghĩa :

« Nói phải dựng mâu. Nói không có mâu, ví như ở trên bàn xoay mà nói sớm tối, phải trái lợi hại, khác nhau thế nào, không thể mà biết rõ được. Cho nên khi nói ắt có ba « biểu ».

« Thế nào gọi là ba « biểu »? Nghĩa là có cái làm « gốc » có cái làm « nguyên », có cái để

« dùng » : « Gốc ở chỗ nào ? Trên thì gốc ở việc của thánh-vương đời xưa, Nguyên ở chỗ nào ? Dưới thì dò xét sự thực ở trước tai mắt trăm họ. Dùng ở chỗ nào ? Đưa ra làm việc bình chính xem có lợi cho nhà nước trăm họ hay không. (言必立儀, 言而無儀, 譬猶運均 (1) 之上而言朝夕者也. 是非利害之辨, 不可得而明知也, 故言必有三表. 何謂三表... 有本之者, 有原之者, 有用之者. 於何本之? 上本之於古者聖王之事, 於何原之, 下原察百姓耳目之實, 於何用之? 發以爲刑政, 觀其中國家百姓之利: Ngôn tất lập nghi. Ngôn nhi vô nghi, xý do vận quân chi thượng nhi ngôn triều tịch giả dã. Thị phi lợi hại, bất khả đắc nhi minh tri dã. Cổ ngôn tất hữu tam biểu. Hà vị tam biểu? Hữu bản chi giả, hữu nguyên chi giả, hữu dụng chi giả. Ư hà bản chi? Thượng bản chi ư cổ giả thánh-vương chi sự. Ư hà nguyên chi?

(1) Tất Nguyên chưa rằng : « Cao Dự chưa sách Hoài-nam tử nói rằng : « 均 (quân) là cái bàn của thợ gốm dùng để nặn đồ sành. Sách Sử-ký tập giải nói rằng : Nhà làm đồ gốm gọi tên cái bàn quay tròn ở dưới cái khuôn là «均» (quân.) Vậy thì chữ «均» tức là bàn xoay của thợ gốm dùng để nặn những đồ tròn. Câu này ý nói : Người ta mà biết sớm tối là nhờ về biết bốn phương. Ở trên bàn xoay quay tít không biết phương nào vào phương nào, thì không thể biết sớm tối, nếu nói sớm tối tức là nói mò, không thể trúng được.

Hạ nguyên sát bách tinh nhĩ mục chi thực. U hà dụng chi? Phát dĩ vi hiãh chính, quan kỳ trùng quốc-gia bách tinh chi lợi). (Thiên Phi-mệnh thượng).

Trong ba « biểu » đó, thì biểu thứ nhất và biểu thứ hai, có lúc đảo lên đảo xuống, nhưng biểu thứ ba bao giờ cũng ở cuối cùng. Cõi đó biết Mặc-tử rất chú ý đến sự ứng-dụng về thực tế.

Phép luận-chứng này, có thể dùng đoạn sau đây để làm thí dụ :

Biểu thứ nhất, Mặc-tử nói :

«... Nhưng mà sĩ quân tử đời nay hoặc cũng có người vẫn cho số mệnh là có. Song ta từng xem ngược lên việc của thánh-vương đời xưa, cái nước vua Kiệt đã làm cho loạn, vua Thang nhận lấy lại làm cho trị; cái nước vua Trụ đã làm cho loạn, vua Võ nhận lấy lại làm cho trị. Đó là đời vẫn chưa thay, dân vẫn chưa đổi, ở vua Kiệt vua Trụ thì thiên-hạ loạn, ở vua Thang vua Võ thì thiên-hạ trị, há có thể bảo là số mệnh à? Hiến-pháp của tiên-vương, cũng từng có nói « phúc không thể cầu, họa không thể kiêng, cung kính không ích gì, bạo-ngược không hại gì » ư? Hình-phép của tiên-vương cũng từng có nói « phúc không thể cầu, họa không thể kiêng, cung-kính không ích gì, bạo-ngược không hại gì » ư? Lời thề của tiên-vương cũng từng có nói « phúc không thể cầu, họa không thể kiêng, cung-

kính không ích gì, bạo ngược không hại gì » ư ?

(然而今天下之士君子,或以命爲有. 蓋嘗尙觀於聖王之事: 古者桀之所亂, 湯受而治之; 紂之所亂, 武王受而治之, 此世未易, 民未渝, 在於桀紂則天下亂, 在於湯武則天下治, 豈可謂有命哉... 先王之憲亦嘗有曰: «福不可請而禍不可諱, 敬無益, 暴無傷» 者乎? 先王之刑亦嘗有曰: «福不可請而禍不可諱, 敬無益, 暴無傷» 者乎? 先王之誓亦嘗有曰: «福不可請而禍不可諱, 敬無益, 暴無傷» 者乎: Nbiên nhi kim thiên-bà chi sĩ quân-tử, hoặc dĩ mệnh vi hữu. Cái thường thượng quan ư thánh-vương chi sự: Cổ-giả Kiệt chi sở loạn, Thang thụ nhi trị chi; Trụ chi sở loạn, Võ-vương thụ nhi trị chi. Thử thế vị dịch, dân vị thâu, tại ư Kiệt Trụ tắc thiên-bà loạn, tại ư Thang Võ tắc thiên-bà trị, khởi khả vi hữu mệnh tại? ... Tiên-vương chi hiến, diệc thường hữu viết: « phúc bất khả thỉnh, nhi họa bất khả hủy, kính vô ích, bạo vô thương » giả hồ? Tiên-vương chi hình diệc thường hữu viết: « phúc bất khả thỉnh, nhi họa bất khả hủy, kính vô ích, bạo vô thương » giả hồ? Tiên-vương chi thệ diệc thường hữu viết: « phúc bất khả thỉnh nư

họa bất khả hủy, kinh vô ích, bạo vô thương» giả hồ ?) (Thiên Phi mệnh thượng).

Đó là «gốc ở việc của thánh-vương đời xưa».

Biểu thứ hai, Mặc-tử nói :

«Ta sở dĩ biết mệnh là có hay không, là xét sự-thực ở trước tai mắt mọi người mà biết là có hay không. Cái gì có nghe, có thấy thì bảo là có. Cái gì không nghe không thấy thì bảo là không. Ta từng xét về sự-thực của trăm họ, từ xưa cho đến nay, có ai từng thấy thể của số mệnh, từng nghe tiếng của số mệnh hay chưa? Thật chưa từng có»

(我所以知命之有與亡者,以衆人耳目之情知有與亡,有聞之,有見之,謂之有;莫之聞,莫之見,謂之亡.嘗考之百姓之情.自古以及今...亦嘗有見命之物,聞命之聲者乎?則未嘗有也: Ngã sở dĩ tri mệnh chi hữu dữ vô giả, dĩ chúng nhân nhĩ mục chi tình tri hữu dữ vô. Hữu văn chi, hữu kiến chi, vị chi hữu; mạc chi văn, mạc chi kiến, vị chi vô. Thường khảo chi bách tính chi tình, tự cổ dĩ cập kim, diệc thường hữu kiến mệnh chi vật, văn mệnh chi thanh giả hồ? Tác vị thường hữu dã) (Thiên Phi mệnh trung).

Đó là «xét theo sự-thực ở trước tai mắt trăm họ»

Biểu thứ ba, Mặc-tử nói :

« Kể theo thuyết « hữu mệnh » nói rằng : « Người trên thương ai, ấy là số-mệnh người ấy được thương, không phải vì hiền thảo mà thương. Người trên phạt ai, ấy là số mệnh người ấy phải phạt, không phải vì bạo-ngược mà phạt ». Bởi thế mà họ : vào trong nhà thì không hiếu thảo với họ mạc, đi ra ngoài thì không kính-thuận với làng xóm, đứng ngồi không có lễ ý, ra vào không có tiết-dộ, ở chỗ trai gái không có phân-biệt. Cho nên sai họ coi việc quan phủ thì họ ăn trộm ăn cắp, cho họ giữ thành thì họ làm phản, vua có nạn họ không liều chết, vua đi trốn họ không tiễn đưa.... Ngày xưa, những kẻ dân cùng đời cổ, tham ăn uống, biếng làm việc, vì thế, cái của ăn mặc không đủ, mà cái lo đói rét tới nơi, họ không biết nói « vì ta hư hỏng, làm việc không gắng », ắt nói : « số-mệnh của ta vẫn nghèo » ... Ngày xưa những đấng bạo-vương đời cổ không nhận được sự ham-mê của tai mắt và sự thiên-lệch của bụng dạ... rồi đến tan mất nước nhà, nghiêng đổ xã-tắc, họ không biết nói : « vì ta hư hỏng, làm việc chính-trị không khéo », ắt nói : « số-mệnh của ta vẫn mất » ... Nay dùng lời nói của kẻ theo thuyết « hữu mệnh », thì người trên không nghe đến chuyện chính-trị, người dưới không làm việc. Người trên không nghe chuyện chính-trị thì chính-sự rối loạn, người dưới không làm việc thì của dùng không đủ. Đó là chỉ khiến cho những lời nói càn bởi đây mà ra, mà

là cái đạo của kẻ tàn-bạo vậy. (執有命者之言曰: «上之所賞, 命固且賞. 非賢故賞也. 上之所罰, 命固且罰, 非暴固罰也»... 是故入則不慈孝於親戚, 出則不弟長於鄉里, 坐處不度, 出入無節, 男女無辨. 是故使治官府則盜竊, 守城則崩叛, 君有難則不死, 出亡則不送... 昔上世之窮民, 貪於飲食, 惰於從事, 是以衣食之財不足, 而饑寒凍餒之憂至. 不知曰: «我罷不肖, 從事不疾» 必曰: «我命固且貧». 昔上世暴王不忍其耳目之淫, 心涂之辟, 遂以亡失國家, 傾覆社稷, 不知曰: «我罷不肖, 爲政不善». 必曰: «吾命固失之» 今用執有命者之言, 則上不聽治, 下不從事, 上不聽治則政亂, 下不從事則財用不足... 此特凶言之所由生而暴人之道也: Chấp hữu mệnh giả chi ngôn viết: «Thượng chi sở thưởng, mệnh cố thả thưởng, phi hiền cố thưởng dã. Thượng chi sở phạt, mệnh cố thả phạt, phi bạo cố phạt dã.» Thị cố nhập tắc bất từ hiếu ư thân thích, xuất tắc bất đễ-trưởng ư

hương-ly, tọa xử bất độ, xuất nhập vô tiết, nam nữ vô biện. Thị cố sử trị quan phủ tắc đạo thiết, thủ thành tắc băng hạn, quân hữu nạn tắc bất tử, xuất vong tắc bất tống.. Tích thượng-thể chi cùng-dân, tham ư âm thực, nọa ư tòng sự, thị dĩ y thực chi tài bất túc, nhi cơ hàn đồng nổi chi ưu chí, bất tri viết : « ngã bì bất tiểu, tòng sự bất tạt » tạt viết : « ngã mệnh cố thả bản ». Tích thượng thể bạo vương, bất nhân kỳ nhĩ mục chi dân, tâm đồ chi tích... toại dĩ vong thất quốc-gia, kbuynh phúc xã-tắc, bất tri viết : « ngã bì bất tiểu, vi chính bất thiện », tạt viết : « ngã mệnh cố thất chi ». Kim dung chấp hữu mệnh giả chi ngôn, tắc thượng bất tánh trị, hạ bất tòng sự. Thượng bất tánh trị tắc chính loạn, hạ bất tòng sự tắc tài dụng bất túc.. Thủ đặc hung ngôn chi sở do sinh nhi bạo-nhân chi đạo dã) (Thiên Phi-mệnh thượng).

Đó là « đưa ra làm việc hình-chính, xem có lợi cho nhân dân trăm họ hay không ».

Đối với thời-đại Mặc-tử, phép ba biểu đó, nhất biểu thứ ba, có thể cho là ưu-điểm đặc-biệt của Mặc-gia, các học-thuyết khác đều thiếu kiểu luận-chứng ấy. Tuy vậy cũng có chỗ hay, chỗ dở, chưa phải phương-pháp hoàn-thiện. Hồ-Thích đã có phê-bình như sau :

Về biểu thứ ba. (Đưa ra làm việc hình-chính, xem có lợi cho nhà nước trăm họ hay không).

Cái lưu-tệ của điều này ở chỗ giải-thích chữ « lợi » hẹp quá. Thường thường có rất nhiều việc cách sau hàng mấy trăm năm mới thấy chỗ « dùng », hoặc là chỗ dùng không ở bề ngoài mà ở cái phần cốt-tử bên trong, không thể thấy ngay trước mắt. Ví như Mặc-tử công-kích âm nhạc, nói rằng : âm-nhạc không được việc gì, vì rằng : một là phí của, hai là không cứu được sự nghèo khổ của dân, ba là không thể giúp-đỡ nhà nước, bốn là khiến cho người ta sinh thói xa-xỷ. Sau đó, Trình-Phồn có bác Mặc-tử thế này :

« Xưa kia chư-hầu mãi về thịnh chính, phải nghỉ ngơi bằng cái vui của tiếng chuông tiếng trống; kẻ nông-phu mùa xuân thì cấy, mùa hè thì cấy, mùa thu thì gặt, mùa đông thì cất-cửa, phải nghỉ ngơi bằng cái vui của tiếng chày tiếng lon. Nay phu-tử nói « thánh-vương không làm âm-nhạc », đó cũng giống như con ngựa chỉ chạy không đỗ, cái cung chỉ dưng không buông, có lẽ kẻ có khí-huyết (1) không thể tới được bậc đó.

Câu hỏi này hoàn toàn căn-cứ ở mặt thực-dụng, thật đã đánh đổ cái thuyết phi nhạc của Mặc-tử. Mặc-tử suốt đời là nhà tôn-giáo chỉ biết khổ-hạnh cứu đời, tính có chỗ thiên, không thể nghĩ tới

1) Tức là loài người.

công-dụng của âm-nhạc. Đó cũng do sự nhận lầm chữ « lợi » mà ra.

Về biểu thứ hai, (xét theo sự thực ở trước tai mắt trăm họ).

Biểu này cũng có lưu-tệ. Là vì tai mắt người ta chỉ có giới-hạn, còn có nhiều thứ — ví như số-mệnh — nguyên là một vật trông không thấy, nghe cũng không thấy, không thể vin vào có đó mà bảo là có hay không. Vả chẳng, tai mắt người thường rất dễ sai lầm lẫn-lộn, ví như câu chuyện ma quỷ, tiểu-thuyết đời xưa nhiều chỗ nói đủ chứng-cớ rành-rành, cho đến bè-bạn của mình lẫn người cũng khoe chính mắt thấy ma nữa, có lẽ vì thế mà mình bảo là có ma được ư ?

Song mà biểu ấy tuy có lưu-tệ, nhưng lại có một công-dụng rất lớn. Là vì xưa nay các nhà triết-học Trung-quốc không nói đến sự kinh-nghiệm ở trước tai-mắt, và chỉ bàn về lý-tưởng trong bụng. Ví như Lão-tử nói rằng : « Không ra khỏi cổng mà biết gấm trời, không cần ngó qua cửa sổ mà biết đạo trời, hễ ra càng xa thì biết càng ít »; hay như Khổng-tử tuy nói « học mà không nghĩ thì lơ mờ, nghĩ mà không học thì hay nghĩ-hoặc », nhưng mà chữ « học » của ngài hầu hết chỉ về một việc đọc sách, không phải sự thực ở trước tai mắt trăm họ. Riêng có Mặc-tử luôn luôn nhắc mãi điều đó và nói :

« Cái cách mà người thiên-hạ sở-dĩ xét biết là có hay không, ắt lấy những sự tai mắt mọi người thực biết là có hay không làm mực. Thật có nghe thấy, có trông thấy thì lấy làm có, không nghe thấy, không trông thấy thì cho là không » (thiên Minh-qui). Sự trọng những cái kinh-nghiệm của tai mắt đó, chính là rễ-gốc của khoa-học.

Về biểu thứ nhất. (Gốc ở việc của thánh-vương đời xưa):

Mặc-tử rất tức những lời nghị-luận về thuyết « phục cổ » của Nho-giả, cho nên trong thiên Phi-nho có nói :

Kẻ Nho-giả nói : « Quân-tử phải nói theo cổ, mặc theo cổ, mới là nhân ».

Đáp rằng : « Lời nói đồ mặc của đời cổ cũng đã có một lần mới, mà người xưa nói nó, mặc nó, thì không phải là quân-tử ».

Mặc-tử đã phản-đối sự phục-cổ như thế, cơ sao lại dùng « việc của thánh - vương đời xưa » để làm tiêu chuẩn cho sự luận-chứng ?

Bởi vì biểu thứ nhất và biểu thứ ba của Mặc-tử vẫn cùng một ý. Biểu thứ ba nói sự ứng-dụng về thực-tế của hiện-tại và của tương-lai, biểu thứ nhất nói sự ứng-dụng về thực-tế của quá-khứ. Những sự kinh nghiệm từng trải về quá khứ đều có thể

làm gương cho chúng ta. Người xưa làm rồi đã có hiệu quả, thì người đời nay há lại không thể bắt chước ? Người xưa làm rồi có hại, chúng ta còn nên theo nữa làm chi ? Vì nghĩ như vậy, Mặc-tử mới nói :

« Hết thấy lời nói việc làm, cái gì hợp với thánh-vương Tam - đại (1), vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang vua Văn, vua Võ thì làm. Lời nói việc làm, cái gì hợp với bạo - vương Tam-đại, vua Kiệt, vua Trụ, vua U, vua Lệ thì bỏ, (thiên Quý-nghĩa).

Đó không phải là cách phục-cổ thủ-cựu, ấy là kiểu « ôn việc cũ mà biết việc mới, lấy việc trước mà xét việc sau ».

Ở thiên Lỗ vấn lại nói :

«Bành Khinh-sinh nói : « Cái đã qua có thể biết, cái sắp tới không thể biết ». Tử Mặc-tử đáp : « Giả sử cha mẹ ở ngoài trăm dặm gặp nạn, hẹn trong một ngày đến kịp thì sống, không kịp thì chết. Nay có xe bèn, ngựa khỏe ở đây, lại có ngựa hèn, xe bánh bốn góc ở đây, để cho người chọn, thì người định đi thứ nào ? » Thừa rằng : « Đi xe bèn, ngựa khỏe, có thể chóng tới » Tử Mặc-tử nói : Thế thì làm sao lại không thể biết những cái chưa tới ? ».

(1) Tức là nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu.

Đoạn này cốt tả hiệu dụng của sự kinh-nghiệm về quá-khứ. Ví như « xe bền ngựa khỏe, có thể một ngày đi được trăm dặm » và « ngựa lèn, xe bánh bốn góc không thể đi đường » đều là những cái kinh nghiệm từ trước, có những cái kinh nghiệm ấy thì mới biết rằng « nay ta dùng thứ ngựa khỏe xe bền thì ngày hôm nay, chắc-chắn có thể đi được trăm dặm ». Đó là phương pháp « xét việc trước mà biết việc sau ». Hết thấy luật-lệ khoa-học, đều chung lẽ đó.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Tôn-giáo của Mặc-tử

Chương trên đã nói : Mặc-tử là người cam chịu khổ-hạnh, mong để cứu đời. Vì thấy lời nói, việc làm của người đời, nhiều điều trái với ý mình, Mặc-tử nhận rằng chính cái điều đó nó đã làm cho cuộc đời đảo điên rối-loạn, tai hại nhiều đường, nên mới tự lập ra một môn học-thuyết, hòng để chữa hết những sự tai-hại ấy mà xoay cuộc đời trở lại một cõi đại-đồng thống nhất và có trật-tự. Mặc-tử không phải một người chỉ chuyên viết sách nói suông, ngoài sự đem tư-tưởng của mình truyền bá cho bọn đệ tử, chính mình Mặc-tử lại còn đi hết nước nọ nước kia để khuyên người ta làm theo tôn-chỉ của mình, không hề kỳ quẩn những sự khó-nhọc vất-vả. Như vậy, bản thân Mặc tử, chính là một vị giáo chủ, mà học-thuyết Mặc tử thì là một thứ tôn-giáo, không phải chỉ là một thứ triết-học mà thôi.

Thứ tôn-giáo đó tuy còn sơ-sai, nhưng đã cụ-thể. Đọc cuốn *Mặc-tử*, người ta thấy nó có những tin-điều sau đây :

I. — *Thiên-chí*

Trước đời Mặc-tử, ở Tàu, quan-niệm về trời cũng có nhiều thuyết khác nhau. Lão-tử cho trời chỉ là cái luật tự-nhiên, không có ý-chí, không có tri-thức. Vì vậy mới nói : « Trời đất bất nhân, dùng muôn vật làm cỏ và chó ». Khổng-tử tuy ít bàn về trời, song mà hình như cũng nhận trời là một đấng chủ-tể vũ-trụ, việc trong vũ-trụ đều do ở trời làm ra, vì vậy mới nói : « Trời nói gì đâu, bốn mùa vẫn xoay, muôn vật vẫn sinh, trời nói gì đâu ».

Mặc-tử khác hẳn Lão-tử và cũng không giống Khổng-tử. Theo ý Mặc-tử, trời là một đấng cao-tột, có uy quyền, rất thiêng-liêng và rất công-bằng, giống như gia-trưởng một nhà, quốc-quân một nước. Mặc-tử nói như thế này :

« Kẻ sĩ và người quân-tử trong thiên-hạ ngày nay, chỉ biết cái nhỏ không biết cái lớn. Tại sao biết vậy ? Coi họ ở nhà thì biết. Nếu như ở nhà phải tội với đấng gia-trưởng, hãy còn có nhà lang-giềng để trốn Nhưng mà họ hàng, anh em, kẻ quen biết cũng cùng răn nhau bảo nhau và đều nói rằng : « Sự đó không thể không chừa, không thể không cẩn-thận. Đâu lại có lý ở nhà

mà đi làm điều có tội với đảng gia-trưởng ? » Chẳng
những ở nhà như thế, dẫu đến ở nước cũng vậy.
Ở nước phải tội với đảng quốc quân, hãì còn có
nước láng giềng để trốn. Nhưng mà họ hàng, anh
em, kẻ quen biết, cũng cùng răn nhau bảo nhau
và đều nói rằng : « Sự đó không thể không chừa,
không thể không cẩn-thận. Ai lại ở nước mà đi
làm điều có tội với đảng quốc-quân ? » Đó là ở vào
những nơi còn có chỗ trốn mà sự răn nhau
bảo nhau hãì còn hậu-hỹ như thế. Huống chi ở
vào cái nơi không còn chỗ nào mà trốn, thì sự răn
nhau bảo nhau, há chẳng nên hậu-hỹ hơn, mới phải?
Vả, cổ ngữ có nói : « Ngày nào cũng tối, ngày nào
cũng làm nên tội, còn trốn đi đâu ? Rãng : « Không
thể trốn đi đâu. Trời không thể trái, hang rùng, cửa
tối, không có người ở, trời đều trông thấy rõ-ràng ».
Vậy mà những người quân-tử trong thiên-hạ, với
trời lại quên bẵng đi, không biết đem ra răn nhau
bảo nhau. Vì vậy ta biết kẻ sĩ và người quân-tử
thiên-hạ, chỉ biết cái nhỏ không biết cái lớn. (今
天下之士君子, 知小而不知大. 何
以知之? 以其處家者知之. 若處家
得罪於家長, 猶有隣家所逃避之,
然且親戚, 兄弟, 所知識, 共相儆戒
皆曰: 不可不戒矣! 不可不慎矣! 惡
有處家而得罪於家長而可爲也?)

非獨處家爲然，雖處國亦然，處國得罪於國君，猶有隣國所逃避之。然且親戚兄弟，所知識共相儆戒，皆曰：不可不戒矣！不可不慎矣！誰亦有處國得罪於國君而可爲也？此有所逃避之者也，相儆戒猶若是其厚，况無所逃避之者，相儆戒豈不愈厚而後可哉？且語言有之：「日焉而晏，日焉而得罪，將惡逃避之？」曰：無所逃避之。夫天不可爲，林谷幽門無人，必明見之。然而天下之士君子，天也忽焉，不知以相儆戒，此我所以知天下士君子知小而不知大也。 Kim thiên hạ chi sĩ quân tử, tri tiếu nhi bất tri đại. Hà dĩ tri chi? Dĩ kỳ xử gia giả tri chi. Nhược xử gia đắc tội ư gia-trưởng, do hữu lân gia sở đào ty chi. Nhiên thả thân thích huynh đệ, sở tri thức, cộng tương cảnh giới, dai viết: Bất khả bất giới hỹ! bất khả bất thận hỹ! Ô hữu xử gia nhi đắc tội ư gia-trưởng nhi khả vi dã? Phi độc xử gia vi nhiên, tuy xử quốc diệc nhiên. Xử quốc đắc tội ư quốc-quân, do hữu lân quốc sở đào ty chi. Nhiên thả thân thích huynh đệ, sở tri thức, cộng tương cảnh-giới, dai viết: Bất khả bất giới hỹ! bất khả bất thận hỹ!

Thùỵ diệc hữu xử quốc nhi đắc tội ư quốc quân
nhi khả vi dã? Thử hữu sở đào ty chi giả dã, tương
cảnh-giới do nhược thị kỳ hậu, huống vô sở đào
tị chi giả, tương cảnh giới khởi bất dĩ hậu nhiên
hậu khả tai? Thả ngữ ngôn hữu chi: « Nhật yên
nhi án, nhật yên nhi đắc tội, tương ô đào ty chi?
Viết: « Vô sở đào ty chi. Phù thiên bất khả vi »,
làm cóc u-môn vô nhân, tất minh kiển chi». Nhiên
nhi thiên hạ chi sĩ quân-tử, thiên dã hết yên, bất
tri dĩ tương cảnh giới. Thử ngã sở dĩ tri thiên-hạ
sĩ quân-tử tri tiểu nhi bất tri đại dã).

Vậy là Mặc-tử tin trời là đấng chúa-tể, soi-xét
khắp cả vũ-trụ. Hết thầy gầm trời, đều thuộc về
quyền quản-lĩnh của trời, cũng như một nhà thuộc
về gia-trưởng, một nước thuộc về quốc-quân, cho
nên phải tội với trời thì không trốn đâu được nữa.

Trái lại, người nào có công với trời, tất nhiên
được thưởng.

Cho được chứng thực lẽ đó, Mặc-tử đã tự hỏi
rằng:

« Thế thì những ai làm thuận ý trời mà được
thưởng? những ai làm trái ý trời mà bị phạt?
(然則誰順天意而得賞者? 誰反天
意而得罰者? Nhiên-tắc thùỵ thuận thiên ý
nhi đắc thưởng giả, thùỵ phản thiên ý nhi đắc
phạt giả?)

Và lại tự đáp :

« Xưa kia các đấng thánh-vương đời Tam-đại : vua Vũ, vua Thang; vua Văn, vua Võ, ấy là người làm thuận ý trời mà được thưởng. Xưa kia các đấng bạo-vương đời Tam-đại; vua Kiệt vua Trụ, vua U, vua Lệ, ấy là người làm trái ý trời mà bị phạt. (昔三代聖王, 禹湯文武, 此順天意而得賞也. 昔三代暴王, 桀紂幽厲, 此反天意而得罰也. lịch Tam-đại thánh-vương : Vũ, Thang, Văn, Võ, - thử thuận thiên ý nhi đắc thưởng dã. Tịch Tam-đại bạo-vương : Kiệt, Trụ, U, Lệ, thử phản thiên ý nhi đắc phạt dã).

Thế nào là thuận ý trời? Thế nào là trái ý trời? Được thưởng ra sao? Bị phạt ra sao? Mặc tử cắt nghĩa như vậy :

« Vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ... làm việc, trên thì tôn trời, giữa thờ quỷ thần, dưới yên lòng người, cho nên ý trời nói rằng: « Người này, với kẻ ta yêu đã gồm-tóm mà yêu; với kẻ ta muốn làm lợi, đã gồm-tóm mà làm cho lợi. Những kẻ yêu người, hẳn đã làm cho rộng rãi; những kẻ làm lợi cho người, hẳn đã làm cho hậu-hỹ ». Bởi vậy, trời mới khiến cho : sang thì làm đến thiên tử, giàu thì có cả thiên-hạ, cơ nghiệp để lại cho con cháu muôn đời. Vua Kiệt, vua Trụ, vua

U vua Lệ... làm việc : trên ché trời, giữa ché qui-
thần, dưới rẻ người, cho nên ý trời nói rằng :
« Người này với kẻ ta yêu, đã tách-bạch mà ghét,
với kẻ ta muốn làm lợi, thì châu lại mà làm cho
hại. Những kẻ ghét người thì hẳn cho được rộng-
rãi ; những kẻ rẻ người thì hẳn để cho hậu-hỹ»,
Bởi vậy, trời mới khiến cho không hết tuổi thọ,
không được trót đời (禹湯文武... 其事: 上尊
天, 中事鬼神, 下愛人. 故天意曰: « 此
人, 我所愛, 兼而愛之; 我所利, 兼而
利之. 愛人者此爲博焉; 利人者此
爲厚焉» 故使貴爲天子, 富有天下
業萬世子孫... 桀紂幽厲... 其事:
上詬天, 中詬鬼, 下賤人. 故天意曰:
« 此人, 我所愛, 別而惡之, 我所利, 交
而賊之, 惡人者此爲之博也; 賤人
者此爲之厚也». 故使不得終其壽,
不歿其世 «Vũ Thang Văn Võ... kỳ sự: thượng
tôn thiên, trung sự qui thần, hạ ái nhân, cổ thiên ý
viết : « Thử nhân, ngã sở ái, kiêm nhi ái chi ; ngã
sở lợi, kiêm nhi lợi chi; ái nhân giả thử vị bác
yên; lợi nhân giả vị hậu yên». Cổ sử qui vi thiên-
tử, phú hữu thiên-hạ, nghiệp vạn thế tử-tôn...
Kiệt, Trụ, U, Lệ, kỳ sự : thượng cầu thiên, trung
cầu qui, hạ tiện nhân. Cổ thiên ý viết : « Thử

nhân, ngã sở ái, biệt nhi ố chi, ngã sở lợi, giao nhi tặc chi. Ồ nhân giả thử vị chi bạc dã ; tiện nhân giả thử vị chi hậu dã » : Cổ sử bất đắc chung kỳ thọ, bất một kỳ thể).

Đó là trời cũng thưởng người làm thiện, phạt kẻ làm ác, ý đó với câu : « Làm thiện, cho trăm điều lành; làm ác, cho trăm điều gở » trong kinh *Thư*, cũng gần giống nhau.

Chẳng những thế thôi. Đối với Mặc-tử, trời còn rất quý và rất khôn nữa. Mặc-tử đã giảng lẽ đó như sau :

« Ta sở dĩ biết trời quý và khôn hơn đấng thiên-tử cũng có chứng-cớ. Thiên tử làm thiện, trời có thể thưởng; thiên-tử làm ác, trời có thể phạt; thiên-tử có tật-bệnh tai vạ, ắt phải trai-giới tắm gội, sửa-soạn rượu xôi cho thật sạch sẽ, để cúng trời quý, thì trời có thể trừ bỏ đi cho. Nhưng ta chưa thấy trời phải cầu phúc: với đấng thiên-tử. Vì vậy ta biết trời quý và khôn hơn đấng thiên-tử.

(吾所以知天之貴且知於天子者有矣...天子爲善.天能賞之.天子爲暴.天能罰之.天子有疾病禍崇.必齋戒沐浴.潔爲酒醴粢盛.以祀天.鬼.則天能除去之.然吾未知天之祈福於天子也.此吾所以知天之

貴且知於天子也。Ngô sở dĩ tri thiên chi qui thả tri ư thiên-tử giả hữu hỹ... Thiên-tử vi thiện, thiên năng thưởng chi ; thiên-tử vi bạo, thiên năng phạt chi ; thiên-tử hữu tật-bệnh, họa thùy, tất trai giới mộc dục, khiết vi tửu lễ, tư tình, dĩ tế tự thiên qui, tắc thiên năng trừ khử chi. Nhiên ngô vị tri thiên chi kỳ phúc ư thiên-tử dã. Thử ngô sở dĩ tri thiên chi qui thả tri ư thiên tử dã).

Vậy thì quan-niệm về trời của Mặc-tử, không phải là sự tưởng-tượng, chính do ở sự thực-nghiệm mà ra. Sự thực nghiệm đó tuy không đúng với khoa-học, nhưng nó cũng vẫn là sự thực-nghiệm. Vì đã thực-nghiệm thấy trời là đấng tận thiện tận mỹ, lại có toàn năng toàn quyền, cho nên Mặc-tử chủ trương người đời làm việc phải theo chí-ý của trời ! Mặc-tử nói :

« Ta có chí trời, ví như thợ đóng bánh xe có thước tròn, thợ đóng quan tài có thước vuông. Thợ đóng bánh xe, thợ đóng quan-tài cầm cái thước tròn thước vuông để đo hình vuông hình tròn trong thiên-hạ, nói rằng : hễ đúng thì phải, không đúng thì không phải. Nay sách-vở của kẻ sĩ và người quân-tử trong thiên-hạ chép không thể xiết, lời nói kẻ không thể hết, nhưng trên đi bảo các nước hầu, dưới đi bảo bọn kẻ sĩ, so

với nhân-nghĩa lại rất xa cách. Tại sao biết vậy ?
Đáp rằng: Ta dùng cái phép rõ-ràng của thiên-hạ mà đo. (我有天志, 譬若輪人之有規, 匠人之有矩. 輪匠執其規矩以度天下之方圓, 曰: 中者是也, 不中者非也. 今天下之士君子之書, 不可勝載, 言語不可盡計. 上說諸侯, 下說列士, 其於仁義則大相遠也. 何以知之, 曰: 我得天下之明法以度之. Ngã hữu thiên-chí, xý nhược luân nhân chi hữu qui, tợng nhân chi hữu củ. Luân tợng chấp kỳ qui củ dĩ đạc thiên hạ chi phương viên, viết: Trúng giả thị dã, bất trúng giả phi dã. Kim thiên-hạ chi sĩ quân-tử chi thư bất khả thăng tái, ngôn ngữ bất-khả tận kể, thượng thuế chư hầu, hạ thuế liệt-sĩ, kỳ ư nhân-nghĩa tắc đại tương viên dã. Hà dĩ tri chi? Viết: «Ngã đạc thiên-hạ chi minh pháp dĩ đạc chi) (thiên Thiên-chí thượng).

Và ở chỗ khác, Mặc - tử lại nói :

« Thế thì lấy gì để làm khuôn phép cho việc chính-trị mới phải? Rằng: Không chi bằng cứ bắt chước trời. Sự làm việc của trời rộng rãi mà không riêng tây; sự làm ơn của trời, hậu-hỹ mà không hờm hĩnh, sự rắng lạng của trời lâu bền mà không suy. Cho nên các đấng thánh-vương mới bắt chước

trời. Đã lấy trời làm khuôn-phép, thì tất cả việc gì cũng phải so đo với trời, cái gì trời muốn thì làm, cái gì mà trời không muốn thì thôi. (然則奚以爲治法而可? 曰: 莫若法天. 天之行廣而無私, 其施厚而不德, 其明久而不衰, 故聖王法之. 既以天爲法, 動作有爲必度於天, 天之所欲則爲之, 天所不欲則止. *Nhiên tắc hề dĩ vi trị pháp nhi khả? Việt: mạc nhược pháp thiên. Thiên chi hành quảng nhi vô tư; kỳ thí hậu nhi bất đức; kỳ minh cửu nhi bất suy. Cổ thánh vương pháp chi thiên. Kỳ dĩ thiên vi pháp, động tác hữu vi tất đạc ư thiên. Thiên chi sở dục, tắc vi chi, thiên sở bất dục tắc chí*), (Thiên Pháp-nghi).

Vậy thì trời của Mặc-tử tức là khuôn mẫu tất cả các sự hành-vi của người đời. Bất kỳ vua chúa, sĩ phu, hay dân-chúng, ai ai cũng phải làm đúng cái khuôn mẫu ấy. Đó chính là một tín-điều căn-bản trong tôn giáo họ Mặc, bao nhiêu chi tiết, đều do ở đấy mà ra.

II — Thượng qui

Mặc-tử đã tin ở trong vũ trụ có trời làm đấng chúa-tể, tất nhiên phải tin là có quỷ-thần.

Bởi là một người rất trọng phương-pháp thực-nghiệm, Mặc-tử không chịu nói một điều gì không

có bằng chứng, cho nên bất kỳ việc gì, Mặc-tử đều lấy « sự thực ở trước tai mắt mọi người » và « việc của thánh-vương đời xưa » làm căn cứ để đoán là có hay không. Đối với vấn đề quỷ thần, Mặc-tử cũng dùng kiểu đó và nói :

« Cái cách để cùng thiên-hạ cùng xét cho biết là có hay không, phải lấy cái sự tai mắt mọi người thật biết là có hay không làm bằng... Nếu thế, thì sao không vào một làng một xóm mà hỏi. Từ xưa đến nay nếu cũng đã từng có ai thấy hình quỷ thần nghe tiếng quỷ thần, thì sao lại bảo không có quỷ thần ? Bằng như chẳng ai nghe thấy, chẳng ai trông thấy, thì sao lại bảo là có quỷ thần ? (與天下之所以察有與無之道者, 必以衆之耳目之實知有與無爲儀者也... 若是何不嘗入一鄉一里而問之: 自古以及今.. 亦有嘗見鬼神之物, 聞鬼之聲, 則鬼神何謂無乎. 若莫聞, 莫見則鬼神何謂有乎? Dữ thiên hạ chi sở dĩ sát tri hữu dữ vô chi đạo giả, tất dĩ chúng chi nhĩ mục chi thực tri hữu dữ vô vi nghi giả dã... Nhược thị, hà bất thường nhập nhất hương nhất lý nhi vấn chi? Tự cổ dĩ cập kim... diệc hữu thường kiến quỷ thần chi vật, vấn quỷ thần chi thanh, tắc quỷ thần hà vị vô hồ? Mặc vấn mặc kiến, tắc quỷ thần hà vị hữu hồ?)

Tuy hỏi như vậy, nhưng ý Mặc-tử cho rằng :
Từ xưa đến nay, ở các làng xóm, đã có nhiều
người nói là thấy hình quỷ thần, nghe tiếng quỷ
thần, không cần kết-luận. Vì vậy, tiếp đó Mặc-tử
lại nói :

« Vậy kẻ giữ thuyết « vô quỷ » nói rằng : « Thiên-
hạ, kẻ nói nghe thấy hình tiếng quỷ thần không
thể kể xiết, nhưng mà những ai đã từng nghe thấy
hình tiếng quỷ thần ? (今執無鬼者言曰 :
« 夫天下之爲聞見鬼神之聲物者
不可勝計也. 亦孰爲聞見鬼神之
聲物哉 ? Kim chấp vô quỷ giả ngôn viết : « Phù
thiên-bạ chi vi văn kiến quỷ thần chi thanh vật
giả, bất khả thặng kể dã. Diệc thực vi văn kiến
quỷ thần chi thanh vật tại ?) (thiên Minh quỷ thượng).

Và lại viện ra mấy chuyện sau đây để đáp câu ấy :

1) Khi vua Tuyên-vương nhà Chu giết người bề tôi
vô tội tên là Đổ-Bá, Đổ-Bá có nói : « Nếu kẻ chết
mà không biết gì thì thôi. Bằng như kẻ chết mà
còn tri-giác, thì trong ba năm, ta sẽ khiến cho vua
biết. Ba năm sau, Tuyên-vương họp các nước hầu
đi săn trong vườn. Giữa trưa thấy Đổ-Bá cưỡi
ngựa bạch xe trắng, đội mũ đỏ, mặc áo đỏ, và
cầm cung đỏ tên đỏ, đuổi theo Tuyên-vương mà
bắn vào xe. Trúng ngực, gãy xương sống, Tuyên-
vương gục lên một chiếc túi-cung rồi chết.

2.) Mục-công nước Trịnh giữa ban ngày ở trong miếu, thấy có vị thần vào cửa rồi sang phía tả. Vị thần ấy mình chim, áo trắng ba đoạn, khổ mặt vuông vắn. Mục-công hoảng sợ, toan chạy. Vị thần ấy nói: « Đừng sợ! Thượng-đế chứng-giám đức sáng của mày, sai ta cho mày thọ thêm mười chín tuổi nữa, khiến mày nhà nước phồn-thịnh, con cháu đông-đúc. Mục-công lạy hai lạy dập đầu và hỏi thần gì, Vị thần ấy đáp là thần « Câu-mang ».

3.) Bề-tôi của Trang-quân nước Tề có Vương-lý-Ty và Trung-lý-Hạo kiện nhau, ba năm không phân phải trái, Trang-quân không biết xử trí ra sao, giết thì sợ oan, tha thì sợ họ địch-thực có tội, mới bảo hai người chung nhau giết một con dê, đem ra thề trước thần-xã nước Tề. Hai người xin vâng, Khi thề, Trung-lý-Hạo mới khấn chưa hết nửa câu, thì con dê chết vùng dậy, xông vào húc Trung lý-Hạo, anh ta gãy chân, chết ở chỗ thề.

Còn mấy chuyện nữa, đại khái cũng giống như thế.

Mỗi khi dẫn một chuyện đó, Mặc-tử đều nói lúc ấy, kẻ gần ai cũng trông thấy, kẻ xa ai cũng nghe thấy.

Đó là « sự thực ở trước tai mắt mọi người ».

Vì sợ những sự thực ấy chưa đủ đánh đổ cái thuyết « vô-qui », Mặc-tử lại nói thêm rằng :

« Nếu cho sự thực ở trước tai mắt mọi người làm không đủ tin, không dùng nó để quyết-đoán sự ngờ, thì không biết rằng, các đấng thánh-vương đời Tam đại... có đủ để làm khuôn-phép hay không?... Nếu như các đấng thánh-vương đời Tam đại đủ làm khuôn phép, thì hãy thử xem ngược lên việc của các đấng thánh-vương. (若以衆之耳目之情爲不足信也, 不以斷疑, 不識若昔者三代聖王... 足以爲法乎?... 若昔者三代聖王足以爲法, 然則姑嘗上觀聖王之事, Nhược dĩ chúng chi nhĩ mục chi tình vi bất túc tín dã, bất dĩ đoán nghi, bất thức nhược tích giả Tam đại thánh-vương... túc dĩ vi pháp hồ? Nhược tích giả Tam đại thánh-vương túc dĩ vi pháp, nhiên tắc cô thường thượng quan thánh vương nhi sự).

Và lại dẫn thêm mấy việc như sau :

1) Khi vua Võ-vương đánh nhà Ân và giết vua Trụ, có sai chư hầu chia nhau coi việc tế-tự, người họ gần coi việc tế-tự bên trong, người họ xa coi việc tế-tự bên ngoài. Ấy là vua Vũ-vương cũng cho quỷ thần là có, nếu như không có quỷ thần thì vua Vũ-vương có chia công việc tế-tự làm gì.

2) Trong đời nhà Ngu, nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu, lúc mới dựng nước, sửa đắp kẻ chợ, ắt phải

chọn nơi chình - đàn làm nhà tôn-miếu, lựa một cây gỗ dài-tốt làm ngói « sa - mao », dùng bạc cha anh tư-hiến trình liêm làm người chúc-tôn, chọn giống lục súc béo tốt làm con hy-sinh, kén thứ ngũ cốc thơm vàng làm xôi và rượu.

Thế là các đấng thánh-vương đời xưa, khi trị thiên hạ cũng phải lo việc quỷ thần trước đã, rồi sau mới đến việc người.

Đó là « gốc ở công việc của các thánh-vương đời xưa »

Tựa vào hai cái nguyên-tắc : sự thực ở trước tai mắt mọi người và công việc của các thánh-vương đời trước, Mặc-tử nhận đích là có quỷ-thần.

Và quỷ-thần của Mặc-tử cũng có nhiều hạng ; có quỷ trên trời, có quỷ ở núi và nước, cũng có hạng người chết thành quỷ, Mặc tử cắt nghĩa thế này :

« Đẻ trước thì chết trước, nếu thế thì người chết trước, chẳng cha thì mẹ, chẳng anh thì chị. Nay làm xôi rượu tinh-khiết để đem cúng tế một cách kính-trọng cẩn-thận, nếu như quỷ-thần thật có, ấy là người ta đã mời được cha mẹ anh chị mà thết ăn uống, há chẳng hậu lợi hay sao ? (先生者先死, 若是, 則先死者, 非父則母, 非兄而姒也, 今潔爲酒醴粢盛,

以敬慎祭祀, 若使鬼神誠有, 是得其父母媿兄而飲食之也, 豈非厚利哉, Tiên sinh giả tiên tử, nhược thị tắc tiên tử giả, phi phụ tắc mẫu, phi huynh nhi tự dã. Kim khiết vi tửu lễ tư thành, dĩ kinh thận tế-tự. Nhược sử qui-thần thành hữu, thị đắc kỳ phụ mẫu tự huynh nhi ẩm thực chi dã, khởi phi hậu lợi tai.) (thiên Minh-quỉ thượng).

Nhưng qui của Mặc-tử không có những thứ tà ma yêu quái, chuyên môn ám-ảnh quấy-nhiều người ta, như ma qui của tôn-giáo khác, qui của Mặc-tử, cũng như thần của Nho-gia, cực kỳ thông minh chính trực, và có oai-quyền, chỗ nào cũng soi-xét tới, sức gì cũng dè-dỡ được. Mặc tử nói chắc như vậy :

« Cái sáng của qui thần, không thể che bằng khe tối, chằm rộng, núi rùng, hang sâu ; cái sáng của qui-thần ắt biết tới các chỗ đó. Sự phạt của qui thần, không thể cậy rằng của giàu, ngôi sang, người đông, sức mạnh.. áo giáp bền, gươm sắc ; sự phạt của qui thần thặng được hết các cái đó. (鬼神之明不可爲幽澗廣澤, 山林深谷, 鬼神之明必知之. 鬼神之明, 不可恃富貴衆強堅甲利兵, 鬼神之罰必勝之. Qui thần chi minh, bất

khả vi u giản, quảng trách, sơn lâm thâm cốc. Quỷ thần chi minh tất tri chi Quỷ thần chi phạt, bất khả thị phú qui chúng cường.. kiên giáp lợi binh. Quỷ thần chi phạt tất thắng chi).

Theo ý Mặc-tử, tất cả các sự bất chính ở thế gian, ví như: quan-lại không liêm khiết, trai gái làm sự hôn-loạn, kẻ dân làm việc dâm bạo, giặc loạn trộm cướp dùng gươm dao thuốc độc nước lửa dồn kẻ vô tội ra đường, cướp lấy xe ngựa áo đơn áo cừu của người, làm lợi cho mình, quỷ thần đều có trông thấy, cho đến những vị vua chúa tàn-ngược, cũng bị quỷ-thần trừng-trị

Chỗ này Mặc-tử có lấy vua Kiệt vua Trụ làm chứng. Đại-ý Mặc nói rằng : Hai ông vua ấy, sang thì làm đến thiên-tử, giàu thì có cả thiên-hạ, thống-trị kẻ hàng ức-triệu nhân dân, vua Kiệt lại có Suy-Di, Đại Hý, vua Trụ thì có Phi-Trọng, Ác-Lai, Sùng-hầu-Hồ đều là những người sức khỏe bất sống được gấu cạp, ngón tay vạch xuống cũng đủ giết người. Nhưng đến khi họ, trên đã chê trời, nhòn quỷ, dưới lại làm tàn làm hại nhân dân, thì đều bị nạn diệt vong. Sự diệt vong đó, Mặc-tử cho là do ở quỷ thần trừng phạt mà ra.

Bởi tại quỷ-thần với người đời có chỗ quan-hệ mật thiết như thế, cho nên Mặc-tử chủ trương lấy sự tôn-kính quỷ thần làm một điều kiện trọng-yếu

trong việc trị dân. Và quả-quyết rằng : « Các đấng
vương, công, đại nhân kẻ sĩ và người quân-tử trong
thiên-hạ, nếu mà thực muốn tìm cách hưng lợi trừ
hại cho thiên-hạ, thì sự « quỷ thần có không », không
thể không xét cho kỹ. Là vì quỷ thần có thể thưởng
người hiền mà phạt kẻ bạo, lấy đó làm gốc, mà
đem thi-hành với nhà-nước và muôn dân, ấy là
cách để cai-trị nước-nhà và làm lợi cho muôn dân
vậy ». (thiên Minh-quỉ)

Nhận kỹ chỗ đó thấy rằng : Tôn-chỉ Mặc-tử trong
thuyết « thượng-quỉ » chỉ cốt để cho người ta biết
rằng : quỉ-thần có thể thưởng thiên phạt ác, soi
xét tất cả các sự hành-vi của bất-kỳ một hạng
người nào. Đó cũng là một phương pháp răn kẻ
tàn bạo, khuyên người lương-thiện vậy.

Điều nên nhớ là Mặc-tử tuy tin có trời và có
quỉ thần, nhưng không tin thuyết âm-dương của
nhà phương-thuật.

Trong thiên Qui-nghĩa chép rằng : Mặc-tử lên
phía bắc để sang nước Tề, có gặp một người thầy
bói bảo rằng :

« Thượng-đế đã dùng ngày nay giết con rồng
đen ở phương Bắc. Tiên-sinh sắc da hơi đen,
không nên đi về phương Bắc ».

Mặc-tử không nghe, đi đến sông Tri, bị bắt như
ý phải về. Người thầy bói đó lại nói :

« Tôi đã bảo tiên-sinh không nên đi về phương bắc » !

Mặc-tử đáp :

« Trong bọn người Nam không được sang Bắc, người Bắc không được sang Nam, sắc họ cũng có kẻ đen, kẻ trắng, có sao đều bất như ý ? vả chăng, Thượng-đế dùng ngày giáp ất, giết con rồng xanh ở phương Đông, dùng ngày bính đinh giết con rồng đỏ ở phương Nam, dùng ngày canh tân giết con rồng trắng ở phương Tây, dùng ngày nhâm quý giết con rồng đen ở phương Bắc, dùng ngày mậu kỷ giết con rồng vàng ở trung-ương, nếu theo lời nói của người, thì là bắt cả thiên-hạ không đi đâu nữa. Đó là tự mình vây kia lòng mình và làm cho cả thiên - hạ phải trống - không vậy. Lời nói của người không thể dùng được ».

Coi một điều này, càng thấy mục-dịch thượng quý của Mặc-tử, hoàn-toàn vì sự răn kẻ làm ác, khuyên người làm thiện mà ra. Sở-dĩ phải viện ra nhiều chứng-cớ, là do Mặc-tử muốn cho người ta tin thật có quý, thì sự khuyên răn mới có hiệu-quả. Vì vậy Mặc-tử mới nói thế này :

« Nay làm xoi rượu tinh khiết để tế-tự một cách cung kính cẩn thận, nếu như quý thần thật có, ấy là mình đã mời được cha mẹ anh chị (1) mà thết

1) Tức là người chết hóa ra quý thần.

ăn uống. Nếu như quỷ thần thật là không có, thì trong thì họ hàng, ngoài thì làng mạc, đều được ăn uống những xôi rượu đó, dù rằng quỷ thần thật là không có, nhưng còn có thể hợp sự vui, hợp mọi người, lấy tình thân với làng mạc. Nay kẻ giữ thuyết « vô quỷ » nói rằng : « Quỷ thần vẫn thật không có, cho nên không cúng các thứ xôi rượu, và con hy-sinh. Ta nay không phải có tiếc các thứ xôi rượu và con hysinh, nhưng cúng thế thì được cái gì ? » Đó là trên thì nghịch với sách của các đấng thánh - vương, trong thì nghịch với nết tốt của kẻ hiếu tử trong dân chúng, không phải là cách làm bậc thượng-sĩ. Nay ta làm việc tế-tự, không phải đồ cử xuống ngôi xuống lạch mà bỏ. Là cốt : trên thì giao kết phúc của quỷ thần, dưới thì hợp sự vui, hợp mọi người, lấy tình-thân với làng mạc. Nếu như quỷ-thần thật có, thì là ta đã mời được cha mẹ anh em mà thết ăn vậy. Đó há chẳng phải là việc ích-lợi cho thiên hạ ư ? »

Vậy thì tôn-chỉ « thượng quỷ » của Mặc-tử cũng giống như cái tôn-chỉ « thân chung truy viễn, dân đức qui hậu » của Nho-gia vậy.

III. — *Kiên-ái*

« Kiên » tức là « gồm », trái lại với « Biệt » là « ghẽ », ý - nghĩa giống chữ « Nhất thị đồng

nhân » của Nho-gia. « Ái » tức là « yêu », trái lại với « Ố » là « ghét », chỉ về tấm lòng thương-mến lẫn nhau của loài người. « Kiêm ái », nghĩa là yêu hết mọi người.

Đối với tôn-giáo họ Mặc, chủ-nghĩa Kiêm ái cực kỳ trọng-yếu. Mặc-tử nhận nó là một ý muốn của trời, cho nên đã nói :

« Sao biết trời yêu trăm họ thiên-hạ ? Vì là trời đã gồm lại mà làm cho sáng tất cả. Sao biết trời đã gồm lại mà làm cho sáng tất cả ? Vì là trời đã gồm lại mà nhận làm của sở-hữu tất cả. Sao biết trời đã gồm lại mà nhận làm của sở-hữu tất cả ? Vì là trời đã ăn cho tất cả. Rằng : Sao biết trời đã ăn cho tất cả ? Trong bốn bề, những dân ăn gạo, ai cũng chăn trâu dê, nuôi chó lợn, lễ cúng-tế thuợng-đế quỷ-thần. Trời có người « ấp » sao lại không yêu ». (何以知天之愛天下之百姓？以其兼而明之，何以知其兼而明之？以其兼而有之，何以知其兼而有之？以其兼而食之，何以知其兼而食之？曰四海之內，粒食之民莫不物牛羊，豢犬彘，潔爲酒醴粢盛以祭祀於上帝鬼神，天有邑人，何用弗愛也。 Hà

dĩ tri thiên chi ái thiên-hạ chi bách tính ? Dĩ kỳ kiêm nhi minh chi. Hà dĩ tri kỳ kiêm nhi minh chi ? Dĩ kỳ kiêm nhi hữu chi. Hà dĩ tri kỳ kim nhi hữu chi ? Dĩ kỳ kiêm nhi thực chi. Hà dĩ tri kỳ kiêm nhi thực chi ? Viết : tứ hải chi nội, lập thực chi dân, mạc bất sô ngưi dương, hoạn khuyển trệ, khiết vi tửu lễ tư thình, dĩ tế-tự ư thượng-đế quỷ thần. Thiên hữu ấp nhân, hà dụng phát ái dã (thiên Thiên chi).

Căn-cứ vào đó, Mặc-tử cho sự kiêm ái là một phương pháp rất hay trong việc cai-trị thiên-hạ. Thiếu nó loài người sẽ có nhiều sự tai-hại. Lẽ đó, Mặc-tử cắt nghĩa như vậy :

« Thày thuốc chữa bệnh người ta, phải biết bệnh ở đâu ra, thì mới chữa được. Những kẻ chữa loạn sao lại không thể ? Thánh nhân làm việc cai-trị thiên hạ, không thể không xét loạn ở đâu ra. Thử xét loạn ở đâu ra ? ở chỗ không biết yêu nhau mà ra, Tôi con không hiếu với vua cha, thế gọi là loạn. Con chỉ yêu mình không yêu cha, cho nên mới làm thiệt cha để lợi cho mình ; em chỉ yêu mình không yêu anh, cho nên mới làm thiệt anh để lợi cho mình. Bề tôi chỉ yêu mình không yêu vua, cho nên mới làm thiệt vua để lợi cho mình, thế gọi là loạn. Dầu đến cha không thương con, anh không thương em, vua không thương bề tôi, cũng là những điều thiên-hạ vẫn gọi là loạn. Cha chỉ yêu mình không yêu con, cho nên mới làm thiệt con để lợi

cho mình ; anh chỉ yêu mình không yêu em, cho nên mới làm thiệt em để lợi cho mình : vua chỉ yêu mình không yêu bề tôi, cho nên mới làm thiệt bề tôi để lợi cho mình... Dẫu đến những kẻ trộm giặc thiên-hạ cũng vậy. Kẻ ăn trộm chỉ yêu nhà mình không yêu nhà khác, cho nên mới ăn trộm của nhà khác để làm lợi cho nhà mình; kẻ làm giặc chỉ yêu thân mình không yêu người, cho nên mới hại người khác để làm lợi cho thân mình... Dẫu đến các quan đại-phu làm loạn nhà nhau, các nước hầu đánh lẫn nước nhau cũng vậy. Các quan đại phu đều yêu nhà mình không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để làm lợi nhà mình ; các nước hầu đều yêu nước mình không yêu nước khác, cho nên mới đánh nước khác để làm lợi cho nước mình. Các vật gây loạn cho thiên-hạ, đều thế mà thôi. (醫之攻人之疾者... 必知疾之所自起, 焉能攻之... 治亂者何獨不然?... 聖人以治天下爲事者也. 不可不察亂之所自起. 嘗察亂何自起? 起不相愛, 臣子之愛不孝君父, 所謂亂也. 子自愛不愛父, 故虧父而自利; 弟自愛不愛兄, 故虧兄而自利; 臣自愛不愛君, 故虧君而自利. 此所謂亂也. 雖父之

臣慈不君之弟慈不君之弟慈不君之弟慈不君之弟慈不君之弟
 也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也愛也
 自利自利自利自利自利自利自利自利自利自利自利自利自利自利
 而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而
 虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧虧
 子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子子
 之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之
 兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄兄
 天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下
 慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈慈
 不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不
 此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此
 不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不
 也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也也
 愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛
 至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至
 室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室室
 賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊賊
 其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其
 身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身身
 雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖雖
 至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至至
 大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大大
 夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫夫
 之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之
 相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相相
 亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂
 家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家
 諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸諸
 侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯侯
 之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之
 不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不
 愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛
 異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異
 家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家家
 故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故
 亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂
 異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異
 國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國
 不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不不
 愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛愛
 異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異
 國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國
 故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故故
 攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻攻
 異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異異
 國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國
 以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以以
 利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利利
 其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其其
 國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國國
 天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下天下
 之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之之
 亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂亂
 物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物物
 具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具具
 此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此此
 而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而而
 已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已已
 矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣矣

Y chi công nhân chi tât giá... tât tri tât chi sở tự
 khởi, yên năng công chi... Trị loạn giá hà độc bất
 nhiên? Tánh-nhậ dĩ trị thiên-hạ vi sự giả dã,
 bất khả bất sát loạn chi sở tự khởi. Thường sát
 loạn hà tự khởi? Khởi bất tươn, ái. Thần tử chi
 bất hiếu quân phụ, sở vị loạn dã. Tử tự ái, bất
 ái phụ, cố khuy phụ nhi tự lợi; đệ ự ai bất
 ái huynh, cố khuy huynh nhi tự lợi; thân tự ái
 bất ái quân, cố khuy quân nhi tự lợi. tử sở vị
 loạn dã. Tuy phụ chi bất tử tử, huynh chi bất tử
 đệ, quân chi bất tử thân, tử diệt thiên-hạ chi sở
 vị loạn dã. Phụ tự ái dã, bất ái kỳ tử, cố khuy

tử nhi tự lợi ; huynh tự ái dã, bất ái kỳ đệ, cố khuy đệ nhi tự lợi ; quân tự ái dã, bất ái kỳ thần, cố khuy thần nhi tự lợi... Tuy chi thiên-hạ chi vi đạo tặc giả diệc nhiên : Đạo ái kỳ thất, bất ái dị thất, cố thiết dị thất dĩ lợi kỳ thất ; tặc ái kỳ thân, bất ái nhân, cố tặc tha nhân dĩ lợi kỳ thân... Tuy chi đại-phu chi tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc diệc nhiên : Đại-phu các ái kỳ gia, bất ái dị gia, cố loạn dị gia dĩ lợi kỳ gia ; chư hầu các ái kỳ quốc, bất ái dị quốc, cố công dị quốc dĩ lợi kỳ quốc. Thiên-hạ chi loạn vật, cụ thử nhi dĩ dĩ) (thiên Kiêm-ái-thượng).

Dưới đó, Mặc-ử lại nói :

« Người nhân làm việc, ắt phải dấy được điều lợi cho thiên-hạ, trừ bỏ điều hại cho thiên-hạ... Thế thì .. những điều hại cho thiên-hạ là gì?... Nay như nước nọ đánh lẫn nước kia, nhà nọ cướp lẫn nhà kia, người nọ hại lẫn người kia. Vua tôi không huệ trung, cha con không từ hiếu, anh em không thuận-hòa, đó là cái hại của thiên-hạ vậy. Thế thì những cái hại đó, ở đâu mà ra .. Vì không yêu nhau mà ra. . Cho nên, các nước hầu không yêu nhau thì ắt đánh nhau tại đồng, các chủ nhà không yêu nhau thì ắt tranh - cướp lẫn nhau ; người nọ với người kia không yêu nhau, thì ắt hại nhau ; vua tôi không yêu nhau

thì không huệ trung, cha con không yêu nhau thì không từ-hiểu; anh em không yêu nhau thì không thuận hòa; người trong thiên-hạ đều không yêu nhau, thì, kẻ mạnh ắt bắt kẻ yếu, kẻ giàu ắt khinh kẻ nghèo, kẻ sang ắt kiêu-ngạo với kẻ hèn, kẻ lâu-linh ắt lừa kẻ ngu. Những sự vạ loạn, oán hận ở thiên-hạ sở dĩ nổi lên, đều vì không yêu nhau vậy (仁人之所以爲事者, 必興天下之利, 除去天下之害... 然則... 天下之害者何也?... 今若國之與國之相攻, 家之與家之相篡, 人之與人相之相賊, 君臣不惠忠, 父子不慈孝, 兄弟不調和, 此則天下之害也. 然則崇此害亦何用生哉... 以不相愛生... 是故諸侯不相愛則必野戰, 家不相愛則必相篡, 人與人不相愛, 則必相賊, 君臣不相愛, 則不惠忠; 父子不相愛, 則不慈孝; 兄弟不相愛, 則不調和; 天下之人皆不相愛, 強必執弱, 富必侮貧, 貴必敖賤, 詐必欺愚, 凡天下禍篡怨恨, 其所以起者以不相愛生也. Nhân - nhân chi sở dĩ vị sự giã, tất hưng thiên - hạ chi lợi, trừ-khử thiên - hạ chi hại... Nhiên tắc... thiên - hạ chi hại giã hà dã?... Kim nhược quốc chi dĩ

quốc chi tương công, gia chi dữ gia chi tương
soán, nhân chi dữ nhân chi tương tặc, quân thần
bất huệ trung, phụ tử bất từ-hiếu, huynh-đệ bất
điều-hòa, tửu tặc thiên hạ chi hại dã. Nuiên tặc
sùng tửu hại diệc hà dụng sinh tai ? Dĩ bất tương
ái sinh .. Thị cố chư hầu bất tương ái tặc tất
dã chiến, gia-chủ bất tương ái, tặc tất tương oán,
nhân dữ nhân bất tương ái tặc tất tương tặc,
quân thần bất tương ái, tặc bất huệ trung, phụ
tử bất tương ái tặc bất từ hiếu, huynh đệ bất
tương ái tặc bất điều hòa, thiên hạ chi nhân dai
bất tương ái, cường tất chấp nhược, phú tất vũ
bần, qui rất ngạo tiện, trá tất khi ngu, phạm
thiên-hạ họa oán oán hận, kỳ sở dĩ khởi giả,
dĩ bất tương ái sinh dã), (thiên Kiêm ái trung)

Vì không yêu nhau, loài người đã mắc những
điều « loạn » « hại » như vậy, nếu muốn chữa lại
những thảm-họa đó, ngoài cái phương pháp khuyến-
khích thiên hạ yêu nhau không còn có cách nào
khác. Mặc-tử nhận thấy như thế, cho nên mới nói:

« Nếu như thiên-hạ gồm cùng yêu nhau, ai ai
cũng yêu cha anh và vua như yêu thân mình, ghét
làm những điều bất-hiếu, coi con em và bề tôi
cũng như thân mình, ghét làm những điều bất-từ,
thì sự bất-hiếu bất-từ sẽ không có nữa. Còn có
trộm giặc nữa chăng ? đã coi nhà người như nhà
mình, thì ai ăn trộm ? đã coi thân người như thân

mình, thì ai làm giặc? cho nên trộm giặc sẽ không có nữa. Còn có đại phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh lẫn nước nhau nữa chăng? đã coi nhà người như nhà mình, thì ai làm loạn? đã coi nước người như nước mình thì ai đánh nhau? cho nên cái nạn đại-phu làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh lẫn nước nhau, sẽ không có nữa. Nếu như thiên-hạ đã gồm yêu nhau, nước nọ với nước kia không đánh lẫn nhau, nhà nọ với nhà kia không làm loạn nhau, trộm giặc không có, vua tôi, cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên-hạ trị. Cho nên Thánh nhân làm việc cai trị thiên-hạ, không thể không cấm-chỉ sự ghét nhau và khuyên-khích sự yêu

nhau. (若使天下兼相愛, 人愛父兄與君若愛其身, 惡施不孝, 視子弟與臣若其身, 惡施不慈, 故不孝不慈亡有. 猶有盜賊者乎? 視人之室若視其室, 誰竊? 視人身若視其身, 誰賊? 故盜賊亡有. 猶有大夫之家, 諸侯之相攻國者乎? 視人家若其家, 誰亂? 視人國若其國, 誰攻? 故大夫之相亂, 家, 諸侯之相攻, 國亡有. 若使天下兼相愛, 國與國不相攻, 家與家不相亂, 盜賊無有, 君臣父子能孝慈若此, 則天下治. 故聖人以治天下爲事, 惡得不禁惡而勸愛?)
Nước sử thiên-hạ kiêm tương ái, nhân ái phụ

buynh dũ quân, nhược ái kỳ thân, ố thi bất
hiếu... thi tử đệ dũ thân nhược kỳ thân, ố thi
bất từ, cố bất hiếu bất từ vô hũu. Do hũu đạo tặc
giả hồ ? thi nhân chi thất nhược thi kỳ thất, thù
thiết ? thi nhân thân nhược thi kỳ thân, thù tặc ?
cố đạo tặc vô hũu. Do hũu đại-phụ chi tương
loạn gia, chư hầu chi tương công quốc giả hồ ?
thi nhân gia nhược kỳ gia, thù loạn ? thi nhân
quốc nhược kỳ quốc, thù công ? cố đại-phụ chi
tương loạn gia, chư hầu chi tương công quốc, vô
hũu. Nhược sử thiên hạ kiêm tương ái, quốc dũ
quốc bất tương công, gia dũ gia bất tương loạn,
đạo tặc vô hũu, quân thần phụ tử năng hiếu từ,
nhược thủ tặc thiên-hạ trị. Cố thánh nhân dĩ trị
thiên-hạ vi sự, ô đắc bất cảm ố nhi khuyến ái ?
(thiên Kiêm ái thượng).

Và ở thiên sau lại nói :

« Chư hầu yêu nhau thì không đánh nhau tại
đồng, chủ nhà yêu nhau thì không cướp bóc lẫn
nhau, người nọ với người kia yêu nhau, thì không
làm hại lẫn nhau, kẻ sang không kiêu-ngạo với kẻ
hèn, kẻ lấu - lĩnh không lừa kẻ ngu, những sự vạ
loạn oán hận có thể khiến cho không nổi lên nữa.

(諸侯相愛, 則不野戰, 家主相愛, 則
不相篡, 人與人相愛, 則不相賊, 貴
不敖賤, 詐不欺愚, 凡天下禍篡怨

恨, 可使毋起者. Chư hầu tương ái tắc bất dã-chiến, gia chủ tương ái, tắc bất tương oán, nhân dĩ nhân tương ái, tắc bất tương tặc, qui bất ngạo tiện, trá bất khi ngu, phạm thiên-hạ họa oán hận, khả sử vô khởi giả) (thiên Kiêm ái trung).

Nhưng sự kiêm-ái của Mặc-tử không phải chỉ cần yêu chuộng, hay không làm hại lẫn nhau mà thôi, còn phải giúp đỡ nhau nữa. Cái tôn-chỉ ấy của Mặc-tử, có thể nhận thấy trong mấy câu này :

« Nay ta đương tìm lấy cách dấy được điều lợi cho thiên-hạ mà làm, thì ta cho « kiêm » là phải. Đó là đem cái tai tinh mắt sáng trông nghe cho nhau ; đó là đem cái chân tay khỏe mạnh làm lưng cho nhau, mà kẻ có đạo thì cùng dạy bảo lẫn nhau. Cho nên, những người già nua mà không vợ con, có kẻ hầu nuôi cho trọn tuổi thọ ; những kẻ nhỏ yếu bỏ cõi không cha mẹ, có chỗ nương tựa cho lớn cái thân. Nay quen cho « kiêm » là phải, thì lợi như thế. (今吾將正求興天下之利而取之, 以兼爲正, 是以聰耳明目相爲視聽乎? 是以股肱畢彊相爲動宰乎. 而有道肆相教誨. 是以終其老而無妻子者有所侍養, 以終其放壽, 幼弱孤童之無父母者有所依以長其身. 今惟毋 (1) 以兼爲正, 卽

1. Theo Tất-Nguyên, chữ này tức chữ 慣 cò, phải đọc là « quán », nghĩa là « quen ».

若 是 其 利 也 Kim ngô tương chính cầu hưng-hạ chi lợi nhi thủ chi, dĩ « kiem » vi chính. Thị dĩ thông nhĩ minh mục tương vi thị thính hồ? Thị dĩ cổ quăng tất cường tương vi động tề hồ? Nhi hữu đạo tứ tương giáo-hối? Thị dĩ lão nhi vô thê tử giả, hữu sở thị dưỡng dĩ chung kỳ thọ; ấu nhược cô - đồng chi vô phụ mẫu giả, hữu sở phông - y dĩ trưởng kỳ thân. Kim duy quán dĩ kiem vi chính, tức nhược thị kỳ lợi dã, (thiên Kiem ái hạ)

Chủ-nghĩa « Kiem ái » đối với loài người, ích lợi lớn lao như vậy, nhưng vì thiên-hạ không hiểu cho nên vẫn có nhiều người phản-đối. Vì thế Mặc-tử đã phải biện-bạch thế này:

« Cặng thử truy-nguyên những điều tai-hại ở đâu mà ra, có phải ở sự yêu người làm lợi cho người mà ra hay chẳng? Ất rằng không phải, Ất rằng do sự ghét người, làm hại cho người mà ra. Những kẻ ghét người, làm hại cho người là phái « Kiem » hay là phái « Biệt »? Ất rằng phái « Biệt ». Thế thì những kẻ chia rẽ mọi người (2), quả đã sinh ra hại lớn cho thiên hạ. Cặng thử truy-nguyên những điều ích lợi ở đâu mà ra, có phải ở sự ghét người, làm hại cho người mà ra hay chẳng? Ất

(2) Tức là phái « Biệt ».

rằng không phải. Ất rằng do sự yêu người làm lợi cho người mà ra.... Những kẻ yêu người làm lợi cho người là phái « Biệt » hay là phái « Kiêm »? Ất rằng phái « Kiêm ». Thế thì những kẻ gồm-chung mọi người (1) quả đã sinh ra lợi lớn cho thiên-hạ. (姑嘗本原若衆害之所自生, 此胡自生? 此自愛人利人生與? 卽必曰: 非也. 必曰: 從惡人賊人生... 惡人而賊人者兼與別與? 卽必曰: 別也. 然卽之交別者, 果生天下之大害者與... 姑嘗本原衆利之所生, 此胡自生? 此自惡人賊人生與? 卽必曰: 非也. 必曰: 從愛人利人生... 愛人而利人者別與兼與? 必曰兼也. 然卽之交兼者果生天下之大利者與. Cô thường bản nguyên chúng hại chi sở tự sinh, thử hồ tự sinh? Tự ái nhân lợi nhân sinh dư? Tức tất viết: Phi dã. Tất viết: Tông ố nhân tặc nhân sinh... ố nhân nhi tặc nhân giả « Kiêm » dư, « Biệt » dư? Tức tất viết: « Biệt » dã. Nhiên tức chi giao-biệt giả, quả sinh thiên-hạ chi đại hại giả dư? Cô thường bản nguyên chúng lợi chi sở tự sinh, thử

(1) Tức là phái « Kiêm ».

hồ tự sinh ? Tự ố nhân tặc nhân sinh dư ? Tức tất viết : phi dã. Tất viết : tòng ái nhân lợi nhân sinh... Ái nhân nhi lợi nhân giả « biệt » dư, « kiêm » dư ? Tức tất viết : « kiêm » dã. Nhiên tức chi giao-khiêm giả, quả sinh thiên-hạ chi đại lợi giả dư). (thiên-Khiêm-ái-trung).

Muốn rõ rệt hơn, Mặc-tử lại đặt ra mấy trường-hợp sau đây để làm thí-dụ:

1.) Có hai kẻ sĩ, một kẻ chuyên giữ thuyết «biệt», một kẻ chuyên giữ thuyết «kiêm». Kẻ sĩ phái «biệt» nói rằng : « Ta há có thể vì thân bạn như thân ta, coi đấng thân bạn như đấng thân ta? ». Và rồi kẻ đó thấy bạn đói không cho ăn, rét không cho mặc, ốm đau không thăm nuôi, chết-mất cũng không chôn cất. Kẻ sĩ phái «kiêm» nói rằng: « Ta nghe làm kẻ cao-sĩ ở thiên-hạ, ắt vì thân bạn như vì thân mình, vì đấng thân bạn như vì đấng thân mình, như thế mới là cao sĩ ». Và rồi kẻ đó thấy bạn đói thì cho ăn, rét thì cho mặc, ốm đau thì thăm nuôi, chết mất thì chôn cất. Bây giờ lại có người sắp sửa phải mặc áo giáp, đội mũ trụ, ra chốn chiến-trường, sống thác chưa biết, hay là vì việc vua quan sắp phải đi sứ những nước Ba, Việt, Tề, Kinh, tới nơi hay không tới nơi chưa biết, thì trong hai kẻ sĩ đó, người ấy sẽ đem cha mẹ vợ con mà gửi vào nhà kẻ nào ?

Có hai ông vua, một ông chuyên giữ thuyết «kiêm», một ông chuyên giữ thuyết «biệt». Ông vua phái «biệt» nói rằng: «Ta đâu có thể vì thân muôn dân như vì thân ta? Cái đó không phải là tình tự nhiên của thiên-hạ. Người ta sống ở trên đất không được bao lâu, ví như ngựa tứ qua lỗ hé vậy». Và rồi ông ta thấy dân đói không cho ăn, rét không cho mặc, đau ốm không thăm nuôi, chết mất cũng không chôn cất. Ông vua phái «kiêm» nói rằng: «Ta nghe làm đấng minh quân trong thiên-hạ trước phải vì thân muôn dân, sau mới vì đến thân mình. Như thế mới là minh-quân trong thiên-hạ». Và rồi ông ta thấy dân đói thì cho ăn, rét thì cho mặc, đau ốm thì thăm-nuôi, chết mất thì phải chôn cất. Giả-sử giữa lúc nước có tật-dịch, muôn dân nhiều người cần khổ đói-rét, chết lả xuống ngòi xuống lạch đã lắm, thì trong hai ông vua đó, người ta sẽ theo ông nào?

Mặc-tử quyết là dẫu kẻ ngu-phu ngu-phụ, không phải phái «kiêm», cũng gửi cha mẹ vợ con vào nhà kẻ sĩ phái «kiêm»; dẫu kẻ ngu-phu, ngu-phụ, không phải dân của vua «kiêm», cũng phải đi theo vua «kiêm», rồi kết luận rằng: Đó là người ta nói thì chê bai phái «kiêm», nhưng khi kén chọn, thì vẫn muốn lấy phần «kiêm», ấy là lời nói việc làm phản nhau.



Nói vậy, chưa đủ khiến bọn phản đối phải phục. Họ cũng nhận rằng « kiêm ái » là hay, nhưng họ lại bẽ là khó thực-hành. Mặc-tử biết vậy, cho nên đã nói chặn trước mà rằng :

« Kẻ sỹ và người quân-tử thiên-hạ không biết cái lợi của nó, không rõ cái cơ của nó đó thôi. Nay như : đánh thành, đánh đồng, tự giết thân mình để giữ danh tiếng, đó là những việc trăm họ thiên-hạ đều lấy làm khó. Nhưng nếu ông vua đã thích, thì bọn sỹ chúng có thể làm được. Huống chi cái việc « yêu chung », « lợi lẫn » lại khác hẳn thế. Yêu người thì người theo mà yêu mình, làm lợi cho người thì người theo mà làm lợi cho mình. Cái đó, có khó gì đâu ? Chỉ vì người trên không đem làm việc chính-trị, kẻ sỹ không đem làm nết của mình. Thế thôi. (天下之士君子特不識其利, 辨其故也. 今若夫攻城野戰, 殺身爲名, 此天下百姓之所難也. 苟相君說之, 則士衆能爲之, 况於兼愛. 交相利則與此異. 夫愛人者人必從而利之. 此何難之有? 特上弗以爲政, 士不以爲行. 故也. Thiên-hạ chi sỹ q an tử đặc bất thực kỳ lợi, biện kỳ cố dã Kim nhược phù công thành, dã chiến, sát thân vị danh, thử thiên-hạ bách tính chi sở nan dã. Cầu quân duyệt chi, tác sỹ chúng năng vi chi,

Huống ư kiêm tương-ái, giao tương lợi tắc dữ
thử dị. Phù ái nhân giả nhân tất tòng nhi ái chi,
lợi nhân giả nhân tất tòng nhi lợi chi. Thử
hà nan chi hữu ? Đặc thượng phát dĩ vi chính, sĩ
bất dĩ vi hạnh, cố dã) (thiên Kiêm-ái trung).

Tiếp đó, Mặc-tử lại dẫn mấy việc đời xưa làm
chứng, như những việc này :

Văn-công nước Tấn thích những kẻ sĩ áo xấu.
Bề tôi Văn-công đều mặc áo cừu da dê, dùng giấy
da đeo gươm, dùng lụa mộc làm mũ, khi vào
chầu vua, khi ra ngồi trào, đều chỉ như thế.

Linh-vương nước Sở thích những kẻ sĩ nhỏ
lưng. Bề tôi Linh-vương đều ăn một bữa, nhin
thở mới thắt đai được, vịn tường mới đứng dậy
được ; chưa đầy một năm, cả triều ai cũng có
vẻ xanh xao.

Câu-Tiền nước Việt thích những kẻ sĩ hiếu
dũng, sau khi đã dạy bề tôi cho quen, Câu-Tiền
đốt một chiếc thuyền mà nói : « Cửa báu của nước
Việt ở cả trong đó ». Rồi thì Câu-Tiền tự mình
đánh trống đốc-thúc kẻ sĩ cứu-chữa. Kẻ sĩ nghe
trống, xông-xáo túi-bụi. Số người nhảy vào đồng
lửa mà chết đến hơn một trăm.

Mặc-tử kết-luận :

« Nhịn ăn, đốt mình, nhịn mặc, đó là việc rất khó làm ở gằm trời. Thế mà người trên đã thích, thì chưa qua đời mình, thói dân đã có thể đổi. Vì có gì vậy ? Vì rằng người ta đều chỉ trông theo người trên. Nay như cái việc « làm lợi cho nhau » là việc có lợi, mà lại dễ làm, ta cho là vì không có người trên thích nó mà thôi, nếu có người trên thích nó, khuyến-khích bằng thưởng-khen đe-dọa bằng hình-phạt, thì ta chắc rằng người ta xô nhau mà yêu thương lẫn nhau làm lợi cho nhau, cũng như lửa bốc lên trên cao, nước chảy xuống chỗ trũng, không thể ngăn nổi ở gằm trời.

Vậy thì chủ-nghĩa « Kiêm ái » của Mặc-tử, chỉ cốt ở những người trên, nếu như người trên mà lấy làm hay và chịu khuyến-khích thì sự thực-hành cực-kỳ dễ-dàng.

IV. — Phi-mệnh.

Chữ « mệnh » của Mặc-tử chỉ riêng chỉ về « định mệnh » Nghĩa là các việc thế-gian đều do số-mệnh xếp sẵn, số mệnh xếp như thế nào, nhất định cứ phải thế ấy, không có cách nào thay đổi. Ví như Khổng-tử nói rằng : « Phải tội với trời không thể tiên được » Đó là Khổng-tử nhận có định-mệnh,

Mặc-tử không tin như thế.

Vì đã cho rằng : các việc thế-gian, đều do ở trời chủ-trương, ai thiện trời thưởng, ai ác trời phạt, cho nên Mặc-tử quyết rằng : Họa phúc của người đời đều là kết quả của sự hành-vi, không có số-mệnh nào hết. Bao có số mệnh, tức là gây cho người ta cái thói tàn bạo, dâm loạn, trề nải lười biếng, không trọng sự thưởng phạt của người trên, ấy là làm loạn thiên hạ. Những lý-do ấy, Mặc-tử dùng phép « ba biểu » của mình, biện luận cực kỳ khúc chiết. Ở một chương trên đã có dẫn vào. Ngoài phép « ba biểu » Mặc-tử lại tìm ra thêm hai vật là « sức » và « tội » bác cho cái thuyết « hữu mệnh ». Mặc-tử giảng ra thế này :

« Người trên thay đổi chính-sự thì dân thay đổi thói-tục. Ở vua Kiệt vua Trụ mà thiên-hạ loạn: ở vua Thang vua Vũ mà thiên-hạ trị, thiên-hạ trị là sức của vua Thang vua Vũ, thiên-hạ loạn là tội của vua Kiệt vua Trụ. Lấy đó mà coi, thì sự yên nguy trị loạn, chỉ quan-hệ ở cách làm việc chính-sự của các người trên đó thôi » (上變政而民改俗, 存乎桀紂而天下亂, 存乎湯武而天下治, 天下之治也, 湯武之力也, 天下之亂也, 桀紂之罪也, 若以此觀之, 夫安危治亂, 存乎上之爲政也, Thượng biến chính nhi dân cải tục. Tồn hồ Kiệt Trụ nhi thiên-hạ loạn, tồn hồ Thang Vũ nhi thiên-hạ trị; thiên hạ chi trị dã, Thang Vũ chi lực dã; thiên-hạ chi loạn dã, Kiệt Trụ chi tội dã. Nhược dĩ thủ quan chi, phú trị, loạn, an, nguy, tồn hồ thượng chi vi chính dã) (thiên Phi-mệnh hạ).

Suy cho rộng ra, những cái kết-quả tốt xấu của các hạng người trên đời cùng chung một lẽ ấy cả. Mặc-tử nghiệm rằng : Những bậc kiệt-sĩ, kiệt-đại-phu ngày xưa mà được trên thì quân trưởng ban thưởng, dưới thì trăm họ người khen, danh

tiếng đến nay vẫn còn, đều do ở sức của họ. Bởi họ cẩn thận lời nói, hiểu biết việc làm, trên thì can-gián được đấng quân trưởng, dưới thì dạy bảo được lũ trăm họ, cho nên họ mới được thế. Trái lại, những kẻ không thèm nhìn đến chính-sự của nước nhà, làm toàn những sự vô dụng, và tàn-ngược với cả trăm họ, khiến cho kẻ dưới không thân người trên, thì khi nước họ bị diệt, thân họ bị giết, tức là cái tội của họ, không thể đổ tại số mệnh.

Nếu cứ tin thuyết « hữu mệnh » mà làm, các đấng vương công đại-nhân chắc sẽ nhác việc chính-trị ; quan khanh, quan đại-phu chắc sẽ nhác việc quan phủ ; kẻ nông chắc sẽ nhác việc cày-cấy, trồng-trọt ; đàn bà chắc sẽ nhác việc kéo sợi, dệt vải. Như thế tất nhiên thiên-hạ phải loạn, mà của ăn mặc không đủ. Trái lại, hễ mà người ta không tin là có số mệnh, thì bọn vương công đại-nhân mới chịu chầu sớm lui muộn ; bọn khanh đại-phu mới chịu hết sức chân tay, hết sức tư-lự ; kẻ nông mới chịu sớm ra tối vào ; đàn bà mới chịu dậy sớm thức khuya. Mục-dích « Phi-mệnh » của Mặc-tử cốt ở chỗ đó.

V. — *Tiết-táng và đoán-tang.*

Tiết-táng nghĩa là tận-tiện việc chôn-cất. Đoán-tang nghĩa là rút ngắn việc tang trở.

Như trên đã nói, học-thuyết của hai phái Nho Mặc khác nhau nhiều chỗ, tựu trung trái nhau hơn hết thì hai điều đó

Nho-gia về việc chôn-cất và việc tang-trở, xử rất hậu-hỹ. Đọc lời Khổng-tử quở mắng Tề Ngã ở sách *Luận-ngữ* và các thiên *Tang-lễ*, *Khúc-lễ*... ở sách *Lễ-ký*, đủ thấy nhà Nho coi hai việc ấy cực kỳ quan-hệ, long-trọng và đã đặt ra rất nhiều lễ-tiết phiền-phức.

Mặc-tử cho thế là sự bất-tiện, nên mới phản đối kịch-liệt mà rằng :

« Kẻ Nho nói rằng : « Yêu đấng thân có phương-pháp, tôn người hiền có thứ bậc », ấy là nói về sự khác nhau của người thân người sơ, người trên người dưới. Lễ của họ rằng : « Để trở cha mẹ ba năm và một năm; vợ và con trưởng ba năm; bác, chú, em, anh, con thứ một năm; người họ năm tháng ». Nếu lấy thứ tự thân sơ để định số của năm tháng, người thân phải nhiều, người sơ phải ít, thì là họ coi vợ và con trưởng cũng như cha vậy (1); nếu lấy thứ tự trên dưới để định số của năm tháng, thì là họ tôn vợ con cũng như cha mẹ (2); thân với chú bác, qui anh mà rẻ con vậy. Còn gì trái lẽ hơn thế ? Khi cha mẹ chết .. họ treo nóc nhà, nhóm miệng giếng, móc

1.) — 2.) Vì đều để trở ba năm, và một năm.

hang chuột, khoảng thùng tằm, để mà tìm người. Nếu họ cho là thật ở đấy, thì ngu dại lắm. Bằng không...mà cũng cứ tìm, thì giả-dối quá». (儒者曰: «親親有術, 尊賢有等», 言親疏尊卑之異也. 其禮曰: «喪父, 母: 三年, 其; 妻, 後子, 三年; 伯父, 叔父, 弟, 兄, 庶子: 其; 戚族人五月». 若以親疏爲歲月之數, 則親者多而疏者少矣; 是妻, 後子與父同也. 若以尊卑爲歲月效, 則是尊其妻, 子與父母同, 而親伯父, 叔父, (1)宗兄而卑子也. 逆孰大焉! 其親死... 登屋, 窺井, 挑鼠穴, 探滌器, 而求其人焉. 以爲實在, 則戇愚甚矣. 如其亡也. 必求焉, 僞亦大矣. Nho giả viết: « Thân thân hữu thuật, tôn hiền hữu đẳng » ngôn thân sơ tôn ty chi dị dã. Kỳ lễ viết: « Tang phụ, mẫu : tam niên, cơ ; thê, hậu tử : tam niên ; bá-phụ, thúc-phụ, đệ, huynh, thứ-tử : cơ ; thích tộc nhân : ngũ nguyệt ». Nhược dĩ thân sơ vi tuế nguyệt chi số, tắc thân giả đa nhi sơ giả thiểu hỹ, thị thê, hậu tử dữ phụ đồng dã. Nhược dĩ tôn

1.) Hai chữ 叔父 (Thúc phụ) nguyên bản không có, đây theo câu trên thêm vào.

ty vi tuế nguyệt số, tặc thị tôn kỳ thể, tử dữ phụ mẫu đồng, nhi thân bá phụ, thúc phụ, tôn huynh nhi ty tử dã. Nghịch thực đại yên ! Kỳ thân tử.. đấng ốc, khuy tỉnh, khiêu thử huyết, thám dịch khí, nhi cầu kỳ nhân yên. Dĩ vi thực tại, tặc chương ngu thậm hỹ. Như kỳ vô dã, tất cầu yên, nguy diệc đại hỹ) (thiên Phi-Như-thượng).

Nhưng, Mặc-tử sở-dĩ phản-đối cái thói chôn-cất, hậu hỹ, để trở lâu ngày, không phải chỉ vì có thể. Cứ lời Mặc-tử đã nói, thì bọn giữ thuyết « hậu táng cửu tang » lúc ấy chủ-trương như sau :

« Vương công đại nhân có tang, khi chôn-cất quan quách phải đầy, chôn-cất phải hậu, khâm liệm phải nhiều, mồ-nấm phải lớn... vàng bạc, châu báu đầy trong mình, tơ, thảo, xe, ngựa vùi trong huyết, và lại làm nhiều nhà, màn, vạc, trống, ghế, mâm, lọ, chén, giáo, gương, cờ vũ, cờ mao, đồ xương, đồ da, để chôn. Khi cử tang, thì tiếng khóc không có trật tự, mặc áo xô, đội mũ gai, giở nước mắt ở nhà mồ ; nằm rom, gối đất ; gương mà nhịn ăn cho đói, nhịn mặc cho rét, để cho diện-mạo hốc-hác, nhan-sắc xanh-xao, tai mắt không tinh sáng

chân tay không cứng cáp, phải nâng mới dậy được, chống gậy mới đi được ». Về cách chôn cất, Mặc-tử bảo rằng : Chinh-phu, tiện-nhân mà chết cửa nhà sẽ phải khánh-kiệt, chư-hầu mà chết, kho đụn sẽ phải trống không. Về cách cư-tang, Mặc-tử cho rằng : Nếu cứ theo đúng kiểu đó, thì từ các đấng vương công đại-nhân, cho đến kẻ đi cày, kẻ làm thợ, và các đàn bà, hết thầy đều không thể nào làm được những việc cần-thiết của mình. Thế thì chôn cất hậu-hỹ tức là chôn vùi của-cải, mà để trở lâu ngày tức là cấm đoán người ta làm việc (thiên Tiết-táng).

Theo ý Mặc - tử, nếu cứ dùng mãi lễ đó, tất nhiên nhà nước phải nghèo, nhân-dân phải ít, hình-chính phải loạn. Bởi vậy, Mặc-tử mới đặt ra lệ sau đây :

Quan-tài gò đồng, dày ba tấc, đủ để làm nát thi-thể. Áo khâm ba bộ, đủ để che những chỗ xấu. (thiên Tiết-táng). Lúc chôn, dưới không đào đến nước mạch, trên không để thông hơi (thiên Tiết-táng). Không có quách (1). Chết không chử riêng đồ mặc (2), để trở ba tháng (thiên Công-mệnh) (3).

1.) — 2) Hai điều này theo thiên Thiên-hạ trong sách Trang-tử..

3.) Có chỗ chép là ba ngày.

Xong rồi, phải kịp làm việc. ai ai cũng làm những việc mà mình làm được, để làm lợi lẫn cho nhau (thiên Tiết-táng).

VI. — Phi-nhạc.

Cbữ « Nhạc » của Mặc-tử dùng theo một nghĩa đặc-biệt, không phải chuyên chỉ về các âm-nhạc mà thôi. Hãy nghe Mặc-tử cắt nghĩa :

« Tử-Mặc-tử sở-dĩ chê nhạc », không phải vì cho những tiếng chuông lớn, trống kêu, đàn cầm, đàn sắt, sáo dọc, sáo ngang, là không vui ; không phải vì cho những thứ trạm trổ, văn vẽ là không đẹp ; không phải vì cho những đồ béo ngậy, sào nường là không ngon ; không phải vì cho những nơi đèn cao, nhà rộng, đồng nội thâm-u là không yên. (子墨子之所以非樂者, 非以大鐘鳴鼓, 琴瑟笙竽之聲, 以爲不樂也 ; 非以刻鏤文章之色, 以爲不美也 ; 非以物豢煎炙之味, 以爲不甘也 ; 非以高臺厚榭, 邃野之居, 以爲不安也. Tử Mặc-tử chi sở dĩ phi nhạc giả, phi dĩ đại chung, minh cổ, cầm sắt, sinh vu

chi thanh dĩ vi bất lạc dã ; phi dĩ khắc lữ, văn chương chi sắc, dĩ vi bất mỹ dã ; phi dĩ sơ hoạn tiên trích chi vị, dĩ vi bất cam dã ; phi dĩ cao đài, hậu tạ, thúy dã chi cư, dĩ vi bất an dã) (thiên Phi-nhạc thượng).

Vậy là ngoài âm nhạc ra, lại còn cả những đồ chơi, đồ mặc, đồ ăn và nhà ở nữa. Thế thì chữ « nhạc » của Mặc-tử là gồm các thứ làm ra khoái-lạc cho loài người. Đó tức là mỹ-thuật vậy.

Với những món đó, Mặc-tử đã phải nhận rằng : « Thân mình cũng biết nó yên, miệng mình cũng biết nó ngon, mắt mình cũng biết nó đẹp, tai mình cũng biết nó vui » (thiên Phi-nhạc thượng), thì vì lẽ gì mà phải phản-đồi ?

Theo ý Mặc-tử, là tại mấy cơ sau đây :

1.) Vương-công đại-nhân làm ra các thứ nhạc-khí, ắt phải thu nhiều thuế-má của dân ;

2.) Gõ chuông, đánh trống, gảy đàn, thổi sáo, không thể làm ra đồ ăn đồ mặc cho dân ;

3.) Gõ chuông đánh trống, gảy đàn thổi sáo, không thể ngăn nổi những việc nước lớn đánh nước nhỏ, nhà lớn lấn nhà nhỏ, kẻ mạnh nạt kẻ yếu, kẻ đông người ăn hiếp kẻ ít người, kẻ lấu-lĩnh đánh lừa kẻ ngu dân ;

4.) Vương-công đại-nhân ngồi trên đèn cao nhà rộng mà trông cái chuông cũng giống như cái vạc dài, nếu không gõ-đánh, làm sao vui được? Mà đã gõ-đánh, không thể sai những kẻ già, kẻ chậm. Ất phải sai bọn trẻ tuổi, tai mắt thông-minh, chân tay khỏe mạnh, thanh-âm điều-hòa, mặt mũi nhanh-nhau. Đàn ông làm những việc ấy, tất phải bỏ việc cày cấy; đàn bà làm những việc ấy, thì phải bỏ việc ươm dệt;

5.) Đã có chuông trống đàn sáo, vương-công đại-nhân không thể vò-vọ mà nghe một mình. Nếu bắt bọn quân-tử cùng nghe, thì bọn quân tử phải bỏ việc của họ; nếu bắt bọn tiện-nhân cùng nghe, thì bọn tiện-nhân cũng phải bỏ việc của họ.

Tóm lại, đối với Mặc-tử, các món đó, trên đã không đúng việc của tiên-vương, dưới lại không đúng điều lợi của trăm họ, cho nên Mặc-tử không ưa.

Đó cũng chỉ vì Mặc-tử vốn là một nhà tôn-giáo, chỉ biết khổ-hạnh cứu đời, cho nên trong trí suy-xét, bao nhiêu mỹ-thuật, đều là những món xa-xỷ, không thể dung thứ.

VII. — Quí-nghĩa

Mặc-tử cho rằng những sự hành-vi của người đời, phải lấy ý trời làm đích, cái gì trời muốn thì làm, từ việc chính-trị đến việc cư-xử ngày thường, đều thế. Bởi vậy, về các tiết mục của đạo-đức, ví như trung, hiếu, nhân, từ v.v... Mặc-tử đều chỉ nói qua, không hề bàn-luận kỹ càng như Nho-gia. Riêng với chữ « nghĩa », Mặc-tử nói đến nhiều hơn.

Là vì theo ý Mặc-tử, « muôn việc không việc gì quí bằng « nghĩa » (萬事莫貴於義 vạn sự mạc quí ư nghĩa). Mặc-tử đã phải giảng nghĩa bằng câu thí-dụ dưới đây :

« Nay bảo một người nào rằng : « Cho anh cái mũ cái giép, mà chặt chân tay của anh, anh có làm không ? » Chắc họ không làm. Vì sao ? Vì rằng : mũ giép không quí bằng chân tay. Lại bảo : « Cho anh cả thiên-hạ, mà giết thân anh, anh có làm không ? » Chắc họ không làm. Vì sao ? Vì rằng thiên-hạ không quí thân. Tranh một lời nói, mà đến giết nhau,

đó là nghĩa quý hơn thân. (今謂人曰：「予子冠履而斷子之手足，子爲之乎？」必不爲，何故？則冠履不若手足之貴也。又曰：「予子天下而殺子之身，子爲之乎？」必不爲，何故？則天下不若身之貴也。爭一言以相殺，是義貴於身也。Kim vị nhân viết : Dữ tử quan lý nhi đoan tử chi thủ túc, tử vi chi hồ ? » Tất bất vi. Hà cố ? Tác quan lý bất nhược thủ túc chi quý dã. Hựu viết : « Dữ tử thiên hạ, nhi sát tử chi thân, tử vi chi hồ ? » Tất bất vi. Hà cố ? Tác thiên-hạ bất nhược thân chi quý dã. Tranh nhất ngôn dĩ tương sát, thị nghĩa quý ư thân dã ». (thiên Qui-ngĩa).

Nghĩa quý hơn thân, tức là nghĩa quý hơn cả thiên-hạ. Vậy mà lắm người không hiểu, những việc không phải là nghĩa, họ cũng cứ bảo là nghĩa, Mặc-tử biết họ chỉ khen cái tên của « nghĩa » không xét cái thật của « nghĩa », ví như người mù biết tên trắng đen mà không biết vật trắng đen. Đó là một điều rất hại cho sự làm nghĩa. Bởi vì họ đã không

hiều thế nào là « nghĩa » thì khi thấy người làm nghĩa họ cũng đứng-dung không buồn giúp đỡ, Mặc-tử đã phải than rằng :

« Những người quân-tử trong đời, coi kẻ làm nghĩa không bằng một kẻ đội gạo. Nay có người đội gạo nghỉ ở ven đường, muốn đứng dậy mà không đứng được, quân-tử trông thấy, bất kỳ người lớn, người nhỏ, người sang, người hèn, ắt đều nâng cho đứng dậy. Vì sao ? Rằng : « Nghĩa phải thế ». Nay bậc quân-tử làm nghĩa vẫn vâng theo đạo tiên-vương để bảo cho họ. Nếu đã không cho là thích mà làm, thì họ lại còn công-kích chê bai thêm nữa. Thế là những người quân-tử trong đời, coi kẻ làm nghĩa không bằng kẻ đội gạo vậy.

(世俗之君子, 視義士不若負米者, 今有人於此, 負米息於路側, 欲起而不能, 君子見之, 無長少貴賤, 必起之, 何故? 曰: 義也. 今爲義之君子, 奉承先王之道以語之; 縱不說而行, 又從而非毀之, 則是世俗之君子之視義士也, 不若視負米也. Thế tục chi quân-tử, thị nghĩa sĩ bất nhược phụ mễ giả. Kim hữu nhân ư thử, phụ mễ tức ư lộ trắc, dục khởi nhi bất năng, quân-tử kiến chi, vô trưởng thiếu qui tiện, tất khởi chi. Hà cố? Viết : Nghĩa dã. Kim vi nghĩa

chi quân-tử, phụng thừa tiên-vương chi đạo, dĩ
ngự chi ; tưng bất duyệt nhi hành, hựu tòng nhi
phi hủy chi ; tắc thị thể-tục chi quân-tử chi thị nghĩa
sĩ dã, bất nhược thị phụ mễ dã) (thiên Qui-nghĩa).

Cũng vì thiên-hạ không hiểu thế nào là nghĩa,
không chịu theo kẻ làm nghĩa, cho nên Mặc-tử
mới phải biện-luận cho rõ.

Vậy thì nghĩa là thế nào? Ở trên đã nói, Mặc-tử
cho rằng : « Nghĩa tức là lợi, lợi tức là nghĩa ».
Nhưng chữ lợi đó không phải chỉ về tài lợi,
hay là lợi riêng của cá-nhân. Nó là lợi của
trời, quỉ và người. Mặc-tử luôn luôn nói thế. Do đó,
có thể hiểu rằng : Cái gì lợi cho trời, quỉ và người
thì gọi là nghĩa, trái lại tức là bất-nghĩa. Nói cho
rõ ra, thì như trên kia vừa nói : Theo đạo tiên-
vương đem bảo người đời, đó tức là nghĩa. Giúp
đỡ lẫn nhau như nâng cho kẻ đói gạo đứng dậy,
đó tức là nghĩa. Hay như : nước lớn không
đánh nước nhỏ, kẻ mạnh không đè kẻ yếu, kẻ
đông người không làm hại kẻ ít người, (thiên
Thiên-chí hạ) đó tức là nghĩa. Còn như ăn trộm,
ăn cướp, giết kẻ vô tội, cướp lấy áo đơn áo cừu,
gươm giáo của hắn... (thiên Phi-công thượng) thì là
bất nghĩa.

Đây là về phần đại-thể. Đến như tiểu-liết của «nghĩa», Mặc-tử cũng đã nhiều lần bàn tới. Có chỗ Mặc-tử nói như thế này :

« Quân-tử trong đời, sai làm đồ-tể cho một con lợn, không làm nổi thì họ từ chối ; sai làm tể-tướng một nước, không làm nổi thì họ cứ làm ». (世之君子,使之爲一彘之宰,不能則辭之;使爲一國之相,不能則爲之. Thế chi quân-tử, sử chi vi nhất trệ chi tể, bất năng tác từ chi; sử vi nhất quốc chi tướng, bất năng tác vi chi). (thiên Quí-nghĩa).

Câu nói thống thiết làm sao ! Thật là đúng với bệnh chung của hết mọi người. Bao giết con lợn, không nổi thì chối, giao cho điều-khiển một nước, dù biết sức không làm được cũng vẫn cứ làm. Thế là coi một nước không quan-hệ bằng một con lợn. Còn gì bất-nghĩa hơn nữa ?

Chỗ khác Mặc-tử lại nói :

« Quân-tử trong đời, nghèo mà bảo giàu thì giận, vô-nghĩa mà bảo có nghĩa thì mừng. Há chẳng trái lẽ lắm sao ! (世俗之君子,貧而謂之富則怒;無義而謂之有義,則喜. 豈不悖哉 ! Thế tục chi quân-tử, bần nhi

vị chi phú tắc nộ; vô nghĩa nhi vị chi hữu nghĩa
tất hỷ. Khởi hất bội tai!) (thiên Canh-trụ).

Không làm nghĩa lại thích được tiếng có nghĩa,
cũng là chỉ biết cái tên của nghĩa, không biết cái
thật của « nghĩa », Mặc-tử không ưa hạng người
như thế, cho nên rất quý những người biết trọng
điều nghĩa. Có lần Mặc-tử sai Quán-Kiều-Ngao
đưa Cao-Thạch-tử sang chơi nước Vệ. Vua Vệ cho
làm quan Khanh, đãi lộc rất hậu. Cao Thạch-tử
ba lần vào châu, lần nào cũng nói hết những điều
muốn nói, nhưng không điều nào được đem thi-
hành. Cao-Thạch-tử liền bỏ ngôi quan nước Vệ,
đi sang nước Tề. Mặc-tử nghe tin, lấy làm bằng
lòng, liền gọi Cao-Thạch-tử bảo rằng :

« Cái người bỏ nghĩa theo lộc, ta vẫn thường
thường được nghe. Cái người bỏ lộc theo nghĩa,
mới thấy có Cao-Thạch-tử) (夫倍義而鄉祿
者,我嘗聞之矣. 倍祿而鄉義者,於高
石子焉見之也. Phú bội nghĩa nhi hưởng
lộc giả, ngã thường văn chi hỷ. Bội lộc nhi hưởng

nghĩa giả, ư Cao-Thạch-tử yên kiến chi dã (thiên Canh-trụ).

Bởi vì Mặc-tử qui kẻ trọng nghĩa như vậy, cho nên mới khuyên học trò :

«Làm nghĩa mà chưa thể được, cũng chớ nên trái với đạo của mình. Ví như thợ mộc đẽo gỗ mà chưa đẽo được, cũng không dám trái dây mực » (爲義而不能, 必無排其道. 譬若匠人之斲而不能, 無排其繩. Vi nghĩa nhi bất năng, tất vô bài kỳ đạo. Xý nhược tượng nhân chi trắc nhi bất năng, vô bài kỳ thắng) (thiên Qui-nghĩa).

Theo ý Mặc-tử, thì phải bỏ hết những sự mừng, giận, vui, thương và yêu mà dùng nhân-nghĩa. Chân, tay, miệng, mũi và mắt, đều cùng làm việc cho « nghĩa » ắt là thánh-nhân ». (必去喜, 去怒, 去樂, 去悲, 去愛, 而用仁義, 手足口鼻耳目, 從事於義, 必爲聖人. Tất khứ hỷ, khứ nộ, khứ lạc, khứ bi, khứ ái, nhi dụng nhân-nghĩa. Thủ, túc, khẩu, ty, nhĩ mục tòng sự u nghĩa, tất vi thánh-nhân) (thiên Qui-nghĩa).

Vậy thì chữ « nghĩa » của tôn-giáo họ Mặc, có một giá-trị rất cao, phạm-vi rất rộng, gần giống chữ « nhân » của Nho-gia vậy.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Ý-kiến chính-trị của Mặc-tử

Mặc-tử là nhà tôn-giáo, không phải một nhà chính-trị, điều đó đã rõ-ràng rồi. Thế thì có sao lại có ý-kiến chính-trị?

Là vì giáo-điều căn-bản của tôn-giáo họ Mặc tức là chủ-nghĩa Kiêm-ái, mà muốn thiên-hạ hết thấy yêu nhau, không phải là sự dễ-dàng, có thể dùng lời nói xuông mà làm cho đạt mục-đích, Mặc-tử biết vậy, cho nên ngoài việc mượn trời và quỷ để làm khuôn-mẫu cho người đời, Mặc-tử cũng muốn lợi-dụng thế-lực của chính-trị nữa. Song mà không phải Mặc-tử mong chiếm một ghế trọng-yếu trong trường chính-trị để hòng thực-bành chí-nguyện của mình. Bản-ý Mặc-tử—như một chương trên đã nói, — chỉ là « học đạo tiên-vương mà tìm lấy thuyết, thông lời nói của thánh - nhân mà xét lấy lời, để bảo các đấng vương-công đại-

nhân, nếu họ mà nghe, thì, nước của họ ắt được thịnh-trị » thế thôi. Như thế nghĩa là Mặc-tử chỉ định mượn các vương-công đại-nhân làm kẻ truyền bá tư-tưởng của mình với bọn dân chúng, cũng như các nhà bầu-khoán dùng người cai phu làm kẻ bảo-ban công việc của họ với dân-phu vậy. Vì thế chính-trị triết-học của Mặc-tử cực kỳ đơn-giản, đại khái chỉ có mấy điều dưới đây. Nhưng mà ý-kiến chính-trị của Mặc-tử không giống như bọn Pháp-gia, bất-kỳ ở đâu, lúc nào, đều chỉ dùng theo một kiểu. Phương-pháp chính-trị của Mặc-tử thường phải thay đổi tùy theo hoàn-cảnh. Mặc-tử nói như thế này :

« Phàm vào các nước phải chọn từng việc mà làm. Nhà nước hôn-loạn, thì bảo họ những thuyết « thượng-hiền », « thượng-đồng » ; nhà nước nghèo thì bảo họ những thuyết « tiết-dụng » « tiết táng » ; nhà nước mê-thích âm-nhạc chè rượu, thì bảo họ những thuyết « phi nhạc », « phi-mệnh » ; nhà nước dâm bậy vô lễ, thì bảo họ những thuyết « tôn-thiên » « sự-quí » ; nhà nước chăm việc sâm-lăng thì bảo họ những thuyết « kiêm-ái »... (thiên Lỗ vấn).

Coi đó thấy rằng : chính-trị của Mặc-tử, cũng vẫn ở trong phạm-vi tôn-giáo, không phải đứng riêng ra một phương-diện.

I — Thượng-thiên

Trong đời Mặc-tử, nền tảng của chính-trị « qui-tộc » đã hơi lung lay, những bậc kỳ-tài kiệt-sĩ ở lớp xã-hội hạ-đẳng, có người đã được nhẩy lên sân khấu chính-trị, ví như Ninh-Xích là kẻ nuôi trâu mà được làm tướng nước Tề... Nhưng cái chế độ « gia-tộc » còn chưa tiêu-diệt, phần lớn quyền-thế các nước, vẫn ở trong tay những nhà qui-tộc thế-khanh; cho đến Nho-gia lúc ấy bàn về chính-trị, cũng chủ-trương rằng : phải thân người gần mà qui người sang. Chỗ đó rất trái chủ-nghĩa «Kiêm-ái». Vì thế Mặc-tử mới phải phản-đối một cách kịch-thiết như vậy :

« Ngày nay, các đấng vương công đại-nhân có một con trâu con dê, không thể giết được, ắt tìm người thợ tể giỏi ; có một cái quần cái áo, không thể cắt được, ắt tìm người thợ may giỏi...; có một con ngựa ốm, không thể chữa được, ắt tìm người thầy thuốc giỏi ; có một cái cung hỏng, không thể dùng được, ắt tìm người thợ cung giỏi. Các đấng vương-công đại-nhân trong những lúc đó, đâu có những người cốt nhục, vô cố giàu sang, mặt mũi xinh đẹp, thật biết họ không làm được, ắt là không khiến. Đó là có gì ? Vì sợ họ làm hỏng của. Các đấng vương công đại-nhân với những

việc đó vẫn không sai lỗi cái ý « chuộng người hiền, sai người tài ». Đến việc nhà nước thì lại không thế... những kẻ cốt-nhục, vô-cổ phú quý, mặt mũi xinh đẹp, thì cất nhắc lên. Vậy thì các đấng vương công đại nhân thân với nhà nước của họ không bằng thân với cung hồng, ngựa ốm, cái áo, cái quần, con trâu, con dê đó chăng? (今王公大人有一牛羊之財, 不能殺, 必索良宰; 有一衣裳之財, 不能制, 必索良工; ... 有一罷馬不能治, 必索良醫; 有一危弓, 不能張, 必索良工. 當王公大人之於此也, 雖有骨肉之親, 無故富貴, 面目美好者, 實知其不能也, 必不使. 是何故? 恐其敗財也, 當王公大人之於此也, 則不失尚賢而使能, 逮至其國家則不然, 骨肉之親, 無故富貴, 面目美好者, 則舉之. 則王公大人之親其國家也不若親其一危弓罷馬, 衣裳牛羊之財與?)

Kim vương công đại nhân hữu nhất ngư dương chi tài bất năng sát, tất sách lương tể; hữu nhất y thường chi tài, bất năng chế, tất sách lương công.; hữu nhất bì mã, bất năng trị, tất sách lương

y; hữu nhất nguy cung bất năng trương, tất sách lương công. Dương vương công đại-nhân chi ư thử dã, tuy hữu cốt nhục chi thân, vô cố phú quý, diện mục mỹ hảo giả, thực tri kỳ bất năng dã tắc bất xử. Thị hà cố? Khủng kỳ bại tài dã. Dương vương công đại-nhân chi ư thử dã, tắc bất thất thượng hiền nhi xử năng. Đại chi kỳ quốc-gia tắc bất nhiên... cốt nhục chi thân, vô cố phú quý, diện mục mỹ hảo tắc cử chi. Tắc vương công đại-nhân chi thân kỳ quốc-gia dã bất nhược thân kỳ nhất nguy cung bì mã y thường nguư dương chi tài dư?) (thiên Thượng-hiền hạ).

Điều đó chính là bệnh chung của bọn cầm quyền những nước đồi-bại. Bọn đó, với việc nhỏ nhất, họ biết tìm kẻ lành nghề mới chịu giao phó. Nhưng mà về việc trị nước coi dân, họ lại dùng bừa những kẻ họ-hàng vây-cánh, có thể lực hay có bộ mặt nhũn-nhặn dễ yêu, bất-luận là có tài-dức hay không. Lối dùng người ấy kết quả ra sao? Mặc-tử cho rằng nó đã làm cho các đấng vương công đại-nhân: nhà-nước phải nghèo, nhân-dân phải ít, hình-chính phải loạn, dù những người ấy vẫn muốn nhà nước được giàu, nhân-dân được nhiều, hình-chính được đâu vào đó.

Tại sao như vậy? Mặc-tử nói như thế này :

«... Những kẻ vô cố phú-quí, mặt mũi xinh đẹp, há ắt là kẻ khôn và sáng đầu... các đấng vương công đại-nhân vì yêu cái vẻ của họ mà dùng, trong bụng không xét trí khôn của họ... chỉ «cho» cái người mình yêu mà thôi. Thế cho nên, kẻ không trị nổi trăm người, thì khiến ở chức cai-quản nghìn người; kẻ không trị nổi nghìn người thì khiến ở chức cai quản muôn người.. Ôi, không trị nổi nghìn người mà khiến ở chức cai quản muôn người, thì chức quan đó phải nặng gấp mười.. Cái phép chính-trị, công việc sẽ cứ hằng ngày kéo đến. Dùng sức ngày để làm việc, sức ngày không thể dài hơn mười lần, dùng trí khôn để làm việc, trí khôn không thể thêm lên mười lần. Vậy mà cho ở cái chức nặng hơn gấp mười, ấy là làm được một việc mà bỏ mười việc. Dầu rằng nối đêm với ngày để làm công việc của chức quan ấy, chức quan ấy cũng vẫn như không làm gì).

無故富貴,面目佼好者... 豈必智且有慧哉... 王公大人有所愛其色而使,其心不察其知而與乎其愛.是故不能治百人者使處乎千人之官,不能治千人者使處乎萬人之官.. 夫不能治千人者使處乎萬人之官,則此官什倍也.夫治不之法將日至者也,日以治之,日不

什修；知以治之，知不什益。而予官什倍。則此治一而棄其九矣，雖日夜相接以治若官，官猶若不治。（... Vô cố phú qui, diện mục hiện-hảo giả. khởi tất trí tả hữu tuệ tai?... Vương công đại-nhân hữu sở ái kỳ sắc nhi xử, kỳ tâm bất sát, kỳ trí nhi dĩ kỳ ái. Thị cố bất năng trị bách nhân giả sử xử hồ thiên nhân chi quan; bất năng trị thiên nhân giả, sử xử hồ vạn nhân chi quan.. Phù bất năng trị thiên nhân giả, sử xử hồ vạn nhân chi quan, tắc thủ quan thập bội dã. Phù trị chi pháp, tương nhật chí giả dã. Nhật dĩ trị chi, nhật bất thập tu; trí dĩ trị chi, trí bất thập ích, nhi dĩ quan thập bội, tắc thủ trị nhất nhi khí kỳ cứu hỹ. Tuy nhật dạ-tương tiếp, dĩ trị nhược quan, quan do nhược bất trị) (thiên Thượng-hiền trung).

Chẳng những thế thôi, theo ý Mặc tử, cách dùng người ấy còn có cái hại này nữa :

« Kẻ sĩ và người quân tử thiên-hạ, ai cũng muốn giàu sang và ghét nghèo hèn. Nhưng, « người làm thế nào mà được giàu sang mà tránh nghèo hèn? »
Rằng : không gì bằng làm kẻ cốt-nhục của các vương công đại-nhân. Nhưng, kẻ cốt nhục của các vương công đại nhân... không thể học mà làm được. Nếu không phân biệt đức hạnh, thì dẫu vua Vũ vua Thang

vua Văn vua Võ cũng không được hơn ; kẻ cốt nhục của các vương công đại nhân, què khiêng cam điếc, tợn như vua Kiệt vua Trụ cũng không hại hơn. Thế cho nên, thưởng không nhắm vào người hiền, phạt không nhắm vào kẻ bạo, kẻ được thưởng đã không có công, kẻ bị phạt cũng không có tội, ấy là khiến cho trăm họ nản lòng nhác thê, chán làm điều thiện, để dưng cái sức chân tay mà không giúp đỡ lẫn nhau, để thối mục cái của thừa thãi mà không chia cấp cho nhau, giấu giếm điều hay mà không dạy bảo lẫn nhau» (. 天下之士君子皆欲富貴而惡貧賤, 然女何爲而得富貴而避貧賤? 曰莫爲王公大人骨肉之親, 然王公大人骨肉之親. 此非可學能者也, 使不辨德行之厚, 禹湯文武不加得也; 王公大人骨肉之親, 跛蹙瘖聾, 暴如桀紂. 不加失也. 是以賞不當賢, 罰不當者, 亦無罪. 是使百姓皆放心解體, 沮以爲善; 垂其股肱之力而不相勞來也; 腐臭餘財而不相分資也; 隱匿良道而不相教誨也. Thiên hạ chi sĩ quân tử đại dục phú qui nhi ố bần tiện. Nhiên như

hà vi đặc phú qui, nhi ty bản tiện ? Viết : mạc nhược vi vương công đại nhân cốt nhục chi thân. —
Nhiên vương công đại nhân cốt nhục chi thân...
thử phi khả học năng giả dã. Sử bất biện đức hạnh chi hậu, nhược Vũ Thang Văn Võ bất gia đặc dã; vương công đại nhân cốt nhục chi thân, bí tích ấm lung, bạo vi Kiệt Trụ bất gia thất dã. Thị dĩ thưởng bất đáng hiền, phạt bất đáng bạo. Kỳ sở thưởng giả dĩ vô cố bỹ, kỳ sở phạt giả diệc vô tội. Thị sử bách tính phóng tâm giải thể, tử dĩ vi thiện, thùy kỳ cổ quăng chi lực nhi bất tương lao lại dã; hủ xú dư tài, nhi bất tương phân tư dã; ần nặc lương đạo, nhi bất tương giáo hối dã) (thiên Thượng hiền hạ).

Bởi thấy chính-trị quý - tộc, chế độ gia tộc tai hại như vậy, cho nên Mặc tử chủ trương lấy sự tôn chuộng người hiền làm cái gốc của chính trị. Mặc tử nói :

«Thánh vương đời xưa, rất tôn chuộng người hiền mà sai dùng người tài, không kéo bè với cha anh, không thiên vị kẻ giàu sang không say mển kẻ phan sắc. Ai hiền thì nâng nhắc lên, cho giàu và sang dùng làm quan trưởng; kẻ nào bất hiếu thì nên bỏ đi, bất nghèo và hèn, dùng làm đồ dịch. Vì vậy, dân đều nô nức sự thưởng, sợ hãi sự phạt. rủ nhau mà làm người hiền... Rồi sau thánh nhân

nghe lời của họ, dò nết của họ, xét tài của họ, mà cẩn thận cho họ quan tước. Kẻ nào đáng trị một nước cho trị một nước ; kẻ nào đáng làm trưởng quan cho làm trưởng quan, kẻ nào đáng trị một ấp cho trị một ấp. » (古者聖王甚尊尚賢而任使能, 不黨父兄, 不偏富貴, 不嬖顏色, 賢者舉而上之, 富而貴之以爲官長; 不肖者抑而廢之, 貧而賤之, 以爲徒役, 是以民皆勸其賞, 畏其罰, 相率而爲賢者, 然後聖人聽其言, 迹其行, 察其所能而慎予官, 故可使治國者使治國, 可使長官者使長官, 可使治邑者使治邑. Cồ giã thanh vương thậm tôn thượng hiền nhi nhiệm sử năng, bất đảng phụ huynh, bất thiên phú quý, bất bế nhan sắc. Hiền giã cử nhi thượng chi, phú nhi qui chi, dĩ vi quan trưởng; bất tiêu giã ức nhi phế chi, bần nhi tiện chi, dĩ vi đồ dịch. Thị dĩ dân dai khuyến kỳ thưởng úy kỳ phạt, tương xuất nhi vi hiền giã... Nhiên hậu thánh nhân thính kỳ ngôn, tích kỳ hạnh, sát kỳ sở năng... nhi thận dữ quan. Cồ khả sử trị quốc giã sử trị quốc; khả sử trưởng quan giã sử trưởng quan; khả sử trị ấp giã sử trị ấp) (thiên Thượng hiền trung).

Chỗ khác Mặc-tử lại nói rõ hơn mà rằng :

«Thánh vương đời xưa làm việc chính-trị thường dùng người đức mà chuộng người hiền. Dầu người ở nghề làm ruộng và cửa hàng thợ mà có tài năng thì cũng cất nhắc, cao thì cho tước, trọng thì cho lộc, giao cho công-việc, ban cho quyền lệnh... Cho nên quan không sang mãi, dân không bèn mãi.»

(古者聖王之爲政,列德而尙賢,雖在農與工肆之人,有能則舉之.高予之爵.重予之祿,任之以事,斷予之令...故官無常貴而民無終賤. Cổ giả thánh vương chi vi chính, liệt đức nhi thượng hiền, tuy tại nông dữ công tứ chi nhân, hữu năng tắc cử chi, cao dữ chi tước, trọng dữ chi lộc, nhiệm chi dĩ sự, đoan dữ chi lệnh,.. Cổ quan vô thường quý, dân vô chung tiện (thiên Thượng-hiền thượng).

Chính-sách tôn chuộng người hiền có thể khiến cho mọi người đều phải khuyến khích. Bởi vì kẻ sĩ và người quân tử, người nào cũng muốn giàu sang và ghét nghèo hèn, người ta sẽ cùng bảo nhau muốn được giàu sang mà tránh nghèo hèn, không gì bằng cố làm người hiền, Mặc-tử tin chắc như thế.

Cách làm người hiền ra sao ? Mặc-tử bảo là :

«Kẻ có sức kịp đem giúp người, kẻ có của cố đem chia cho người, kẻ có đạo khuyên nhau mà đem

day người 有力者疾以助人, 有財者勉以分人, 有道者勸以教人. Hữu lực giả tật dĩ trợ nhân, hữu tài giả miễn dĩ phân nhân, hữu đạo giả khuyến dĩ giáo nhân, (thiên Tạng hiền hạ).

«Như thế thì, kẻ đói được ăn, kẻ rét được mặc, kẻ loạn được trị.» Mặc-tử nói thế.

Vậy thì chính sách thượng hiền, theo danh-từ mới, tức là «chính-trị hiền nhân», mà cũng không ngoài chủ nghĩa kiêm ái.

lX — Tiết dụng và chúng dân

Mặc-tử là người bần tình khắc-khổ, vả lại, suốt đời chỉ biết khổ hạnh cứu đời, tất nhiên không thể dung-thứ những sự sa-hoa. Vì vậy, về mặt tôn giáo, Mặc-tử muốn cho kẻ Mặc đời sau «lấy da thú, vải lông làm áo mặc, lấy dép cỏ giầy rơm làm đồ đi, đêm ngày không nghỉ, lấy sự tự khổ làm khuôn phép»; về mặt chính-trị, Mặc-tử nhất định chủ trương tiết kiệm. Theo ý Mặc-tử, tiết-kiệm là một chính-sách rất hay, Mặc-tử nói :

«Thánh nhân làm việc chính trị của một nước, một nước có thể lợi được gấp hai; lớn ra, làm việc chính-trị cho cả thiên hạ, thiên hạ có thể lợi được gấp hai. Cách làm cho lợi lên gấp hai đó, không phải là đi lấy đất ở ngoài. Nhân trong nước nhà, bỏ

cái vô dụng đủ làm cho lợi gấp hai» (聖人爲政一國, 一國可倍(1)也; 大之, 爲政天下, 天下可倍也. 其倍之, 非外取地也, 因其國家, 去其無用, 足以倍之, Thánh nhân vi chính nhất quốc, nhất quốc khả bội dã; đại chi, vi chính thiên hạ, thiên hạ khả bội dã. Kỳ bội chi, phi ngoại thủ địa dã. Nhân kỳ quốc gia, khứ kỳ vô dụng, túc dĩ bội chi) (thiên Tiết-dụng thượng).

« Nhân trong nước nhà, bỏ cái vô - dụng », mới là đại-cương của chính sách tiết - kiệm. Muốn cho rõ hơn, Mặc-tử còn nói :

«Thánh - vương đời xưa, đặt ra cái phép tiết dụng, nói rằng : «Tất cả những trăm nghề thợ thiên-hạ, thợ xe, thợ da, thợ gốm, thợ rèn, thợ mộc, khiến cho ai làm theo tài của nấy.... hễ đủ cung-cấp đồ dùng cho dân thì thôi ». Những cái thêm phí mà không thêm lợi cho dân, thánh nhân không làm» (古者聖王制爲節用之法. 曰: «凡天下羣百工. 輪車鞮鞞, 陶冶梓匠. 使各從事其所能. 凡足以奉給民用則止». 諸加費不加利于民者. 聖人弗爲. Cồ giã thánh-vương, chế vi tiết dụng chi pháp, viết : «phàm thiên - hạ quần bách công,

(1) Theo lời chua của Tất-Nguyên, bội là lợi lên gấp hai.

luân, xa, quĩ, bào, dào, dã, tử-tượng, sử các tông sự kỳ sở năng... phạm túc dĩ phụng cấp dân dụng tắc chi. Chư gia phí bất gia lợi vu dân giả, thánh nhân phát vi) (thiên Tiết dụng trung).

Chỗ khác, Mặc-tử lại nói :

«Thánh vương làm việc chính-trị, những sự ra lệnh, dấy việc, cốt cho tiện với của dùng của dân, không có cái gì không thêm công dụng mà cũng làm. Cho nên dùng của không phí, sức dân không mệt. ấy là dấy lợi nhiều lắm» (聖王爲政. 其發令. 興事. 便民用財也. 無不加用而爲者. 是故用財不費, 民德不勞, 其興利多矣. Thánh vương vi chính, kỳ phát lệnh hưng sự, tiện dân dụng tài dã. Vô bất gia dụng nhi vi giả. Thị cố dụng tài bất phí, dân đức bất lao, kỳ hưng lợi đa hỹ) (thiên Tiết - dụng thượng). Tiếp đó Mặc-tử lại thêm :

«Làm ra áo đơn áo cừu để làm gì ? Mùa đông để chống rét, mùa hè để chống nắng. Phạm những cách làm áo quần, mùa đông phải thêm ấm, mùa hè phải thêm mát ; những cái không thêm được gì thì bỏ đi. Làm ra cửa nhà để làm gì ? Mùa đông để chống gió rét, mùa hè để chống nắng mưa, có trộm giặc thì thêm vũag ; những cái không thêm

được gì thì bỏ đi. (其爲衣裘何以爲? 冬以圍寒, 夏以圍暑; 凡爲衣裳之道, 冬加溫, 夏加清者. 諸不加者去之. 其爲宮室何以爲? 冬以圍風寒, 夏以圍暑雨, 有盜賊加固者, 諸不加者去之, Kỳ vi y cừ hà dĩ vi? Đông dĩ ngữ hàn, hạ dĩ ngữ thử; phạm vi y thường chi đạo, đông gia ôn, hạ gia thanh giả; chư bất gia giả khử chi. Kỳ vi cung thất hà dĩ vi? Đông dĩ ngữ phong hàn, hạ dĩ ngữ thử vũ, hữu đạo lạc gia cố giả; chư bất gia giả khử chi) (thiên Tiết-dụng thượng).

Một chỗ nữa, Mặc-tử bảo rằng :

«Thánh-vương đời xưa chế ra cái phép ăn uống, nói rằng : Đủ để đầy sự trống rỗng, nổi hơi, mạnh chân tay, thông-minh tai mắt thì thôi. Không làm cùng-cực sự pha-phách của năm vị và sự hòa-chộn của mùi thơm; không đem lại những vật qui lạ của những nước ở xa,... Xưa kia vua Nghiêu trị thiên-hạ, đâu cũng trầu phục. Đến sự vua ấy yêu-thích, thì, cơm xôi không hai món, canh-sáo không hai thứ, uống nước bằng bát đàn, húp canh bằng chén đàn, dùng dầu rót rượu. Cái lễ cúi ngửa, vòng lượn, bắt dáng bắt điệu, thánh-vương không làm» (古者聖王制爲飲食之法, 曰:

足以充虛, 繼氣, 強股肱, 耳目聰明
則止, 不極五味之調, 芬香之和; 不
致遠國珍怪, 異物... 古者堯治天下...
莫不賓服, 逮至其厚愛, 黍稷不二,
羹藜不重, 飲於土溜, 啜於土鋤, 酌
以斗. 俛仰周旋威儀之禮, 聖王弗
爲, Cỗ giã thánh vương chế vi ẩm thực chi
pháp, viết: Túc dĩ xung hư, kế khí, cường cỗ quảng,
nhĩ mục thông minh, tắc chí. Bất cực ngũ vị chi
điều, phân hương chi hòa ; bất trí viên quốc trân
quái dị vật... Cỗ giã Nghiêu trị thiên-hạ..., mặc bất
tân phục. Đãi chí kỳ hậu ái, thử tắc bất nhị, canh
trí bất trùng, ẩm ư thổ lựu, xuyết ư thổ-hình, chước
dĩ dầu. Miễn ngưỡng, chu toàn, uy nghi chi lễ,
thánh vương phát vi) (thiên Tiết-dụng trung).

Vậy là đối với Mặc-tử, tất cả các sự ăn ở, và
mặc, đều nên tiết-kiệm, và sự tiết-kiệm ấy, cần
phải thực - hành suốt từ người dưới đến người
trên, không riêng một giai-cấp nào.

Nhưng, chính-sách tiết-kiệm của Mặc tử không
phải chỉ để làm cho nước giàu, như bọn Quản-
Trọng, Thương Ưởng. Chủ-ý Mặc tử cốt cho dân
được khỏi đói khỏi rét, để có đủ sức sinh - sản
thêm ra, Mặc-tử, biết rằng vấn-đề làm cho đông
dân là điều quan - trọng, cho nên thường nói ;

« Kẻ nhân-giả lo lắng cho thiên-hạ, hễ thiên-hạ
nghèo thì làm cho giàu lên, nhân-dân ít thì làm
cho nhiều ra, » (仁者之爲天下度也... 天
下貧則從事乎富之, 人民寡則從
事乎衆之 Nhân giả chi vi thiên-hạ độ dã,
thiên-hạ bần tắc tòng sự hồ phú chi, nhân-dân
quả tắc tòng sự hồ chúng chi) (thiên Tiết táng hạ).

« Đời xưa các đấng vương công đại-nhân làm
việc chính-trị cho nước nhà đều muốn nước nhà
được giàu, nhân-dân được nhiều » (古者王公
大人之爲政於國家者皆欲國家
之富, 人民之衆. Cổ giả vương công đại nhân
chi vi chính ư quốc-gia giả, giai dục quốc-gia
chi phú, nhân-dân chi chúng). (thiên Thượng hiền
thượng).

Vậy thì vấn-đề làm cho dân đông, cũng như vấn-
đề làm cho dân giàu, Mặc-tử rất là chú ý. Vì vậy
khi bản chính-sách tiết-dụng, Mặc-tử có nói ;

« Có ai bỏ sự ham muốn tụ những châu ngọc,
chim muông, chó ngựa của đấng đại-nhân để thêm
cái số áo quần, cửa nhà, giáp mộc, năm món binh
khi, thuyền xe, gấp lên vài lần chăng ? Như thế
không khó... Chỉ có người là khó gấp lên. Nhưng
mà, người cũng có thể gấp lên... Thánh-vương đời

xưa làm ra pháp lệnh, nói rằng : « Con trai hai mươi tuổi, không ai dám không lấy vợ ; con gái mười lăm tuổi, không ai dám không lấy chồng ». Đó là phép của thánh-vương. Thánh-vương đã mất, ở dân gian, kẻ muốn lấy vợ sớm, có người hai mươi tuổi mới lấy vợ ; kẻ muốn lấy vợ muộn, có người bốn mươi tuổi mới lấy vợ. Đem kẻ sớm trừ với kẻ muộn, thì chậm hơn phép của thánh-vương mười năm. Nếu cứ ba năm mà đẻ, thì con đẻ ra có thể hai, ba tuổi rồi. Đó chẳng là bắt buộc dân sớm lấy vợ, thì số dân có thể gấp lên đấy ư ? » (有去大人之好聚珠. 玉鳥獸犬馬, 以益衣裳宮室甲盾五兵舟車之數於數倍乎? 若則不難: 唯人爲難倍. 然人有可倍也. 昔者聖王爲法曰: 丈夫年二十無敢不處家; 女子年十五無敢不事人. 此聖王之法也. 聖王既沒, 于民次也, 其欲蚤處家者, 有所二十年處家; 其欲晚處家者, 有所四十年處家. 以其蚤與其晚相踐; 後聖王之法十年. 若純三年而字, 子生可以二三年矣. 此不是使民蚤處家而可以倍與? Hữu khữ đại nhân chi hiếu tụ châu ngọc, điều thú

khuyến mã, dĩ ích y thường, cung thất, giáp thuần, ngũ binh, châu xa chi số ư sở bội hồ? Nhược tắc bất nan... Duy nhân vi nan bội..., Nhiên nhân hữu khả bội dã. Tích giả thánh-vương vi pháp, viết : « Trượng phu niên nhị thập, vô cảm bất xử gia; nữ tử niên thập ngũ, vô cảm bất sự nhân ». Thử thánh vương chi pháp dã. Thánh vương ký một vu dân thứ dã, ký dục tảo xử gia giả, hữu sở nhị thập niên xử gia; ký dục văn xử gia giả, hữu sở tứ thập niên xử gia. Dĩ ký tảo dĩ ký văn tương tiến, hậu thánh vương chi pháp thập niên. Nhược thuần tam niên nhi tự, tử sinh khả dĩ nhị tam niên dĩ. Thử bất thị sử dân tảo xử gia nhi khả dĩ bội dư ».

Tiếp đó, Mặc-tử công-kích những nhà cầm quyền đời ấy như vậy :

«Nay, những người làm việc chính-trị trông thiên hạ, cái cách «làm cho nhân dân ít đi» nhiều lắm; họ sai dân thì vất-vả, họ thu-liễm thì hậu-bỹ; của cải của dân không đủ, chết đói chết rét không thể kể xiết. Vả, các đấng đại-nhân lại quen dấy quân để đánh nước láng giềng, lâu thì trọn năm, chóng thì vài tháng, trai gái lâu không thấy nhau, đó là cách làm cho nhân dân ít đi» (今天下爲政者.其所以寡民之道多:其使民勞,其籍歛厚.民財不足,凍餓死者不可勝

數也。且大人惟毋興師以攻伐隣國，久者終年，速者數月，男女不相見，此所以寡民之道也。 Kim thiên-hạ vi chính giả, kỳ sở dĩ quả dân chi đạo dã: Kỳ sử dân lao, kỳ tịch-liêm hậu, dân tài bất lúc, đồng ngã tử giả bất khả thăng sở dã. Thả đại-nhân duy quán hưng sư dĩ công phạt lân quốc, cửu giả chung niên, tốc giả sở nguyệt, nam nữ bất tương kiến, thử sở dĩ quả dân chi đạo dã) (thiên Tiết-dụng thượng).

Vậy thì chính-sách tiết-dụng và chính-sách chúng dân của Mặc-tử rất có liên-lạc với nhau, ý-kiến tuy là thiên-cận, nhưng cũng đủ tỏ Mặc-tử là người trọng về thực-lễ.

III—Thượng-dòng

Muốn cho chủ nghĩa Kiêm-ái thực-hiện một cách triệt để, ít nhất cũng phải làm cho thiên-hạ không còn những kẻ tham-lam tàn-bạo, gây ra các việc ghen ghét tranh dành, bất hiếu bất mục, bất nhân bất nghĩa... trái lại với chủ-nghĩa ấy.

Nhưng mà thiên-hạ rất rộng, không thể đi từng nhà mà bảo từng người, Mặc-tử biết thế, nên muốn mượn sức chính-trị để hòng thống-nhất tư

tưởng của hết mọi người. Thượng đồng tức là thống-nhất tư-tưởng vậy, Hãy nghe Mặc tử cắt nghĩa :

«Đời xưa, khi dân mới sinh, chưa có hình-chính, lời nói của họ mỗi người mỗi lẽ phải. Cho nên, một người thì một lẽ phải; hai người thì hai lẽ phải, mười người thì mười lẽ phải, hễ người càng nhiều, cái gọi là lẽ phải càng nhiều. Cho nên ai cũng bênh lẽ phải của mình để chê lẽ phải của người, cho nên cứ chê lẫn nhau. Cho nên trong thì cha con anh em gây ra oán ghét lia lịa, không thể hòa-hợp với nhau; trăm họ thiên-hạ đều dùng nước lửa thuốc độc làm hại lẫn nhau. Thiên-hạ rối loạn như cầm thú vậy» (古者民始生, 未有刑政之時, 蓋其語, 人異義, 是以一人則一義, 二人則二義, 十人則十義, 其人茲衆, 其所謂義者亦茲衆, 是以人是其義以非人之義, 故交相非也, 是以內者, 父子兄弟作怨惡離散, 不能相和合. 天下之百姓皆以水火毒藥相虧害... 天下之亂若禽獸然, Cổ giả dân thủy sinh, vị hữu hình chính chi thì, cái kỳ ngữ, nhân dị nghĩa. Thị dĩ nhất nhân tắc nhất nghĩa, nhị nhân tắc nhị nghĩa, thập nhân tắc thập nghĩa. Kỳ nhân tư chúng, kỳ sở vị

nghĩa giả diệc tư chúng. Thị dĩ nhân thị kỳ nghĩa dĩ phi nhân chi nghĩa, cố giao tương phi dã. Thị dĩ nội giả phụ tử huynh đệ tác oán ố ly-tán, bất năng tương hòa-hợp ; thiên-hạ chi bách linh, dai dĩ thủy hỏa độc dược tương khuy bại... Thiên-hạ chi loạn nhược cầm thú nhiên) (thiên Thượng đồng thượng).

Đó là tai hại của những xã-hội «tư-tướng không thống-nhất». Muốn tránh những tai-hại ấy, xã-hội phải có tổ-chức, Mặc tử nói :

« Biết rõ thiên-hạ sở dĩ rối loạn do không có người chính trưởng mà ra, cho nên mới kén lấy người hiền khá trong thiên-hạ lập lên để làm thiên-tử. Thiên-tử lập, cho là sức vẫn chưa đủ, lại chọn lấy người hiền-khá trong thiên-hạ, lập lên để làm Tam-công. Thiên-tử Tam-công lập rồi, cho là thiên-hạ rộng lớn, dân của nước xa đất lạ, phải trái, lợi hại khác nhau, không thể một, hai mà biết cho rõ, nên mới vạch chia muôn nước, lập các quốc-quân chư-hầu. Quốc-quân chư-hầu lập rồi, cho là sức còn chưa đủ, nên lại kén-chọn những người hiền-khá trong nước, lập lên để làm chính-trưởng ». (明 禎 天 下 之 所 以 亂 者 生 於 無 正 長. 是 故 選 天 下 之 賢 可 者 立 以 爲 天 子, 天 子 立, 以 其 力

爲未足又選擇天下之賢可者置立之以爲三公.天子三公既以立,以天下爲博大,遠國異土之民,是非利害之辨不可一二而明知故畫分萬國立諸侯國君,諸侯國君既已立,以其力爲未足又選擇其國之賢可者置立之以爲正長.

Minh-hồ thiên-hạ chi sở dĩ loạn giả, sinh ư vô chính trưởng, thị cố tuyển thiên-hạ chi hiền khả giả, lập dĩ vi thiên-tử. Thiên-tử lập, dĩ kỳ lực vi vị túc, bựu tuyển trách thiên-hạ chi hiền khả giả, trí lập chi, dĩ vi tam-công. Thiên-tử tam công ký dĩ lập, dĩ thiên-hạ vi bác-đại, viễn quốc dị thổ chi dân, thị phi lợi hại chi biện, bất khả nhất nhị ưbi minh trí, cố hoạch phân vạn quốc, lập chư-hầu quốc-quân. Chư-hầu quốc-quân ký dĩ lập, dĩ kỳ lực vi vị túc, bựu tuyển-trách kỳ quốc chi hiền-khả giả, trí lập chi, dĩ vi chính-trưởng) (thiên Thượng hiền thượng).

Đó là nền-móng của cuộc thống-nhất tư-tướng. Muốn đi tới đích, phải có phương-pháp tiến-hành, Mặc-tử nói :

« Chính-trưởng đủ rồi, thiên-tử mới ra chính-lệnh cho cả trăm họ thiên-hạ, nói rằng : « Nghe

thấy điều thiện và điều bất thiện, đều phải báo với người trên. Cái mà người trên cho là phải, ai cũng phải nhận là phải; cho là trái, ai cũng phải nhận là trái. Người trên có lỗi thì can ngăn, người dưới có điều hay thì dò hỏi mà dưng lên. Kẻ nào tán-đồng với bậc trên mà không vào hùa với bậc dưới, người trên sẽ thưởng, người dưới sẽ khen. Nếu nghe điều thiện và điều bất thiện mà không báo với người trên; cái mà người trên cho là phải lại không chịu nhận là phải, cái mà người trên cho là trái, lại không chịu nhận là trái; người trên có lỗi, không can-ngăn; người dưới có điều hay, không dò hỏi mà dưng lên; vào hùa với bậc dưới mà không tán-đồng với bậc trên, người trên sẽ phạt mà trăm họ sẽ chê. Người trên phải theo chỗ đó để làm căn-cứ cho sự thưởng phạt» (正長既已具, 天子發政於天下之百姓, 言曰: 聞善而(1)不善, 皆以告其上. 上之所是, 必皆是之; 所非, 必皆非之; 上有過則規諫之, 下有善則傍(2)薦之. 上同而下比者, 此上之所賞而下之所譽

1 — 2 Theo Tất Nguyên, hai chữ 而 (nhi) này đều như chữ 如 (như) nghĩa là «cũng như».

也。若聞善而(1)不善,不以告其上,上之所是弗能是,上之所非弗能非;上有過弗規諫;下有善弗傍(2)薦;下比而不上同者,此土之所罰而百姓之所毀也,上以此爲賞罰。

Cbình trưởng ký dĩ cụ, thiên-tử phát chính ư thiên-hạ chi bách tính, ngôn viết: « Văn thiện nhi bất thiện, dai dĩ cáo kỳ thượng. Thượng chi sở thị, tất dai thị chi; sở phi tất dai phi chi. Thượng hữu quá tắc qui gián chi; hạ hữu thiện tắc phóng tiến chi. Thượng đồng nhi bất hạ ty giả, thử thượng chi sở thưởng nhi hạ chi sở dự dã. Nhược văn thiện nhi bất thiện, bất dĩ cáo kỳ thượng; thượng chi sở thị, bất rãng thị; thượng chi sở phi phát năng phi; thượng hữu quá, phát qui-gián; hạ hữu thiện, phát phóng tiến; hạ ty nhi bất thượng đồng giả, thử thượng chi sở phạt, nhi bách tính chi sở hủy dã. Thượng dĩ thử vi thưởng phạt,» (thiên Thượng-đồng thượng).

Đó là phương-pháp để đi tới cuộc thống-nhất tư-tưởng. Theo phương-pháp đó, Mặc-tử tin rằng: Những bậc Lý-trưởng, Hương-trưởng, Quốc-quân, đều là người nhân của một xóm, một làng, một

1 2 Theo Tôn-Di-Nhượng những chữ 傍 (bàng) này đều thông với chữ 訪 (phóng), nghĩa là dò hỏi.

nước, họ sẽ ra lệnh cho dân trong địa-bạt họ, bỏ hết lời xấu nết xấu của chúng mà học lời hay nết hay của người trên họ, Mặc-tử là cái xã-hội ấy như vậy :

« Lý-trưởng thuận theo chính-lệnh của thiên-tử mà thống-nhất lẽ phải của xóm mình... đem muôn dân xóm mình tán đồng ngược lên với hương-trưởng, cái gì hương-trưởng cho là phải, ắt cũng cho là phải, cái gì hương trưởng cho là trái ắt cũng cho là trái. Hương-trưởng đã là người hiền trong làng, người cả làng đều bắt chước hương - trưởng. thì làng còn vì lẽ gì mà không « trị » ? Hương-trưởng trị làng, làng đã « trị » rồi, lại đem muôn dân làng mình tán đồng ngược lên với Quốc-quân, cái gì Quốc-quân cho là phải, ắt cũng cho là phải, cái gì Quốc-quân cho là trái, ắt cũng cho là trái... Quốc quân đã là người hiền trong nước, người cả nước đều bắt chước Quốc-quân, thì nước còn vì lẽ gì mà không « trị » ?... Quốc-quân trị nước, nước đã « trị » rồi, lại đem muôn dân nước mình tán đồng ngược lên với Thiên-tử, cái gì Thiên-tử cho là phải, ắt cũng cho là phải, cái gì Thiên-tử cho là trái, ắt cũng cho là trái... Thiên-tử đã là người nhân của thiên-hạ, cả muôn dân Thiên-hạ bắt chước thiên-tử, thì thiên-hạ còn vì lẽ gì mà không « trị » ? (里長順天子政而一同其里之義...率其里之萬民以尙同乎鄉長...鄉長之所是

必亦是之, 鄉長之所非必亦非之...
鄉長固鄉之賢者也, 舉鄉人以法
鄉長, 夫鄉何說而不治哉?.. 鄉長治
其鄉而鄉既已治矣, 有 (1) 率其鄉
之萬民以尚同乎國君... 國君之
所是必亦是之, 國君之所非必亦
非之... 國君固國之賢者也, 舉國人
以法國君, 夫國何說而不治哉?... 國
君治其國而國既已治矣, 有率其
國之萬民以尚同乎天子... 天子者
固天下之仁人也, 舉天下之萬民
以法天子, 夫天下何說而不治哉?..
Lý-trưởng thuận thiên-tử chi chính, nhi nhất đồng
kỳ lý chi nghĩa... suất kỳ lý chi vạn dân dĩ
thượng đồng hồ hương trưởng, hương trưởng
chi sở thị tất diệc thị chi, hương trưởng chi sở
phi, tất diệc phi chi... Hương trưởng cố hương
chi hiền giả dã, cử hương-nhân dĩ pháp hương-
trưởng, phù hương hà thuyết nhi bất trị tại? ..
Hương trưởng trị kỳ hương, nhi hương kỳ dĩ trị
hỹ, bực suất kỳ hương chi vạn dân dĩ thượng
đồng hồ quốc quân... quốc-quân chi sở thị, tất

1) Chữ 有 (hữu) này phải đọc là (hựu). Các chữ 有 dưới cũng thế.

diệt thị chi; quốc quân chi sở phi, tất diệt phi chi... Quốc-quân cố quốc chi hiền giá dã, cử quốc - nhân dĩ pháp quốc-quân, phù quốc hà thuyết nhi bất trị tai?... Quốc-quân trị kỳ quốc nhi quốc kỳ dĩ trị hỹ, hựu xuất kỳ quốc chi vạn dân dĩ thượng đồng hồ thiên-tử... Thiên tử cố thiên hạ chi nhân nhân dã, cử thiên hạ chi vạn dân dĩ pháp thiên tử, phù thiên hạ hà thuyết nhi bất trị tai)? (thiên Thượng đồng trung).

Đó là cứu cánh của cuộc thống nhất tư tưởng. Kết quả, theo ý Mặc-tử, sẽ như thế này :

« Kẻ trên, người dưới, tình ý thông đạt; người trên nếu có việc ần, lợi sót, kẻ dưới có thể biết được mà làm lợi cho; kẻ dưới nếu có oán chửa, hại tích, người trên có thể biết được mà trừ-khử cho. Cho nên, ở ngoài vài nghìn vạn dặm, có kẻ làm điều thiện, người nhà chưa biết khắp, xóm làng chưa nghe khắp, thiên-tử đã biết mà thưởng... có kẻ làm điều bất thiện,... thiên-tử đã biết mà phạt... Hễ mà có thể khiến cho tai mắt của người giúp sự trông nghe của mình, khiến cho mồm miệng của người giúp sự nói - bàn của mình... thì nghe, thấy được xa,... thì tiếng đức vô-về được rộng... » 上下通情, 上有隱事遺利, 下得而利之; 下有蓄怨積害, 上得而除之, 是以數千萬里之外, 有爲善者, 其室人未徧知,

鄉里未徧聞,天子得而賞之...有爲不善者,...天子得而罰之...夫惟,能使人之耳目,助己視聽,使人之吻,助己言談...則其所聞見者遠矣...則其德音之所撫循者博矣.

Thượng hạ thông tình, thượng hữu ân sự di lợi, hạ đắc nhi lợi chi; hạ hữu xúc oán tích hại, thượng đắc nhi trừ chi. Thị dĩ sở thiên vạn lý chi ngoại, hữu vi thiện giả, kỳ thất nhân vi biến tri, hương lý vi biến văn, thiên-tử đắc nhi thưởng chi... hữu vi bất thiện giả,... thiên-tử đắc nhi phạt chi... Phù duy năng sử nhân chi nhĩ mục trợ kỳ thị thính, sử nhân chi khẩu văn trợ kỳ ngôn đàm... tắc kỳ sở văn kiến giả viễn hỹ... tắc kỳ đức âm chi sở phủ tuần giả bác hỹ) (thiên Thượng-đồng trung).

Tuy vậy, cũng vẫn chưa thật hoàn toàn. Là vì thiên-tử đã là cái nêu « tối cao » làm gương cho cả thiên-hạ, mà không có gì hạn-chế, thì sẽ thành ra chính-thể chuyên-chế, giả sử thiên-tử sai lầm, thì cả thiên-hạ đều bị sai lầm. Mặc-tử nhận thấy như thế, cho nên lại nói :

« Tán đồng ngược lên với thiên - tử mà chưa

tán-đồng ngược lên với trời thì vạ trời chưa thôi...
Cho nên thánh vương đời xưa biết cái trời quỉ vẫn
muốn, mà tránh cái trời quỉ vẫn ghét, để tìm đường
dẫn lợi cho thiên - hạ, trừ hại cho thiên - hạ...»

(夫既上同乎天子而未上同乎天
者. 則天蓄將猶未已也... 故古者聖
王明天鬼之所欲. 而避天鬼之所
憎, 以求興天下之利, 除天下之害.
Phù ký thượng đồng hồ thiên tử nhi vị thượng
đồng hồ thiên giả, tắc thiên tai tương do vị dĩ dã... Cố
cổ giả thánh-vương minh thiên quỉ chi sở dục, nhi
ty thiên quỉ chi sở tăng, dĩ cầu hưng thiên-hạ chi
lợi, trừ thiên-hạ chi hại) (thiên Thượng đồng trung).

Cái mà trời quỉ vẫn ghét là « biết » và « ố », cái
mà trời quỉ vẫn muốn là « kiêm » và « ái », Mặc-tử đã
nói như thế. Vậy thì « Thượng-đồng », nói cách vắn-
gắt, tức là một cuộc thống-nhất tư-tưởng của chủ-
nghĩa kiêm-ái vậy.

CHƯƠNG THỨ SÁU
**Phái Biệt-Mặc và học-thuyết
của phái ấy.**

*I — Các thiên «Kinh», «Thuyết», «Thủ»
với phái Biệt-Mặc.*

Mặc-học-truyền thụ ra sao, ngày nay không có cách nào khảo cứu được kỹ.

Thiên *Hiển-học* của sách *Hàn-Phi-tử* nói rằng :
«Từ khi Mặc - tử chết đi, Mặc-gia chia làm ba phái : có phái Mặc của họ Trương-Lý, có phái Mặc của họ Trương-Phu, có phái Mặc của họ Đặng-Lãng».

Thiên *Thiên-hạ* trong sách *Trang-tử* nói rằng :
«Bọn Ngũ-hầu, học trò của Trương-lý-Cần ; Khô-Hoạch, Dĩ - Xỷ, Đặng - Lăng - tử, những kẻ Mặc ở

phương Nam, đều đọc Mặc - kinh, mà sai trái với nhau, bảo nhau là người phe Biệt Mặc, dùng thuyết «rắn trắng, khác cùng», (1) để bẻ nhau, dùng lời «lẻ chẵn không giống nhau» (2) để cãi nhau, cho bậc «cự-tử» (3) là thánh-nhân, đều muốn được làm thần «Thi» (4) cho họ, mong làm đời sau của họ, đến nay chưa quyết.»

Sách cổ nói về ngành-phái truyền-thụ của Mặc-gia, chỉ thấy có hai đoạn đó. Hai thuyết có thể làm chứng cho nhau. Nay hãy theo đó kê biểu như dưới :

Theo Hàn-Phi-tử

Mặc-học

Họ Trương - Lý
 Họ Trương-phu
 Họ Đặng-Lãng

Theo Trang-tử

Mặc học

Bộ Ngũ-hầu
 Trương-Lý-Cần
 Kê Mặc } Khổ Hoạch
 phương } Dỹ - Xỹ
 Nam } Đặng Lăng tử

1) Coi trang 210 và 211.

2) Coi đoạn chưa nghĩa ở trang 159.

3) Một chức của Mặc-g áo, cũng như giáo-chủ hay linh tụ vậy.

4) Tục Tàu đời xưa, mỗi khi tế-tự, thường cho một người ít tuổi, thấp vai, ngồi lên bàn thờ, để thần nương-lựa, người ấy gọi là thần «thi», cũng như họa-tượng của đời sau vậy.

Cứ bài « *Mặc - học truyền - thụ khảo* » ở đoạn « *phụ lục* » trong cuốn « *Mặc-tử nhân hồ* » của Tôn Di-Nhượng, thì ngoài mấy người trên đây, học trò Mặc-tử còn có nhiều người trứ-danh, như Cầm Hoạt-Ly, Mạnh-Thắng, Trình-Phồn, Tùy-sào-tử, Hồ-Phi tử, Điền-Cầu-tử, v.v..., nhưng mà chưa rõ ngành ngọn của họ ra sao.

Trong các tài liệu trên đây, Hồ-Thích cho rằng : trọng-yếu hơn hết thì là mấy câu của thiên *Thiên-hạ* có thể căn-cứ vào đó mà biết sáu thiên *Kinh-thượng*, *Kinh-hạ*, *Kinh thuyết thượng*, *Kinh-thuyết hạ*, *Đại-thủ*, *Tiểu-thủ* trong sách *Mặc-tử* đều do ở phái Biệt-Mặc làm ra.

Theo ý Hồ, hai chữ « *Mặc-kinh* » trong thiên *Thiên-hạ*, tức là kinh-điển của Mặc-giáo, chỉ về những thiên *Kiên-ái*, *Phi-công*, v.v...Sau khi Mặc-tử chết đi, cũng có một số Mặc-giả tuy theo Mặc-giáo, nhưng lại có chỗ « sai-trái Mặc-giáo ». Bởi vì trong các môn-đồ Mặc-gia hồi ấy, ngoài bọn Mặc-học về tôn-giáo, lại có chia ra một phái Mặc-học về khoa-học, mà sự nghiên-cứu của phái này có những vấn đề « rần trắng, cùng khác », « lẽ chẵn không giống nhau ». Phái ấy với phái Mặc-học về tôn-giáo tự-nhiên có chỗ sai-trái với nhau. Cho nên họ tự gọi nhau là phái Biệt-Mặc, để phân-biệt với phái kia. Đem những vấn-đề « rần trắng cùng khác »

« lẽ chẵn không giống nhau » (1) mà tìm ở trong sáu thiên Kinh - thượng, Kinh-hạ, Kinh thuyết thượng, Kinh - thuyết hạ, Đại - thủ, Tiểu-thủ, thì thấy nhiều chỗ quan hệ với nhau. Hơn nữa đem sáu thiên đó so sánh với các thiên khác trong sách *Mặc-tử*, lại thấy văn-thể khác nhau, lý-tưởng khác nhau, trong thiên Tiểu-thủ lại còn có chữ « Mặc-giả » mà các thiên kia không có. Vả lại, những vấn-đề của sáu thiên này thảo-luận, đều là vấn-đề của các nhà triết-học trong đời Huệ-Thi, Công-tôn-Long tranh-luận rất dữ, tài-liệu trong ba thiên *Kiên-bạch*, *Thông-biến*, *Danh-thực* của sách *Công tôn-Long-tử* đều thấy có ở bốn thiên Kinh thượng, Kinh hạ, Kinh-thuyết-thượng, hạ. Bởi những cơ đó, Hồ quả-quyết rằng : Sáu thiên ấy nếu không là của Huệ-Thi hay Công-tôn-Long, thì của những người đồng-thời với họ soạn ra, không phải là của Mặc-tử.

1) Chỗ này, Hồ-Thích chua rằng : Chữ Tàu số một, số nhiều không có phân biệt. Trong khi nói năng bàn luận, đều có những chỗ bất tiện. Mặc-giả rất chú ý đến vấn đề đó. Như thiên Tiểu-thủ nói : « Một con ngựa cũng là ngựa, hai con ngựa cũng là ngựa. Ngựa bốn chân, là một con ngựa mà bốn cái chân, không phải hai con ngựa mà bốn chân. Ngựa hoặc trắng, là hai con ngựa mà có con sắc trắng, không phải một con ngựa mà hoặc sắc trắng ». Đó là. « lẽ chẵn không giống nhau ». Nói cho rõ hơn, thì : Trong các danh từ, số lẻ và số chẵn, (cũng như số một và số nhiều) chữ viết như nhau, tiếng gọi như nhau, nhưng sự thực thì không giống nhau. Đại-y của thuyết « lẽ chẵn không giống nhau » là vậy.

Trong sáu thiên ấy, thiên Kinh - thượng giải thích về các giới-thuyết, thiên Kinh-thuyết-thượng chú-thích các câu các chữ của thiên Kinh-thượng, thiên Kinh-hạ giải-thích về các định-lý, thiên Kinh-thuyết hạ chú - thích các câu các chữ của thiên Kinh - hạ, thiên Đại-thủ bàn luận về nhiều học-thuyết trọng yếu, còn thiên Tiểu-thủ thì nói về các phương pháp biện-luận.

Đối với triết-học sử của Tàu, sáu thiên này cực kỳ quan-hệ, tuy có nhiều chỗ văn-tự ngúc-ngoắc, hoặc là nhầm lẫn thiếu-sót, không sao cắt nghĩa cho thông.

2 — Tri-thức luận của phái Biệt - Mặc

A — Yếu tố của trí-thức

Từ đời Lão-tử, Khổng-tử, ở Tàu cũng đã có « tri thức luận », đến phái Biệt-Mặc, thứ triết-học đó lại càng tinh-mật. Theo trong hai thiên Kinh-thượng và Kinh-thuyết-thượng, tri-thức-luận của phái Biệt-Mặc chia làm mấy khoản sau đây :

1. Quan-năng

Kinh-thượng giải rằng :

« Biết là cái tài vậy. 知材也 tri, tài dã).

Kinh-thuyết-thượng giải rằng :

« Biết là cái tài — nghĩa là — cái « biết » tức là cái tài để biết, mà không hẳn là biết. Ví như

sự sáng (知材, 知也者所以知也. 而不必知. 若明) (Tri tài : Tri) đã giả sử dĩ tri dã, nhi bất tất tri, Nhược ninh).

Chữ « biết » này chỉ về tài-năng để biết của loài người. Có quan-năng ấy chưa hẳn đã biết. Vì như con mắt có thể trông rõ các vật là nhờ sức sáng của nó, nhưng có sức sáng ấy chưa hẳn là đã có thấy. Vì sao? Vì rằng, con mắt phải thấy cái gì thì mới là thấy. Cái « biết » có biết cái gì thì mới là biết.

2. Cảm-giác

Kinh-thượng nói :

« Biết là cái tiếp - xúc vậy » (知接也 Tri tiếp dã).

Kinh-thuyết-thượng giải rằng :

« Biết » là vì có biết được vật gì thoảng qua mà hình dung được vật ấy. Vì như sự thấy. (知也者以其知過物而能貌之. 若見. Tri đã giả dĩ kỳ tri quá - vật nhi năng mạo chi. Nhược kiến).

Chữ « biết » này chỉ về cảm-giác của loài người. Người ta vốn có quan-năng để biết, hễ gặp vật gì bên ngoài mà biết trạng-thái của vật ấy thì mới có thể sinh ra một thứ cảm-giác. Vì như đã

có con mắt, lại thấy vật gì, thì mới có cái cảm-giác về sự thấy.

3. — Nhận-thức

Kinh-thượng nói :

« Biết là tỏ vậy » (知, 明, 也 Tri, minh dã).

Kinh-thuyết-thượng giải rằng :

« Biết là đem cái biết ra suy-luận sự-vật mà biết được nó rõ-ràng. Ví như sự sáng.

Chữ « biết » này chỉ sự hiểu-biết trong bụng, tức là nhận-thức. Mới có cảm-giác chưa thể kể là tri-thức. Ví như trước mắt có một vật gì thoáng qua, tuy trong phút ấy mình có một thứ cảm-giác về vật ấy, mà chưa biết rõ nó là cái gì, thì chưa phải là biết vật ấy. Ít nhất phải hiểu vật thoáng qua đó là gì, mới có thể gọi là tri-giác. Lẽ đó cũng như câu này ở thiên Kinh-thượng :

« Nghe » là sự sáng của tai ; theo cái đã nghe mà biết được ý của nó là sự suy-xét của tâm. « Nói » là cái lém của miệng ; tựa vào lời đã nói mà rõ được ý của nó là sự biện-bạch của tâm. (聞, 耳之聰也 ; 循所聞而得其意, 心之察也, 言, 口之利也 ; 執所言而意得見, 心之辯也. Văn, nbī chi thông dã ; tuần sở văn nhi đắc kỳ ý,

tâm chi sát dã. Ngôn, khẩu chi lợi dã ; chấp sở ngôn nhi ý đặc hiện, tâm chi biện dã).

Cho nên trí giác phải có đủ ba phần-tử : một là quan-năng để biết, hai là cảm-giác do sự-vật bên ngoài gây ra, ba là tác-dụng của tâm. Hễ ba thứ đó chung sức hợp-tác với nhau thì mới thành ra trí-giác.

Nhưng ba vật đó nhờ đâu mà lại có thể chung sức hợp-tác với nhau ? Theo phái Biệt-Mặc thì ở trong đó cần phải có mấy điều-kiện sau này :

A. — Thời gian

Kinh-thượng nói :

« Lâu là khắp cả thì-giờ khác nhau » (久, 彌 異 時 也. Cửu, di dị thì dã).

Kinh-thuyết-hạ giải rằng :

« Lâu là hợp cả xưa, nay, sớm tối » (久 合 古 今 旦 莫, Cửu hợp cổ kim đán mộ).

B. — Không-gian

Kinh-thượng nói :

« Cõi là khắp cả xứ-sở khác nhau » (宇, 彌 異 所 也. Vũ, di dị sở dã).

Kinh-thuyết thượng giải rằng :

« Cõi là trùm cả đông, tây, nam, bắc ». (字蒙東西南北. Vũ mông đông, tây, nam, bắc).

Như vậy, « Lâu » tức là thời-gian. « Cõi » tức là không-gian. Phải có hai điều-kiện ấy, mới có tri-giác. Lẽ ấy, Phái Biệt-Mặc đã có cắt nghĩa :

Ở Kinh-hạ nói :

« Không có chất rắn, sắc trắng, thuyết đó ở lẽ không có « Lâu » và « Cõi ». Chất rắn vẫn là sắc trắng; thuyết đó ở sự tụ-lại của hai thứ ấy» 不堅白, 說在無久與字; 堅白, 說在因. (1) Bất kiên bạch, thuyết tại vô cửu dữ vũ ; kiên bạch, thuyết tại nhân).

Kinh-thuyết-hạ giải rằng :

« Không có chất rắn mà biết sắc trắng, ắt phải tụ-lại với nhau » (無堅得白, 必相盈也. Vô kiên đắc bạch, tất tương doanh dã)

Kinh thượng nói :

« Chất rắn sắc trắng không hề ngoài nhau ». (堅白不相外也. Kiên bạch bất tương ngoại dã).

Kinh-thuyết thượng giải rằng :

1) Chữ 因 (nhân) Hồ-Thích ngờ là chữ 盈 (doanh). Nay theo ý ấy dịch là « tụ lại ».

« Chất rắn sắc trắng khác chỗ, không tụ-lại với nhau, bầy-liền với nhau, thế là « ngoài nhau », (堅白異處, 不相盈, 相排, 是相外也. Kiên bạch dị xứ, bất tương doanh, tương bài, thị tương ngoại dã).

Mấy câu này đều rất khó hiểu, Hồ-Thích giải rằng :

Chúng ta trông thấy một vật sắc trắng, thò tay sờ vào, mới biết nó lại rắn nữa. Nhưng con mắt chỉ thấy cái trắng mà không thể thấy cái rắn; da tay chỉ thấy cái rắn mà không thể thấy cái trắng, vậy thì có sao chúng ta lại biết nó là « hòn đá rắn trắng » ? Ấy là nhờ có tác dụng của tâm. Mà tâm sở dĩ có tác dụng ấy là nhờ không-gian và thời-gian. Ta biết vật rắn sờ thấy vừa rồi cũng vẫn vật trắng trông thấy bây giờ », là bởi có sự tổ-hợp của thời-gian ; ta biết « cái rắn cái trắng hợp lại, thành ra một vật » là bởi có sự tổ - hợp của không-gian.

Trái lại, nếu không có sự tổ-hợp của thời-gian thì ta không thể nào biết sắc trắng trông thấy bây giờ cũng vẫn chất rắn sờ thấy vừa rồi, mà nếu không có sự tổ-hợp của không-gian, thì ta không tài nào biết chất rắn sắc trắng nguyên là một vật.

c. — Ký-ức

Sự tổ-hợp của không - gian và sự tổ hợp của thời - gian sở dĩ quan - hệ với sự tri - thức là vì nó đã gây ra cho tâm một thứ tác - dụng gọi là ký-ức. Phái Biệt-Mặc đặt tên là « chỉ » (1). Với « chỉ », thời-gian lại càng trọng-yếu. Kinh-hạ nói :

« Biết mà không dùng năm đường, thuyết đó quan-bệ ở « Lâu » (知而不以五路, 說在久 Tri nhi bất dĩ ngũ lộ, thuyết tại cửu).

Kinh-thuyết hạ giải rằng :

« Tri dùng mắt mà thấy, mắt dùng lửa mà thấy, mà lửa không hiện, chỉ dùng năm đường mà biết. Lâu rồi, không cần dùng lửa để thấy, cũng như dùng lửa. (智以目見, 而目以火見, 而火不見, 惟以五路知 久不當以火見, 若以火見. Tri dĩ mục kiến, nhi mục dĩ hỏa kiến, nhi hỏa bất hiện, duy dĩ ngũ lộ tri. Cửu bất đương dĩ hỏa kiến, nhược dĩ hỏa kiến).

Năm đường tức là ngũ quan. Tri ta trước vì ngũ-quan mà biết các vật. Ví như con mắt thấy

1 — Hồ-Thích chua rằng : Nước Tàu đời xưa, không có chữ 止. Chữ « 止 » (chỉ) với chữ 志 (chí) và chữ 識 (chí) vẫn thường thông-dụng. Vậy chữ 止 này cũng như chữ 志 hay chữ 識, nghĩa là ghi-nhớ.

lửa. Lâu rồi, nhờ sự tổ-hợp của thời-gian, ta đã nhớ được hình-trạng tinh-chất các vật, dù không cần đến ngũ-quan, ta cũng vẫn biết rõ-ràng như thấy các vật. Ví như ta đã nhiều lần thấy lửa, và đã nhớ lửa là vật vừa sáng, vừa hay bén cháy, dầu khi không trông thấy lửa, ta cũng biết nó là vật vừa sáng vừa hay bén cháy, như khi đương thấy lửa vậy.

D. — Danh tự

Danh tức là tên. Tri thức lại phải có các chữ tên giúp - đỡ, mới có công biểu, phải Biệt-Mặc nhận thấy như vậy. Thiên Tiểu-thủ nói :

« Tên để nhắc cái thực. » (名以舉實 Danh dĩ cử thực).

Kinh-thượng nói :

« Nhắc là sánh cái thực vậy » (舉擬 (1) 實也 Cử nghĩ thực dã).

Kinh-thuyết thượng giải rằng :

« Nhắc nghĩa là báo, dùng tên-chữ để nhắc cái thực kia vậy. 舉告也, 以文名舉彼實也. Cử, cáo dã, dĩ văn danh cử bỉ thực dã).

(1) Hồ-Thích nói rằng : Chữ 擬 (nghĩ) này giống như chữ 擬 (nghĩ) trong câu : 聖人有以見天下之賾而擬諸形容, 象其物儀, Thánh nhân lưu dĩ kiến thiên-hạ chi trích nhi nghĩ chư hình dung, tượng kỳ vật nghi : Thánh nhân có thể thấy sự mờ-tối ở thiên-hạ mà sánh ra hình-dung, họa giống thật-trạng của nó » ở thiên Hệ-từ-truyện kinh Dịch

Chữ « sánh » gần giống như chữ « đại biểu ». Ví như ta dùng tiếng « người » để đại-biểu cho tất cả đức-tính bên ngoài của người, khi nào trông thấy một người, liền có khái-niệm về người và liền biết hẳn là người, Có cái khái-niệm về người, thì ta nhận được hết thấy mọi người, không cần phải nhớ mặt mũi dáng điệu từng người. Lẽ ấy ở Kinh-thuyết-hạ giảng rằng :

« Thấy lửa bảo lửa nóng, không phải vì có lửa nóng » (見火謂火熱也, 非以火之熱
Kiến hỏa vị hỏa nhiệt dã, phi dĩ hỏa chi nhiệt)

Cái tên « lửa » đã có bao hàm cả cái tính « nóng » của lửa, cho nên dầu ở đằng xa trông thấy ánh lửa, cũng có thể nói lửa nóng, không cần phải đến tận nơi để tự mình cảm-giác cái « nóng » của lửa. Đó là công-dụng rất lớn của các chữ tên.

Kinh thượng chia tên ra làm ba hạng : « Chung », « Loài » và « Riêng » (達, 類, 私 : Đạt, loại, tư.)
Kinh-thuyết thượng giải rằng :

« Vật » là tên « chung » ; đã có cái thực, ắt phải đợi cái tên chữ. Gọi là con ngựa, tức là tên « loài » ; cái thực ấy thì phải dùng cái tên ấy. Gọi là thẳng Tang, tức là tên « riêng » ; cái tên ấy chỉ dùng với cái thực ấy». (物達也, 有實必待文名也)

命之馬, 類也, 若實也必以是名也
命之臧私也, 是名也止於是實也.

Vật, đạt dã, hữu thực tất dĩ văn danh dã. Mệnh
chi mã, loại dã; nhược thực giả tất dĩ thị danh
dã. Mệnh chi Tang, tư dã; thị danh dã, chỉ ư thị
thực dã).

Tên chung là những cái tên có một tính-cách rộng
rãi, bao hàm được nhiều sự vật, ví như chữ « vật »
có thể dùng vào nhiều loài. Vì vậy mới nói « Có cái
thực phải đợi cái tên chữ », Tên loài là những
cái tên chỉ về một loài, ví như chữ « ngựa », chỉ
dùng vào một loài ngựa. Vì vậy mới nói « Cái
thực ấy thì phải dùng cái tên ấy ». Tên riêng thì
là tên của từng người, mỗi tên chỉ dùng được cho
một người, ví như chữ Tang, chỉ để gọi một thằng
Tang, không thể đem gọi người khác. Vì vậy
mới nói; « Cái tên ấy chỉ dùng với cái thực ấy ».

Đ. — Chứng-loại của tri-thức

Theo phái Biệt-Mặc, tri-thức chia làm ba loại :
Kinh thượng gọi là « Nghe » 聞 (văn) « Bàn » 說 (thuyết)
và « Đến », 親 (thân) Kinh thuyết hạ giải rằng :

« Do sự truyền-nhận là « Nghe »; không bị xử-
sở ngăn cách là « Bàn »; tự mình được xem là « Đến ».

(傳受之聞也, 方不廡, 說也; 身觀焉親也. Truyền thụ chi, văn dã; phương bất chương, thuyết dã; thân quan yên, thân dã).

Điều thứ nhất là nghe người khác truyền bảo mà biết, nên gọi là « Nghe ». Điều thứ hai là do ở sự suy-xét giảng-bàn mà biết, nên gọi là « Bàn ». Điều thứ ba là do tự mình từng-trải mà biết, nên gọi là « Đến ». Phải Biệt-Mặc lại có tách riêng từng điều mà giảng như sau :

Nghe.—Kinh thượng bảo «Nghe» vừa là « truyền đến », vừa là tự đến (聞傳親 Văn : truyền thân,) Kinh-thuyết-thượng giải rằng ;

« Hoặc có người bảo, tức là « truyền đến » ; tự mình được xem, tức là tự đến ». (或告之, 傳也; 身觀焉, 親也. Hoặc cáo chi, truyền dã; thân quan yên, thân dã).

Đó là giải rõ sự nghe có hai tinh-cách : Một là nghe ở miệng người. Thí-dụ như thấy người ta nói là có ma, mình cũng nói là có ma, ấy là cái hạng tri-thức « coi lỗ tai cũng như con mắt », sách Tàu thường gọi là « ăn bằng tai ». Hai là chính tai mình nghe. Ví như mình nghe tiếng chuông thì biết nó là tiếng chuông, mình nghe tiếng cồng thì biết nó là tiếng cồng, ấy là tự mình từng-trải mà biết. (Điều này cũng thuộc về khoản thứ ba nói trên).

Bàn và đến. — Các nhà khoa-học rất trọng kinh-nghiệm. Nhưng sự từng-trải của tai mắt ngũ-quan không được bao nhiêu, nếu chỉ trông ở những cái « tự mình thấy-biết » mà thôi, thì sự tri-thức sẽ có giới-hạn, khó mà tiến-bộ. Vì thế cần có những môn tri-thức do sự suy-luận mà ra. Phái Biệt-Mặc nhận thấy chỗ đó, cho nên ở Kinh-hạ nói :

« Nghe cái không biết như cái đã biết, thì biết cả hai (聞所不知若所知, 則兩知之) Văn sở bất tri nhược sở tri, tắc lưỡng tri chi).

Kinh-thuyết-hạ giải rằng :

« Nghe, là : kẻ ở ngoài không biết, hoặc có người nói : « sắc người ở trong nhà kia như sắc kẻ ấy », đó là cái không-biết như cái đã-biết, dường trắng với đen, gì hơn thế ? Nếu cái sắc kẻ ấy mà trắng, (kẻ kia) ắt trắng. Nay đã biết sắc kẻ này là trắng, như thế cho nên biết sắc kẻ kia cũng trắng. Ôi « tên », là đề dùng cái đã-rõ, đính - chính những cái không-biết, không phải là để đem cái không-biết mà ngờ những cái đã-rõ. Như dùng thước để đo những cái không biết là dài bao nhiêu, « Ngoài » là cái tự mình đã biết ; « trong nhà » là cái do sự suy-giảng mà biết ».

(聞,是在外者所不知也,或曰:«在室者之色,若是其色»,是所不知若所知也,猶白若黑也,誰勝是?若其色也,若白者必白.今也,知其色之若白也,故知其白也,夫名以所明正所不知,不以所不知疑所明.若以尺度所不知長,外,親知也;室中說知也. Văn : Tại ngoại giả sở bất tri dã, hoặc viết : « Tại thất giả chi sắc, nhược thị kỳ sắc » Thị sở bất tri nhược sở tri dã, do bạch nhược bạch dã, thùy thắng thị ? Nhược kỳ sắc dã nhược bạch giả, tất bạch. Kim dã tri kỳ sắc chi nhược bạch dã, cố tri kỳ bạch dã. Phù danh, dĩ sở minh chính sở bất tri, bất dĩ sở bất tri nghi sở minh. Nhược dĩ xích đạc sở bất tri trường. Ngoại, thân tri dã ; thất trung, thuyết tri dã).

Đó là nói về công-hiệu của sự suy-luận. Ví như một người đứng ở ngoài nhà, không biết cái người ngồi ở trong nhà nhan-sắc ra sao. Nếu có kẻ nói: «Nhan-sắc của người trong nhà cũng như nhan-sắc người nọ, giả sử nhan-sắc người nọ là trắng, thì mình sẽ biết cái người ngồi ở trong nhà cũng trắng. Cái «trắng» ở ngoài nhà là tự mình biết, cái trắng ở trong nhà là do suy-luận mà biết. Có sự suy-luận ấy thì sẽ có thể ngồi ở nhà mình mà biết việc ở ngoài xa;ngồi trong xứ mình mà biết việc của

thế-giới ; ngồi ở đài thiên văn mà biết việc của các tinh-cầu ở Thái dương hệ. Thế là « không bị xứ-sở ngăn-cách ». Điều đó là sự phát-minh rất lớn của Mặc-gia.

3.) *Chủ-nghĩa thực-nghiệm*

Chủ-nghĩa thực-nghiệm tức là chủ-nghĩa ứng-dụng. Mặc-tử muốn cho người ta đem cái biết mà dùng vào việc làm, nên khi giảng về sự biết, Mặc-tử không căn-cứ ở sự gọi tên, chỉ căn-cứ ở sự chọn-lấy. Đó là một chỗ tinh-vi trong học-thuyết họ Mặc. Phái Biệt-Mặc vẫn giữ cái quan-niệm căn bản ấy, cho nên ở Kinh-hạ nói :

« Biết được tại sao mà họ không biết, thuyết đó ở sự theo tên mà lấy. 知其所以不知, 說在以名取. Tri kỳ sở dĩ bất tri, thuyết tại dĩ danh thủ).

Kinh-thuyết hạ giải rằng :

«Ta thấy kẻ nào tự coi là biết, hãy đem những cái đã-biết đề lẫn với cái không-biết mà hỏi, hẳn nói : «cái này là cái đã biết, cái này là cái không biết». Lấy, bỏ đều đúng, ấy là hẳn biết cả hai. (我有若視曰知, 雜所知與所不知而問之; 則必曰: «是所知也, 是所不知也, 取去俱能之, 是兩知之也 Ngã hữu nhược thị viết tri, tạp sở tri dữ sở bất tri nhi vấn

chi. Tắc tất viết : « Thị sở tri dã, thị sở bất tri dã ». Thủ, khứ câu năng chi, thị lưỡng tri chi dã)

Ý-nghĩa của mấy câu này cũng giống như đoạn Mặc-tử bình-phẩm «kẻ mù nói trắng đen» đã dẫn ở chương thứ ba. Người đời lắm kẻ bất kỳ gặp một việc gì đều khoe là mình đã biết. Muốn biết hẳn có biết thực hay không, phải dùng phương-pháp thực-nghiệm, bảo hẳn theo những cái tên đã biết mà chọn, nếu hẳn chọn được, cái lấy, cái bỏ đều đúng, đó là hẳn có biết thật.

Ấy là, thuộc về nhân-sinh triết-học, phái Biệt-Mặc cũng vẫn chủ-trương «tri hành hợp nhất» như Mặc-tử vậy. Nhưng mà tựa-trung lại có hai điều kiến-giải tinh hơn Mặc tử.

Theo phái Biệt - Mặc, hành - vi của người đời, không phải hết thảy đều theo mệnh - lệnh của tri-thức. Ngoài tri-thức ra, còn dục-vọng nữa, không nên coi thường. Vì vậy Kinh-thượng mới nói :

«Sự «làm» cùng tặn ở cái biết, mà lại treo-buộc ở cái muốn». (爲窮知, 而僇於欲. Vi cùng tri, nhi huyền ư dục)

Chữ « làm » tức là hành-vi. Ý nói hành-vi tức là một nơi dừng-dậu của tri-thức, nhưng nó lại phải tựa theo dục-vọng của người ta nữa.

Lại Kinh-thuyết-thượng cũng nói :

« Làm là muốn nghiệm ý mình. Trí khôn không biết cái hại của nó, ấy là tội của trí khôn. Nếu như trí khôn cẩn-thận, không sót sự hại, mà còn muốn nghiệm, thì vẫn mắc phải cái hại. Ví như ăn gỏi, mùi tanh là lợi hay hại chưa biết. Muốn ăn mà nó lại tanh. Đó là không vì cái ngờ mà thôi cái muốn ». (爲：欲 難 (1) 其 指. 智 不 知 其 害, 是 智 之 罪 也. 若 智 之 慎 之 也, 無 遺 於 其 害 也, 而 猶 欲 難 之, 則 離 (2) 之, 是 猶 食 脯 也, 騷 (3) 之 利 害, 未 可 知 也, 欲 而 騷 是 不 以 所 疑 止 所 欲 。

Vi dục (?) kỳ chi. Trí bất tri kỳ hại, thị tri chi tội dã. Nhược tri chi thận chi dã, vô di ư kỳ hại dã, nhi do dục (?) chi, tắc ly chi. Thị do thực bô dã. Tao chi lợi hại, vị khả tri dã. Dục nhi tao, thị bất dĩ sở nghi chi sở dục dã).

1) Chữ 難 trong tự-điền Tàu không có. Tất-Nguyên cho là chữ 難 (nan) viết khác. Tôn-Di-Nhượng Hồ-Thích cho là chữ 新 (tân) làm ra. Xét ra, bảo là chữ 難 thì không chạy nghĩa đã đành, bảo là chữ 新 cũng không trôi nghĩa. Vì ở thiên Kinh-thuyết thượng, dưới đoạn này còn có một câu 難脯而非怨也. Nếu là hai chữ 新脯 thì không thể nào mà cắt nghĩa được. Có lẽ nó là chữ cò, đã mất tích từ lâu. Vậy nay tạm đánh dấu nổi và dịch là « nghiệm ».

2) Tôn-Di-Nhượng cho là chữ này cũng như chữ « ly » là mắc.

3) Tất-Nguyên cho là chữ này phải đọc như chữ « tao » là tanh.

Đó là nói cái sức mạnh của « lòng muốn » đối với « việc làm ». Không biết là hại mà làm, đành là lỗi ở trí - khôn. Nhưng cũng nhiều khi trí-khôn biết là có hại, mà đã muốn làm thì vẫn cứ làm. Khi ăn gỏi, ai cũng biết là gỏi tanh, và đều chưa rõ cái tanh của gỏi là lợi hay hại, nhưng đã muốn ăn thì vẫn cứ ăn, sự ngờ không thể ngăn được lòng muốn, Dục - vọng quan - hệ với hạnh-vi như vậy. Biết được lẽ đó, thì mới hiểu được chủ-nghĩa « lạc lợi » của phái Biệt-Mặc.

Mặc-tử cũng đã có ý cho « nghĩa » là « lợi », nhưng chưa nói rõ. Đến phái Biệt - Mặc, chủ nghĩa « lạc lợi » mới thật đầy đủ. Như Kinh-thượng nói :

« Nghĩa là lợi vậy.., Lợi là cái mình được mà mừng, hại là cái mình được mà ghét 義利也... 利所得而喜也, 害所得而惡也 Nghĩa, lợi dã... Lợi, sở đắc nhi hỷ dã ; hại, sở đắc nhi ố dã).

Đó là nói thẳng cái gốc lợi hại, chỉ do sự ở mừng, ghét trong lòng người ta mà ra. Vậy thì phải dùng cách nào để biết sự mừng ghét đó là chính-dáng hay không chính-dáng? Ở thiên Đại thủ có lập một điển công-thức như vậy :

« Trong sự lợi, lấy phần lớn ; trong sự hại lấy phần nhỏ... Chưa có mà lấy, ấy là trong sự lợi lấy phần lớn, đã có mà bỏ, ấy là trong sự hại lấy phần nhỏ. Trong sự hại lấy phần nhỏ không phải nhận lấy phần hại, là lấy phần lợi, cái mà mình lấy là cái bị người ta giữ. Gặp kẻ cướp mà chặt ngón tay để tháo thân, là lợi ; sự kẻ cướp là hại. Chặt ngón tay và chặt cánh tay nếu lợi thiên-hạ bằng nhau, thì không phải kén chọn nữa ; chết và sống, nếu lợi bằng nhau, thì không phải kén chọn nữa ».

Coi điều công-thức đó, đủ thấy chủ-nghĩa lạc-lợi của phái Biệt-Mặc không phải là ý tự-tự lợi. Nó là một cái chủ-nghĩa trọng sự lạc-lợi của cả thiên - hạ, vì vậy mới nói « chặt ngón tay và chặt cánh tay, nếu lợi thiên-hạ bằng nhau thì không phải kén chọn nữa. » Như vậy thì « trong sự lợi lấy phần hơn », tức là chỉ về hạnh-phúc lớn của số người nhiều nhất vậy.

4. — *Phép biện-luận của phái Biệt-Mặc*

A. — Công dụng và phương-pháp căn-bản của sự biện - luận

Thiên Tiểu-thủ nói :

« Ôi sự biện-luận : hầu để tỏ lẽ phải trái, xét mỗi trị loạn, rõ chỗ giống nhau khác nhau, xét

lẽ danh-thực, xử việc lợi hại, quyết sự hiềm-nghi; bèn dò-kiểm cơ của muôn vật, bàn-tìm ý của các lời, dùng danh nhắc thực dùng từ dãi ý, dùng thuyết tỏ cơ. Theo loài mà lấy, theo loài mà cho; có ở mình, không chê ở người; không có ở mình, không cầu ở người.» (夫辯者將以明是非之分, 審治亂之紀, 明同異之處, 察名實之理, 處利害, 決嫌疑, 焉 (1) 摹畧萬物之然; 論求羣言之地, 以名舉實, 以辭抒意, 以說出故, 以類取, 以類予; 有諸己, 不非諸人; 無諸己, 不求諸人. Phù biện giả tương dĩ minh thị phi chi phân, thâm trị loạn chi kỷ, minh đồng dị chi xử, sát danh thực chi lý, xử lợi hại, quyết hiềm nghi; yên mô lược vạn vật chi nhiên, luân cầu quần ngôn chi tử; dĩ danh cử thực, dĩ từ thư ý, dĩ thuyết xuất cố; dĩ loại thủ, dĩ loại dư; hữu chư kỷ, bất phi chư nhân; vô chư kỷ, bất cầu chư nhân).

Đó là bàn về mục-đích của sự biện-luận. Tất cả gồm có sáu khoản: 1 — tỏ lẽ phải trái; 2 — xét mối trị loạn; 3 — rõ chỗ giống nhau khác nhau; 4 — xét lẽ danh thực; 5 — xử việc lợi hại; 6 — quyết việc hiềm-nghi. Hai câu « dò-kiểm cơ của

1. — Hồ Thích chua rằng: Chữ 焉 (yên) cũng như chữ 乃 (nãi) nghĩa là bèn.

muôn vật, bàn tìm ý của các lời » thì là nói chung về các phương-pháp biện-luận. Những kẻ biện-luận cần phải xem-xét hiện-tượng của muôn vật, so sánh những sự quan-hệ giữa các hiện-tượng với nhau, rồi mới đem hết những hiện-tượng ấy và những sự quan-hệ ấy dùng ngữ-ngôn văn-tự mà bày tỏ ra. Thế là « dùng danh nhắc thực, dùng từ dãi ý, dùng thuyết tỏ cơ ». Chữ thực là chỉ về các sự vật, chữ danh thì tức là các tên gọi. Ở Kinh-thuyết-hạ có nói: « Cái để gọi là « danh », cái bị gọi là « thực » (所以謂名也; 所謂, 實也. Sở dĩ vi, danh dã; sở vi, thực dã). Ví như ta gọi con vật « có bờm để cưỡi » là ngựa, tiếng « ngựa » là cái để-gọi, con vật có bờm để cưỡi là cái bị-gọi. Nói về văn-pháp, thì thực là chủ từ (sujet), danh là biểu-từ (Attribut), hợp cả danh thực mới thành ra từ (1) (Proposition). Chỉ có danh hay chỉ có thực mà thôi, thì đều không thể tỏ ý, có từ mới tỏ ý được. Nhưng với sự biện-luận thì chỉ có từ mà thôi, cũng vẫn chưa đủ. Ví như ta nói: « Bộ sách Quản-tử không phải Quản-Trọng làm ra », người ta ắt hỏi « vì sao mà biết? », ta phải nói rõ tại sao mà nói như thế. Cái « tại sao » đó là cơ, những lời kể rõ cái cơ là thuyết. Kinh thượng

1— Sách Tàu thường hay dịch là mệnh đề.

nói rằng : « *Thuyết* là cái dùng để bày tỏ » (說所以明也. *Thuyết*, sở dĩ minh dã) ; cũng là ý thế. Thi-dụ như dưới :

Quản-tử là bộ sách giả,

Vì ở trong đó có nói nhiều việc sau khi Quản-Trọng đã chết.

Trong hai câu đó câu trên là *từ*, câu dưới là *thuyết*. « *Quản-tử* » là *thực*, « *sách giả* » là *danh*, « *nhiều việc sau khi Quản-Trọng đã chết* » là *cớ*. Trong phép biện-luận, phải có đủ các thứ đó.

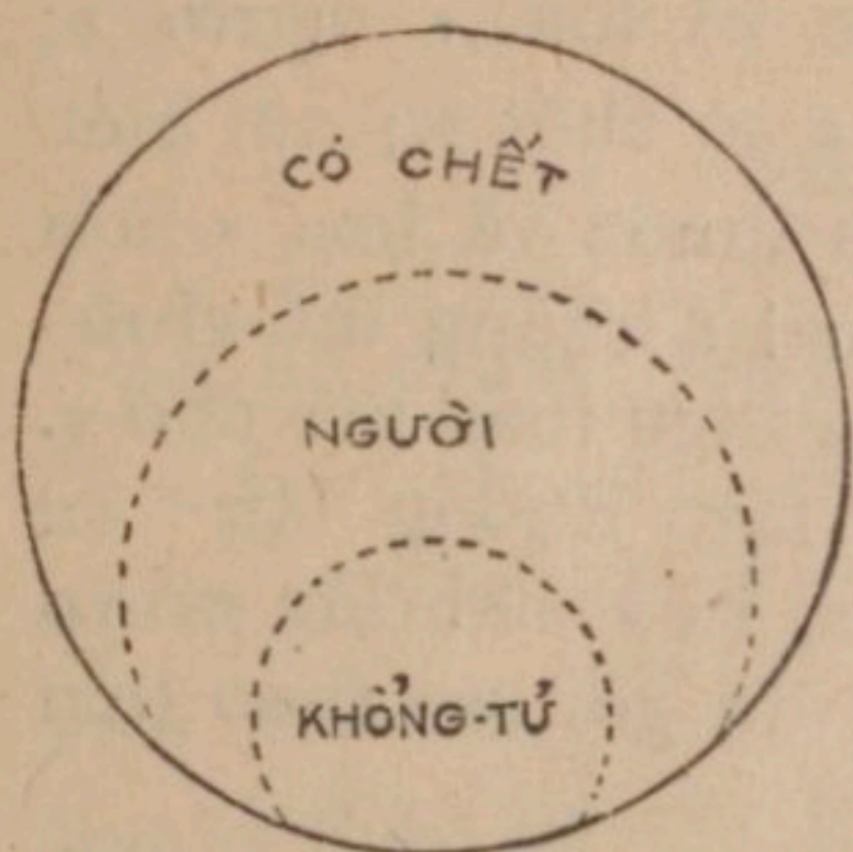
Theo loài mà *lấy*, theo loài mà *cho*, là nghĩa thế nào ?

Đó là phương - pháp căn-bản trong việc « dùng *danh* nhắc *thực*, dùng *từ* dãi ý, dùng *thuyết* tỏ *cớ* », *Lấy* là *thi-dụ*, *cho* là *đoán-định*. *Lời vi* *lời đoán* của hết thảy các cuộc suy-luận, đều phải căn-cứ ở *loại*. *Loại*, tức là *giống nhau*. Ví như ta nhận anh X là người, anh Y giống như anh X, nên cũng là người ; chồi cây không giống anh X, thì không phải người. Lẽ đó, trong *luận-lý-học* đã có cái mâu thi-dụ rất phổ-thông như sau :

Khổng-tử cũng có chết.

Bởi vì Khổng-tử là người.

Hễ đã là người thì đều có chết.



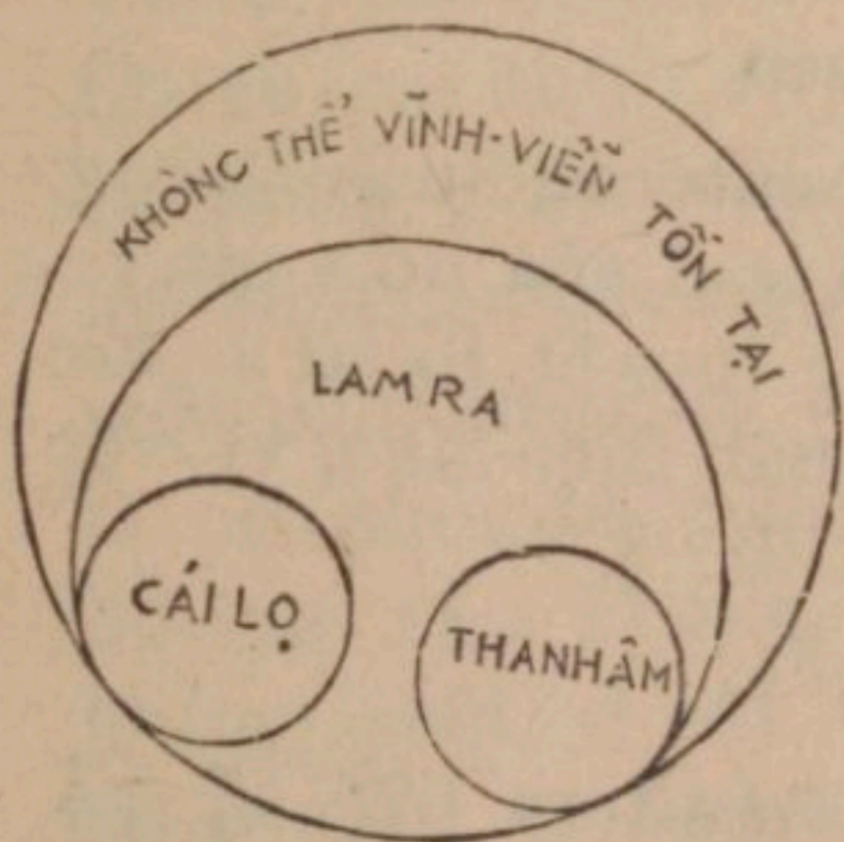
Trong ba mệnh-đề và sự quan-hệ giữa ba mệnh-đề ấy với nhau, hoàn-toàn tựa vào chữ « loại ». Coi hình vẽ bên tả, thấy rằng Không-tử thuộc về « loài người », mà người thì thuộc về loài « có chết ».

Vì vậy đoán rằng Không-tử có chết. Cái mâu thí dụ dưới đây của Nhân-minh-học Ấn-độ lại càng rõ hơn :

Thanh-tâm không thể vĩnh-viễn tồn-tại (Tôn).

Vì nó là vật làm ra (nhân).

Những vật làm ra đều không vĩnh-viễn tồn-tại, vì như cái lọ—(Dụ-dụ-tôn và dụ-y).



Coi hình vẽ, bên tả thấy rằng: thanh âm cũng như cái lọ, đều thuộc về loại « làm ra », mà loại « làm ra » thì thuộc về loại « không thể vĩnh-viễn, tồn tại », vì vậy đoán rằng : thanh-âm cũng như cái lọ, không thể vĩnh-viễn tồn-tại.

Xét biết Khổng - tử thuộc về loại « người », « người » lại thuộc về loại « có chết » ; xét biết thanh-âm cũng như cái lọ đều thuộc về loại « làm ra », « làm ra » lại thuộc về loại « không thể vĩnh-viễn tồn tại », cái đó gọi là « theo loại mà cho ». Trong loại « người » chỉ lấy Khổng - tử ra làm thí - dụ, trong loại « làm ra » chỉ lấy cái lọ để so sánh với thanh-âm, cái đó gọi là « theo loại mà lấy ».

Hết thấy các cuộc suy-luận, không cứ *qui-nạp* hay là *diễn-dịch*, đều phải dùng « loại » làm gốc. Vì vậy ở thiên Đại-thủ lại nói :

« Ôi « từ » cần phải theo « loại » mà lập ; lập « từ » mà không rõ « loại » của nó, thì sẽ bị quãn » (夫辭以類行者也,立辭而不明於其類則困矣. Phù từ dĩ loại hành giả dã, lập từ nhi bất minh ư kỳ loại tắc khốn hỹ).

B — Cớ và phép

Hết thấy những sự sai lầm của các luận-chứng, đều chỉ do ở « lập từ không rõ loại của nó » mà ra.

Chữ « cớ » trong câu « dùng thuyết tổ cớ ». tức là quan-niệm trọng-yếu của phái Biệt-Mặc, vì vậy cần phải nói có thêm.

Kinh - thượng nói :

« Cớ là cái được nó mới thành ra (故,所得而後成也. Cố, sở đắc nhi hậu thành dã).

Kinh-thuyết thượng giải rằng :

« Cớ : *cớ nhỏ* ; có nó không hẳn thể, không có nó ắt không thể ; đó là một « thể » vậy, như có đầu-mối. Cớ lớn, có nó ắt phải thể, không có nó ắt không thể. (故: 小故有之, 不必然; 無之, 必不然; 體也, 若有端大故有之, 必然; 無之, 必不然. Cổ : Tiểu-cố hữu chi, bất tất nhiên, vô chi tất bất nhiên ; thể dã, nhược hữu doan. Đại cố, hữu chi, tất nhiên ; vô chi, tất bất nhiên).

« Cớ là nguyên-nhân gây ra các việc, nếu không có nguyên-nhân ấy thì sẽ không có kết-quả kia. Vì vậy mới nói « cớ là cái được nó mà thành ra » Cớ có hai thứ : *cớ lớn* và *cớ nhỏ*. Cớ nhỏ là một bộ-phận của *cớ lớn*. Ví như người ta mắc bệnh mà chết, có các nguyên-nhân giáp, ắt, binh, dinh, một nguyên-nhân trong bốn nguyên-nhân ấy, tức là cớ nhỏ, có nguyên-nhân ấy chưa hẳn đã chết, nhưng nếu không có nguyên-nhân ấy, quyết là không chết, vì vậy mới nói « *cớ nhỏ*, có nó, không hẳn thể ; không có nó ắt không thể ». Bởi cớ nhỏ là một bộ-phận của cớ lớn, cho nên gọi là một thể ; ví như đầu - mối là một bộ-phận của chiều dài. *Cớ lớn* là nguyên-nhân lớn, do những nguyên-nhân nhỏ hợp lại, ví như các thứ nguyên-

nhân giáp, ất, binh, đinh nhập lại làm cho người ta mắc bệnh mà chết. Có các nguyên-nhân lớn ấy thì chắc phải chết; không có, chắc là không chết. Vì vậy mới nói « có nó ất phải thế, không có nó ất không thế ».

Trở lên là nói về nghĩa chữ « cơ ». Danh-học (1) của phái Biệt - Mặc muốn cho người ta tìm cái « tại sao mà thế » của các sự-vật, rồi mới dùng nó để làm căn-cứ cho sự lập-thuyết. Chỗ căn-cứ của sự lập-thuyết sở-dĩ không được đích-xác, là do ở kẻ lập luận xét lý không rõ, đem những sự-vật không dính với nhau, cố gượng để vào một chỗ, rồi bảo nó có quan-hệ với nhau; hoặc là nhận xét lý-lẽ không được hoàn-toàn, coi cái cơ nhỏ về một bộ-phận làm cái cơ lớn của cả toàn-thể. Cách biện-luận theo lối khoa-học, thì phải tìm cho thật đích cái cơ lớn đó. Nói theo nghiêm-cách, nghĩa là, chỉ dùng cái cơ lớn đó để làm căn-cứ. Coi câu sau đây của thiên Kinh-hạ :

« Vật sở - dĩ thế, cùng cái « để mà biết », và cái « để khiến cho người ta biết » không hẳn đúng nhau, lẽ đó bởi tại thiếu sót (物之所以然與所以知之, 與所以使人知之, 不必同, 說在病. Vật chi sở dĩ nhiên, dữ sở dĩ, tri chi, dữ sở dĩ sử nhân tri chi, bất tất đồng, thuyết tại bệnh).

1) Tức luận-lý-học.

« Vật sở dĩ thể », tức là *cớ lớn* của các sự-vật, cái « dễ mà biết », tức là phương-pháp suy-nhận, cái « dễ khiến cho người ta biết » tức là những lời lập-luận. Ba điều đó, đáng lẽ phải đúng với nhau. Chỉ vì người ta nhận-xét *cớ lớn* hầy còn thiếu sót, cho nên lập-luận không đúng. Ví như mắc bệnh mà chết, do ở bốn *cớ nhỏ* giáp, ất, binh, đinh, nếu nhận lầm ra mậu, kỷ, canh, tân, hay chỉ thấy được có một *cớ* giáp, hoặc một *cớ* ất mà thôi, thì nó không phải là cái *cớ lớn* « có nó ất phải thể, không có nó ất không thể ». Thế là lập-luận sai lầm.

Phái Biệt-Mặc còn một quan-niệm rất trọng-yếu nữa là « phép ».

Kinh-thượng nói :

« Phép là cái « giống nhau thì đều như thể » (法, 所若而然也. Pháp, sở nhược nhi nhiên dã).

Chữ « pháp » là « phép » theo sách *thuyết văn* nguyên là cái khuôn, vậy, *phép* tức là cái khuôn. Ví như cùng một cái khuôn đúc tiền, nếu đem đồng chảy đổ vào, thì sẽ thành những đồng tiền giống nhau, vì vậy mới nói « phép là cái « giống nhau thì đều như thể ». Nói cho rộng ra, nghĩa là, hễ cứ theo một phương-pháp mà làm, thì sẽ thành những kết-quả như nhau. Cho nên Kinh-hạ lại nói :

« Một phép với nhau, hết thầy cùng loài, như các hình vuông hợp với nhau vậy. Các vật đều thế » (一法之相與也, 盡類, 若方之相合也, 物俱然. Nhất pháp chi tương dữ dã, tận loại; nhược phương chi tương hợp dã. Vật câu nhiên).

Kinh-thuyết-hạ giải rằng:

« Một cái khuôn vuông hết thầy cùng loài, nghĩa là, các cái đều có *phép* cả, mà *phép* khác nhau, hoặc bằng gỗ, hoặc bằng đá, vẫn không hại gì đến sự hợp nhau của hình vuông. Hết thầy cùng loài, nghĩa là như hình vuông vậy. Các vật đều thế. (一方盡類, 俱有法而異, 或木或石, 不害其爲方之相合也. 盡類. 猶方也, 物俱然. Nhất phương tận loại, câu hữu pháp nhi dị, hoặc mộc hoặc thạch, bất hại kỳ vi phương chi tương hợp dã. Tận loại, do phương dã. Vật câu nhiên).

« Cùng một *phép* nhất-định phải cùng một loại » đó là quan-niệm trọng-yếu của Mặc gia. Trên kia nói *cớ* là cái « các vật sở dĩ như thế », là cái « có nó thì ắt phải thế », ở đây nói *phép* là cái « như nhau thì đều như thế », hợp cả mấy giới-thuyết ấy mà coi, có thể thấy chỗ quan-hệ của *cớ* với *phép*. *Phép* cùng một loại, tức là *cớ* cùng một loại. Ví như dùng cái thước tròn để vẽ vòng tròn, tức là cái

có làm ra hình tròn, cũng là cái *phép* làm nên hình tròn. Cứ theo *phép* ấy mà làm, có thể thành ra vô số hình tròn cùng về một loại. Cho nên những *có* đích xác đều có thể dùng để làm *phép*. Theo nó mà làm, đều có thể thành ra những cái kết-quả giống nhau. Nếu không thành những kết-quả giống nhau đó là *có* không đích-xác. Mục-đích của khoa-học chỉ cầu tìm lấy những *có* đích-xác, đem những *có* ấy liệt làm *khuôn-phép*, khiến cho người ta theo đó mà làm, có thể được những hiệu-quả mà họ muốn có. Phép qui-nạp của Luận-lý-học tức là phương-pháp căn-cứ ở lẽ « *có* nó ắt phải thế » để tìm cái *có* « tại sao mà thế »; phép diễn-dịch của Luận-lý-học thì là căn-cứ ở lẽ « cùng một *phép*, nhất định phải cùng một loại », đem những cái *có* đã biết làm *có* lập-luận, (1) xem nó có thành ra những kết-quả giống nhau hay không. Biết được hai cái quan-niệm lớn đó (*có* và *phép*) thì mới hiểu được Luận-lý học của phái Biệt-Mặc.

5) Huệ - Thi

1.) Lược chuyện Huệ-Thí

Huệ-Thí đã làm tướng-quốc cho vua Huệ-vương nước Lương; khi Huệ-vương chết, Huệ-Thí còn sống. Ngày chết của vua Huệ-vương, năm năm thứ hai đời vua Thận-xanh nhà Chu (trước lịch Tây 319 năm); lại cứ trong sách *Lã-thị xuân-thu* đã nói, thì khi nước Tề nước Lương họp ở Từ-châu,

1— Tức là Tiên-đề.

cùng tôn nhau lên ngôi « vương », là theo chính-sách của Huệ-Thí ; cuộc họp Từ-châu của hai nước đó, nhằm năm thứ 35 đời vua Hiền-vương nhà Chu, (trước lịch Tây 334 năm). Do đó mà xét, có thể nói rằng thời - đại Huệ - Thí vào khoảng từ 380 năm đến 300 năm trước Tây lịch.

Thiên Thiên-hạ ở sách *Trang-tử* chép rằng : Huệ - Thí nhiều mẹo, sách của ông ta có đến năm xe ; lại có chỗ nói : « Có người tên là Hoàng Liêu hỏi về cái cơ tại sao trời đất không đổ không sụt, vì sao mà có gió mưa sấm sét, Huệ-Thí không cần sửa lời, không cần suy - nghĩ, cứ việc ứng - đối, giảng hết thuyết vạn vật » ; như vậy, có lẽ Huệ-Thí cũng là một nhà *vật lý-học*. Nhưng năm xe sách và thuyết vạn-vật của ông ta mai-một đã lâu, bây giờ chỉ còn ít điều học-thuyết tàn-khuyết mà thôi.

2) Chủ nghĩa kiêm ái theo khoa-học

Học - thuyết của Huệ - Thí, nay còn một đoạn chép ở trong thiên Thiên-hạ của sách *Trang-tử*, nguyên-văn như sau :

1) (至大無外,謂之大一;至小無內,謂之小一. Chi đại vô ngoại, vị chi đại nhất ; chi tiểu vô nội, vị chi tiểu nhất : Rất lớn không có bên ngoài, gọi là đại nhất ; rất nhỏ không có bên trong, gọi là tiểu nhất).

2) (無厚不可積也. 其大千里 (Vô hậu bất khả tích dã, kỳ đại thiên lý: Không có sức dày, không thể chứa được thứ gì, bề lớn của nó kể có nghìn dặm).

3) (天與地卑, 山與澤平. Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình : Trời với đất cũng thấp như nhau, núi với chằm cũng ngang với nhau).

4) (日方中方睨, 物方生方死. Nhật phương trung phương nghễ, vật phương sinh phương tử : Mặt trời vừa đứng bóng vừa xế bóng, các vật vừa đẻ ra vừa chết đi).

5) (大同而與小同異, 此之謂小同異; 萬物畢同畢異, 此之謂大同異. Đại đồng nhi dữ tiểu đồng dị, thử chi vị tiểu đồng dị ; vạn vật tất đồng tất dị, thử chi vị đại đồng dị : Cái « giống nhau lớn » khác với cái « giống nhau nhỏ » gọi là « tiểu đồng dị »; vạn vật hết thấy giống nhau hết thấy khác nhau, gọi là « đại đồng dị »)

6) (南方無窮而有窮. Nam phương vô cùng nhi hữu cùng : Phương Nam không cùng-tận mà có cùng-tận).

7) (今日適越而昔來. Kim nhật thích Việt nhi tích lai : Ngày nay mới đến nước Việt mà là hôm xưa đi tới đấy rồi).

8) (連環可解也 Liên hoàn khả giải dã : Vòng liền có thể cởi ra).

9) (我知天下之中央：燕之北，越之南是也。 Ngã tri thiên-hạ chi trung-ương : Yên chi Bắc, Việt chi Nam, thị dã : Ta biết chỗ chính giữa của gằm trời : Đó là phía bắc nước Yên, phía nam nước Việt kia vậy.

10) (汎愛萬物，天地一體也。 Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã : Rộng yêu cả muôn vật. Trời đất một thể vậy.

Mấy câu trên đây, từ xưa người Tàu giải thích đã nhiều, mỗi người giảng ra mỗi ý. Hồ Thích theo Chương Thái-Viên, chia làm ba tiết.

Tiết thứ nhất gồm có những câu 1, 2, 3, 6, 7, 8 ;

Tiết thứ hai gồm có những câu 1, 4, 7 ;

Tiết thứ ba có một câu 6.

Còn câu 10 thì là kết-luận.

Và Hồ giải rằng :

Tiết thứ nhất nói sự cắt-xẻ, phân-tích về không-gian hết thấy không phải là sự thực-có.

Không-gian, đời xưa thường gọi là cõi, (字 : Vũ).

Kinh-thượng nói rằng : « Cõi là khắp cả các chốn khác nhau (宇彌異所也: Vũ di dị sở dã). Chốn với cõi rất có phân - biệt. Gồm cả trên, dưới, bốn phương là Cõi. Phương Đông, Tây, chỗ này, chỗ kia là chốn. Vậy chốn tức là bộ-phận của không-gian, mà cõi thì là toàn-thể không-gian. Không-gian là bầu mông-mênh, không cùng không cực, không thể xẻ-cắt, không thể phân-biệt. Vì vậy Huệ-Thi mới bảo « sức lớn của nó không có bên ngoài » và gọi là cái « đại nhất ». Nhưng cái « đại nhất » đó không tiện cho sự ứng-dụng của thế-gian, người ta phải chia nó ra làm những bộ-phận hẹp-nhỏ : một nước, một xứ, một mầu, một sào, rồi thì một phân, một ly, một hào, một hốt. Đó là những cái « sức nhỏ của nó không có bên trong, » Huệ-Thi gọi là « tiểu-nhất ». Song mà những bộ-phận nhỏ hẹp đó, chỉ là những tên đánh dấu mà thôi, thật ra không-gian vẫn không vì thế mà tách ra thành từng mảnh ; những cái « tiểu-nhất » cũng vẫn liên - lạc với nhau, vẫn là một phần của không - gian. Vì vậy Huệ - Thi mới nói « những cái không có bề dày, không thể chứa được thứ gì, sức lớn của nó vẫn hàng nghìn dặm. Bởi vì những cái « không có bề dày, không thể chứa được thứ gì » đó với cái « sức lớn kể hàng nghìn dặm » kia chỉ là một vật, và vẫn là cái bầu không-gian mông mênh không cùng không cực, không thể ngăn-tách, không thể cắt xẻ.

Kinh thượng lại nói : « Cõi là khu-vực đời đời » (字或 (1)徙也. Vũ, vực tử dã). Kinh thuyết giải rằng : « Cõi, phương Nam phương Bắc ở buổi sớm, lại ở buổi chiều » (字南北在旦有 (2)在莫. Vũ Nam Bắc tại đán, hựu tại mộ).

Đó là nói về cái lẽ không-gian đời chuyển không ngừng, tức là nói về cái lẽ đất xoay. Chúng ta theo kim chỉ-nam định ra đông tây nam bắc, nhưng không biết rằng : không-gian luôn-luôn xoay - động, phương Nam phương Bắc buổi sáng không phải là phương Nam phương Bắc buổi chiều. Chúng ta nhận là phương Nam phương Bắc, chẳng qua vì sự tiện-lợi về thực-tế. Thật ra, nó vẫn không phải là sự phân-biệt đích-thực thuộc về khách-quan.

Học giả nước Tàu hồi ấy, chẳng những chỉ biết đất xoay mà thôi, họ còn biết đất tròn nữa. Trong sách *Chu-bề toán-kinh* nói rằng : « Mặt trời vẫn đi ở xứ cực Bắc, thì phương Bắc giữa trưa, phương Nam nửa đêm : mặt trời ở phía cực Đông, thì phương Đông giữa trưa, phương Tây nửa đêm; mặt trời ở phía cực Nam, thì phương Nam giữa trưa, phương Bắc nửa đêm ; mặt trời ở phía cực Tây, thì phương Tây giữa trưa, phương Đông nửa đêm ». Đó tuy là nói về mặt trời đi, đất vẫn

(1) Chữ 或 (hoặc) Hồ-Thích chua là chữ 域 (Vực) đời xưa.

(2) Hồ-Thích chua chữ này cũng như chữ 又 (hựu) là lại.

không đi, nhưng đã có hàm cái ý đất tròn. Đến đoạn giải về « trời đất vuông tròn » trong thiên Thiên-viên của sách *Đại Đái Lễ-ký* lại càng rõ hơn. Đoạn ấy nói rằng : « Nếu thật trời tròn mà đất vuông, thì bốn góc không thể che kín ». Đây rõ là nói đất tròn.

Huệ-Thí chứng như cũng nhận đất xoay đất tròn.

Mấy câu : « Chính giữa gầm trời, đó là phía Bắc nước Yên, phía Nam nước Việt », là nói về lẽ đất tròn. Nước Yên ở về phương Bắc, nước Việt ở về phương Nam, hai nước cách nhau rất xa. Bởi vì đất tròn, cho nên vô luận chỗ nào, dù là đằng Bắc cái nước phương Bắc, đằng Nam cái nước phương Nam cũng đều có thể nói là chính giữa. mấy câu « Phương Nam không cùng cực mà có cùng cực » cũng là nói lẽ đất tròn. Bởi vì đất tròn, cho nên phương Nam có thể bảo là có cùng-cực mà lại có thể bảo là không cùng-cực ; phương Nam không cùng cực là chân-hình của đất ; phương Nam có cùng-cực là sự giả-định về thực-tế. mấy câu « Trời với đất cùng thấp, núi với chằm ngang nhau » là nói về lẽ đất xoay. Tầm mắt chúng ta quen thấy một chiều từ đất đến trời, nên vẫn tưởng rằng trời

trên đất dưới, núi cao chằm thấp. Kỳ thực đất đã xoay tròn, thì bất kỳ chiều nào ở không-gian đều không nhất-định, chẳng đâu là trên, chẳng đâu là dưới, chẳng đâu là cao, chẳng đâu là thấp; chiều cao có khi lại là chiều nằm, chiều thẳng có khi thành ra chiều tréo; như thế, thì trời với đất vẫn ngang với nhau, núi với chằm vẫn cùng một mực thẳng-bằng. Vậy là những sự trên, dưới, cao, thấp, chẳng qua cũng là những điều giả-định, không phải thực-trạng của không gian. Cái không-gian không cùng không cực, vẫn không phân-tách ra được. Cả câu « Vòng liền có thể cởi ra » cũng là lẽ đó. Ở *Chiến-quốc sách* chép rằng :

« Vua nước Tần đưa cho vợ vua nước Tề một chiếc vòng ngọc, nhờ mù tháo ra. Vợ vua nước Tề bèn dùng dùi sắt đập cho cái vòng gãy tan, rồi cho người sang báo vua nước Tần rằng : « Cái vòng ấy đã tháo được rồi ». Cách tháo vòng đó rất có ý nghĩa triết-học. Vòng liền cởi được hay không cởi được, với « Phương Nam có cùng-lận mà không cùng-lận » cũng là một ý.

Tiết thứ hai nói sự cắt xẻ phân-biệt về thời-gian, hết thấy không phải là sự thực-có.

Thời-gian, cồ-nhân vẫn gọi là « Lâu ».

Kinh-thượng nói rằng : « Lâu là khắp các thì-giờ khác nhau » (久彌異時也, Cửu, di dị thời dã) Kinh-thuyết thượng giải rằng: « Lâu là hợp cả xưa nay, sớm tối » (久合古今且莫 Cửu hợp cổ kim đán mộ). Xưa nay, sớm tối, là những thì-giờ khác nhau, hay những bộ-phận của « Lâu ». Muôn năm nghìn năm, một tháng một ngày, một giờ hay một tích-tắc đều gọi là *Lâu* hay là thời-gian.

Thời-gian cũng như không-gian, không thể cắt đứt, nên cũng có thể cho là một cái đại-nhất « sức lớn không có bên ngoài », hoặc là những cái tiểu-nhất « sức nhỏ không có bên trong ». Nhưng mà những cái *tiểu-nhất* sức nhỏ không có bên trong đó, chẳng qua là cái giả-định vì sự ứng dụng về thực-tế mà đặt ra, kỳ - thực nó vẫn là cái thời-gian giãng-giặc, vô-cùng vô-tận. Vì vậy những sự phân tách thuộc về thời-gian, hết thấy không phải là sự thực-có. Hai câu « Mặt trời vừa đứng bóng vừa xế bóng », « các vật vừa đẻ ra vừa chết đi » nói về lẽ đó. Nhìn theo từng bộ-phận nhỏ của thời-gian, thì thấy từ lúc mặt trời đứng bóng đến lúc mặt trời xế bóng, cách nhau mấy giờ; từ lúc các vật đẻ ra đến lúc các vật chết đi, cách nhau hàng năm, nhưng nếu nhìn theo toàn - thể của cái thời-gian giãng-giặc vô-cùng vô-tận, thì mấy giờ

hay mấy năm, không có phân-biệt gì hết. Thế thì lúc đứng bóng cũng tức là lúc xế bóng, lúc để ra cũng tức là lúc chết đi. Lẽ đó cũng như trong một dòng sông hàng triệu cây số đương chảy cuồn - cuộn, người ta không thể nhận rõ giọt nước nào ở vào tắc nào, phân nào. Cả câu « Ngày nay đến nước Việt mà là hôm qua đi tới... » cũng vậy. Đối với thời-gian giằng-giặc vô-cùng vô-tận, dẫu đến trăm năm, nghìn năm cũng còn không thấm vào đâu, huống chi hôm qua với ngày nay thì khác gì nhau? Và chẳng, ngày nay với hôm qua, chỉ là những đoạn chia ngắt theo cách giả-định mà thôi; thực ra, thời-gian ngày nay, cũng vẫn là cái thời-gian hôm qua. Thế thì bảo ngày nay là hôm qua, hay bảo hôm qua là ngày nay đều không có gì trở-ngại.

Tiết thứ ba, nói về những sự giống nhau khác nhau, hết thấy không phải tuyệt-đối.

Phương - pháp khoa-học rất trọng những sự giống nhau khác nhau. Hết thấy các sự chia loại của khoa-học, đều phải lấy sự giống nhau khác nhau làm đích. Thi-dụ về loài thực-vật, cách chia loại phải như thế này:

Nhưng mà cách chia loại đó chẳng qua vì sự tiện-lợi về thực-tế mà đặt ra, kỳ thực đều không phải là tuyệt-đối. Mấy câu « Cái giống nhau lớn khác với cái giống nhau nhỏ, gọi là *tiêu - đồng dị*.

Thực vật : } Loại hoa kín .
 } Loại hoa hở

} Loại quả có vỏ
{ Loại quả không vỏ

} Loại lá đơn
{ Loại lá kép

chính là ý thế. Ví như cây tòng với cây bách, đó là cái giống nhau lớn, cây tòng với cây hoa hồng, đó là cái giống nhau nhỏ. Hết thấy sự chia loại của khoa-học chỉ là những cái « giống nhau nhỏ » đó. Nhưng mà đứng về phương-diện triết-học mà xét, thì trong muôn vật hết thấy giống nhau, hết thấy khác nhau.

Sao lại bảo là muôn vật hết thấy khác nhau hết thấy giống nhau. Là vì các vật đều có « tướng riêng », ví như một bào-thai không thể đẻ ra hai người đúng in như nhau, một chồi cây không thể mọc ra đôi hoa đúng in như nhau, một cái khuôn không thể đúc hai đồng tiền đúng in như nhau. Đây là *tướng riêng* của muôn vật. Bởi có *tướng riêng*, cho nên các vật hết thấy khác nhau. Nhưng mà dù có *tướng riêng*, muôn vật vẫn có một cái « tướng chung »; ví như con trai với con gái tuy rằng khác nhau, nhưng đều là người; người với cầm thú tuy rằng khác nhau, nhưng đều là loài động vật; loài động-vật với loài thực-vật tuy rằng khác nhau, nhưng đều là giống sinh-vật. Đây là *tướng chung* của các vật. Bởi có *tướng chung*,

cho nên các vật hết thấy giống nhau. Như thế gọi là *dại-đồng-dị*.

Coi đó đủ thấy các sự giống nhau khác nhau, đều không phải là tuyệt-đối.

Kết-luận: *Rộng yêu muôn vật.*

Những sự cắt-xẻ phân tách về không-gian và về thời-gian đã không phải là sự thực có, những sự giống nhau khác nhau lại không phải là sự tuyệt-đối, thế thì trời đất cũng là một thể với nhau. Huệ - Thi nhận thấy như thế, nên mới nói rằng: « Trời đất một thể », Ý đó, cũng như Trang tử nói rằng: « Gầm trời không gì lớn hơn múp lông mùa thu mà núi Thái-sơn là nhỏ; không gì thọ hơn những đũa để ra chết liền, mà ông Bàn-tổ là yếu. Trời đất với ta cùng sinh, muôn vật với ta là một ».

Khác nhau như trời với đất mà cũng vẫn là một thể, huống-chi người với muôn vật, không phải khác nhau như trời với đất, há lại không phải một thể với nhau?

Đã là một thể với nhau, thì không nên tách-bạch vật nọ với vật kia, phải coi loài nào cũng như loài nào. Vì thế ta phải yêu cả muôn vật. Đó là chủ nghĩa Kiêm-ái theo kiểu cực-đoan.

Đối với Mặc giáo, Kiêm - ái là một chủ-nghĩa căn-bản, nhưng mà Mặc-tử chỉ lấy *chi trời* để làm căn-cứ, cho nên chủ-nghĩa Kiêm-ái của Mặc-tử vẫn có tính-cách tôn-giáo. Về sau, tư-tưởng phát-đạt, sự mê-tin về tôn-giáo đã kém dần đi, cho nên cái căn-cứ của chủ-nghĩa Kiêm-ái cũng phải theo thời thay đổi. Huệ-Thí là nhà triết-học thuộc về tính-cách khoa-học, đã từng phát-biểu ra thuyết vạn-vật và từng nói rõ cái cơ tại sao trời đất không đổ không sụt, vì sao mà có gió mưa sấm sét, cho nên chủ-nghĩa Kiêm-ái của ông ta cũng có tính-cách khoa-học. (khoa học trong triết-học).

6.) Công-tôn Long và các biện-giả khác

a) Lược chuyện Công-tôn-Long

Thiên *Thiên-hạ* trong sách *Trang-tử* có đoạn chép rằng :

« Huệ-Thí lấy thế làm đại-quan ở thiên-hạ mà bảo các kẻ biện - giả. Các kẻ biện - giả thiên-hạ cũng lấy làm vui... (1) Các kẻ biện-giả dùng kiểu đó ứng đối với Huệ-Thí suốt đời không cùng. Hoàn-Đoàn, Công-tôn-Long, đồ đệ kẻ biện-giả, tô-diềm được lòng người ta, thay đổi được ý người ta».

1) Chỗ này ở sách *Trang-tử*, chép 21 câu của bọn biện giả, sẽ trích vào ở dưới đây.

chiến thắng được miệng người ta, không làm phục được bụng người ta ».

Bởi thế, xưa nay ở Tàu, nhiều người cho Công-tôn-Long cùng đời Huệ-Thí, và có bàn-luận với Huệ-Thí.

Hồ-Thích bẻ rằng :

Đoạn ấy nói rõ người đã ứng đối với Huệ-Thí là bọn biện-giả ; lại nói Hoàn-Đoàn, Công-tôn-Long là đồ đệ của bọn biện-giả, đủ tỏ Công-tôn-Long không hề bàn luận với Huệ-Thí ; chữ « biện-giả », ở đây chỉ về một bọn tiền-bối của Công-Tôn-Long, đại-khái là phái Biệt-Mặc thì phải. Học-thuyết của Công-tôn-Long nổi tiếng hơn hết là thuyết « ngựa trắng không phải ngựa » và thuyết, « Thằng Tang có ba tai », thế mà trong 21 câu của thiên Thiên-hạ đã ghi, lại không có hai thuyết ấy. Như vậy càng tỏ những người ứng-đối với Huệ-Thí đều là lớp trước Công-tôn-Long, không phải chính mình Công-tôn-Long.

Theo ý Hồ, khi Công-tôn-Long ra đời, Huệ-Thí đã già rồi.

Sở-dĩ nói quyết như thế, là vì Hồ theo tài liệu của sách *Lã-thị xuân-thu* và sách *Chiến-quốc-sách*.

Trong sách *Lã-thị xuân-thu*, có chỗ nói Công-tôn-Long khuyên vua Chiêu-vương nước Yên giải-tán binh-bị, lại có chỗ nói Công-tôn-Long cùng vua Huệ vương nước Triệu bàn việc giải-tán binh-bị. Việc khuyên Chiêu vương trước khi vua ấy phá được nước Tề, mà việc Chiêu-vương phá được nước Tề, thì nhằm từ năm thứ 31 đến năm thứ 36 đời vua Nản-vương nhà Chu (trước lịch Tây từ năm 284 đến 279 năm). Trong sách *Chiến-quốc-sách* thì nói khi Tín-lăng quân phá nước Tần cứu nước Triệu Công-tôn-Long còn sống và có khuyên Bình-nguyên-quân đừng nhận tước phong của nước Triệu. Ngoài sách *Chiến-quốc-sách* còn nhiều sách khác cũng nói Công-tôn-Long đã từng ở nhà Bình-nguyên-quân.

Căn-cứ vào những tài-liệu đó, Hồ nhận ngày sinh của Công-tôn-Long chừng trước lịch Tây từ 325 năm đến 315 năm, ngày mất khoảng trước lịch Tây trên dưới hai trăm rưỡi năm.

Còn về học-thuyết của Công-tôn-Long thì Hồ cho rằng : Công-tôn-Long nhân trong học-thuyết của Huệ-Thí và các biện-giả mà phát-minh ra học-thuyết của mình. Trong phái « biện-giả hậu-tiến » đó Công-tôn-Long có tiếng hơn cả. Vì vậy, người sau mới đem học-thuyết của cả một phái gán

hết cho Công-tôn-Long. Bởi tại không biết tên họ bọn biện-giả kia là gì, Hồ mới đề hai mươi một câu ở thiên Thiên-hạ của sách *Trang-tử* và bảy việc ở thiên Trọng-ny trong sách *Liệt-tử* làm học-thuyết của « Công-tôn-Long và các biện-giả khác »

Hiện nay sách của Công-tôn-Long hãy còn một cuốn *Công-tôn-tử*, tất cả sáu thiên. Trong đó cũng có nhiều chỗ thiếu sót nhầm lẫn, lại có nhiều chỗ do ở người sau thêm vào. Ngoài ra, lại có nhiều câu gần giống các câu ở thiên Kinh-hạ và thiên Kinh-thuyết trong sách *Mặc-tử*, phải coi sen với các thiên đó mới hiểu.

B, Những mẩu học-thuyết của Công-tôn-Long và các biện-giả khác.

Theo thiên Thiên-hạ trong sách *Trang-tử* và thiên Trọng-ny trong sách *Liệt-tử*, học-thuyết của Công-tôn - Long và các biện - giả khác còn được những mẩu sau đây :

- 1— Trứng có lông (卵有毛 Noãn hữu mao);
- 2— Gà ba chân (鷄三足 Kê tam túc);
- 3— Đất Dĩnh có cả thiên - hạ (郢有天下 Dĩnh hữu thiên-hạ);
- 4— Con chó có thể hóa ra con dê (犬可以爲羊 Khuyển khả dĩ vi dương).

5— Ngựa có trứng (馬有卵 Mã hữu noãn);

6— Con cóc có đuôi (丁子有尾 Đinh - tử hữu vĩ);

7— Lửa không nóng (火不熱 Hỏa bất nhiệt);

8— Núi có miệng (山有口 Sơn hữu khẩu);

9— Bánh xe không nghiêng xuống đất (輪不輓地 Luân bất triển địa);

10— Mắt không trông thấy (目不見 Mục bất kiến);

11— Chỉ không tới, tới không dứt (指不至, 至不絕 Chỉ bất chí, chí bất tuyệt) (Sách *Liệt-tử* cũng có câu « 指不至 » Chỉ bất chí);

12— Con rùa dài hơn con rắn (龜長於蛇 qui trường ư sà);

13— Thước vuông không vuông, thước tròn không thể làm ra hình tròn (矩不方, 規不可以爲圓 Cử bất phương, qui bất khả dĩ vi viên);

14— Lỗ đục không quây cái chốt, (鑿不圍柄 Tạc bất vi nhuế);

15— Bóng con chim bay hông hề động - dấy. (飛鳥之影, 未嘗動也. Phi điểu chi ảnh, vị

thường động dã. (Sách *Liệt-tử* có câu : (影不移
Ảnh bất di : bóng không dời) ;

16— Nhanh như tên bắn mà cũng có lúc không
đi không dừng (鏃矢之疾, 而有不行不止
之時. Thốc thì chi tạt, nhi hữu bất hành bất chỉ
chi thời);

17.) Con cún không phải con chó (狗
非犬 Cầu phi khuyển). (Sách *Liệt-tử* có câu : « 白
馬非馬 Bạch mã phi mã : Ngựa trắng không
phải ngựa », ý cũng giống như câu này, sẽ nói ở
dưới);

18.) Ngựa vàng, trâu đen là ba con (黃馬驪
牛, 三 Hoàng mã, ly ngưu, tam);

19.) Chó — trắng đen (白狗黑 Bạch cầu
hắc);

20.) Con ngựa bò-côi chưa từng có mẹ (孤駒
未嘗有母 Cô câu vị thường hữu mẫu) (Sách
Liệt-tử chép là (孤犢未嘗有母 Cô độc vị
thường hữu mẫu : Con bê bò-côi chưa từng có
mẹ);

21.) Cái giây một thước, mỗi ngày lấy đi một
nửa, muôn đời không hết. (一尺之絙, 日取
其半, 萬世不竭. Nhất xích chi thùy, nhật
thủ kỳ bán, vạn thế bất kiệt) (Sách *Liệt-tử* chép
là 物不盡. Vật bất tận : Vật không hết).

Ngoài mấy câu này, ở sách *Liệt-tử* lại có hai câu « 意不心 Ý bất tâm : Ý không phải lòng » và « 髮引千鈞 Phát dẫn thiên quân : sợi tóc kéo nổi nghìn cân) ở sách *Trang-tử* không có.

Bấy nhiêu câu đó, ngày xưa người Tàu phần nhiều không hiểu, và đều cho là nguy-biến. Gần đây Hồ-Thích mới nhận làm những vấn-đề triết-học rất có giá-trị.

Theo sự nghiên-cứu của Hồ, hai mốt câu đó có thể rút làm bốn tiết.

Những câu 3, 9, 21, thuộc tiết thứ nhất, nói sự phân-biệt về không - gian không phải thực có.

Những câu 1, 5, 6, 12, 13, 14, 17 thuộc tiết thứ hai, nói sự giống nhau, khác nhau hết thảy không phải tuyệt-đối.

Những câu 2, 7, 10, 11, 15, 16, 18, thuộc tiết thứ ba, bàn về trí-thức.

Những câu 4, 8, (1), 19, 20, thuộc tiết thứ tư bàn về danh.

Và Hồ giải nghĩa từng tiết như sau :

Tiết thứ nhất : Sự phân - biệt về không - gian không phải thực có.

Thuyết này, chủ-ý cũng giống như của Huệ-Thí, nhưng cách lập-luận khéo hơn.

1. Câu này Hồ-Thích chịu là không hiểu.

Câu 21 (Cái giây một thước, mỗi ngày lấy đi một nửa, muôn đời không hết), mới nghe tưởng như câu-kỳ, thật ra rất đúng chân-lý. Nay ta lấy một sợi chỉ mà cắt làm đôi, những nửa đã cắt, lại cắt làm đôi. Cắt mãi như thế, cho đến đoạn chỉ ngắn quá không cắt được nữa, thì nó vẫn là một mẩu. Thiên Trọng-Ny trong sách *Liệt-tử* nói « vật không hết » cũng là nghĩa thế. Như thế đủ rõ, không-gian không thể phân-biệt tới cùng.

Câu 3 (Đất Dĩnh có cả gầm trời) cũng giống như câu « Gầm trời không gì lớn bằng múp lông mùa thu, mà núi Thái-sơn là nhỏ », ở sách *Trang-tử*. Đất Dĩnh tuy nhỏ, nhưng nó với cái không-gian vô-cùng vô-tận, vẫn không ngăn - cách chỗ nào, thế thì cũng có thể nói « Đất Dĩnh là cả gầm trời ».

Cả mấy câu đó đều là chứng rõ những sự phân-biệt đối với không-gian, hết thấy do ở chủ-quan của người ta mà ra, không phải thực-trạng của nó.

Tiết thứ hai: Nói về những sự giống nhau khác nhau, hết thấy không phải tuyệt-đối.

Tiết này có thể chia làm hai phần :

a) Nhìn theo « tướng riêng », các vật hết thấy khác nhau.

Vạn vật ở thế gian, vật nào có tướng riêng của vật ấy, một cái khuôn vuông không thể đúc hai

hình vuông đúng in như nhau, một cái khuôn tròn không thể đúc hai hình tròn đúng in như nhau. Câu 13 (thước vuông không vuông, thước tròn không thể làm ra hình tròn), và câu 14, (lỗ đục không quây cái chốt) là nghĩa như thế. Ta nói : « thước vuông để làm hình vuông, thước tròn để làm hình tròn », « lỗ đục vừa kín cái chốt », chẳng qua cũng chỉ quan-sát về phần đại-khái mà thôi. Nếu như dùng một thứ đồ rất đúng mà đo, thì ta sẽ thấy sự quan-sát của con mắt ta đều không đúng cả.

Câu 17 « con cún không phải con chó », cũng giống câu này trong thiên Kinh-hạ :

« Cún là chó, nhưng giết con cún có thể không phải là giết con chó » (狗, 犬也. 而殺狗非殺犬也可. Cầu khuyển dã, nhi sát cầu phi sát khuyển dã khả).

Và câu này trong thiên Tiểu-thủ :

« Kẻ trộm cũng là người, nhiều kẻ trộm không phải nhiều người ; không có kẻ trộm không phải là không có người » (盜人, 人也. 多盜非多人也; 無盜非無人也. Đạo nhân, nhân dã. Đa đạo phi đa nhân dã, vô đạo phi vô nhân dã).

Xét về tương chung, con cún là một phần-tử của loài chó, kẻ trộm là một phần trong loài người,

cho nên có thể bảo rằng : con cún là chó, kẻ trộm là người. Nhưng nếu xét về tướng riêng, thì cún chỉ là con chó con, không phải là cả loài chó, kẻ trộm chỉ là những người ăn trộm, không phải là cả loài người, cho nên có thể nói rằng : giết con cún không phải là giết con chó, nhiều kẻ trộm không phải là nhiều người.

Cái thuyết « ngựa trắng không phải là ngựa » của Công - tôn Long cũng vậy. Thiên Bạch - mã trong sách *Công - tôn Long - tử* nói rằng : « Chữ *ngựa* để đặt tên cho cái bình, chữ *trắng* để đặt tên cho cái sắc.., Chỉ cần ngựa, thì những ngựa đen, ngựa vàng, có thể đưa đến được cả. Nếu cần ngựa trắng, thì ngựa đen ngựa vàng đều không thể đưa đến. Ngựa vàng, ngựa đen cũng vẫn là một loài ngựa, nhưng chỉ có thể cung-ứng cho việc tìm ngựa, không thể cung-ứng cho việc tìm ngựa trắng, thế thì ngựa trắng không phải là ngựa rõ-ràng lắm vậy...»

Cả mấy câu này đều cốt tỏ rằng : Sự phân-biệt về tướng riêng của các vật, với sự phiếm-chỉ về loại chung của các vật, không thể lẫn-lộn.

B.) Xét theo tướng chung, các vật hết thấy giống nhau.

Câu 1 (Trứng có lông) nói về sự tiến-hóa của các sinh-vật. Hết thấy sinh-vật, lúc đầu chỉ là một con giống hay một hạt giống rất nhỏ, dần dần biến-hóa thành ra các hình khác nhau. Cái trứng tuy không có lông, nhưng ở trong nó, cũng có những cái yếu-tố có thể hóa ra cái lông. Nếu không, thì sao nó lại có thể nở ra con gà có lông? Hai câu 5, 6 cũng thế. Con ngựa tuy không phải là giống đẻ trứng, nhưng trong khi cái thai của nó còn chưa thành hình, thì nó cũng là một khối trùng-trục như cái trứng vậy. Con cóc tuy không có đuôi, nhưng nó đã qua một hồi làm con nòng-nọc, thì tức là nó đã từng có đuôi. Câu 12 (con rùa dài hơn con rắn) có lẽ cũng vẫn ý đó. Rùa tuy là ngắn hơn rắn, nhưng nếu nó vươn cổ ra, thì cũng có thể dài hơn con rắn cuộn khúc,

Vậy là nói về tương chung, chẳng những các vật đều không khác nhau, còn giống nhau nữa.

Đã rất khác nhau, lại vẫn giống nhau, đủ tỏ sự giống nhau khác nhau của vạn vật không phải tuyệt-đối.

Tiết thứ ba : Bàn về tri thức

Tiết này cũng có thể chia làm hai phần:

A.) Nói về tác-dụng của tâm thần.

Hai tiết trên kia đại-khái đều giống ý của Huệ-Thí. Nhưng mà về phần lý-luận, bọn Công-tôn Long-lại thêm một đoạn nói về tri-thức rất có giá-trị, tức là tác-dụng của tâm-thần. Các sự phân biệt về không-gian, các sự giống nhau khác nhau của các vật, đều do tâm-thần mà ra. Nếu như không có tâm-thần sẽ không có cả các sự tri-thức. Câu 7 (lửa không nóng), câu 10 (mắt không thấy gì) và câu 3 (gà ba chân), đều giảng về lẽ ấy cả. Gặp lửa ta biết là nóng, con mắt ta thấy cái nọ cái kia, đều là nhờ có tâm-thần. Giả như không có tâm-thần, thì dù thấy lửa, ta cũng không biết là nóng, dù có nhìn vào các vật, ta cũng không biết nó là cái gì. Con gà nếu chỉ có hai chân thôi, thì nó sẽ không biết đi, phải có tâm-thần của nó để sai hai chân bước đi, thì nó mới đi. Tâm - thần của con gà là một bộ-phận làm chủ sự đi của con gà, như thế cũng là một chân nữa.

Thuyết « Kiên-bạch » trong sách *Công-tôn Long-tử* có thể ấn-chứng cho mấy câu đó. Thuyết ấy đại-đề cho rằng : Nếu như không có tâm-thần làm tổng-cơ-quan cho sự tri-giác, thì hết thảy các sự cảm-giác sẽ đều rời-rạc, không thể thống - thuộc với nhau ; như thế, mình chỉ có thể có được các thứ cảm-giác, không thể có được những cái tri-thức

do nhiều cảm-giác liên-lạc quán-thông với nhau mà thành ra. Ví như trông thấy sắc trắng, mình biết nó là sắc trắng, sờ thấy chất rắn, mình biết nó là chất rắn, nhưng không thể biết sắc trắng chất rắn vẫn là một vật, lúc ấy mình sẽ phải nhận hòn đá rắn, trắng là hai vật.

Câu 18, (ngựa vàng, trâu đen là ba con) cũng vẫn ý ấy. Nếu như không có tác-dụng của tâm-thần, thì ta chỉ có một cái cảm-giác về màu vàng, một cái cảm-giác về màu đen và một cái cảm-giác về cái hình cao lớn của giống thú, không thể có cái cảm-giác về một con ngựa và một con trâu, vì thế mà thành ba con.

B) Nói về các sự cảm-giác của ngũ-quan chưa hẳn đúng với sự thật.

Tri-thức của ta cố-nhiên phải lấy ngũ-quan làm bằng. Tuy vậy, cảm-giác của ngũ quan chỉ có giới-hạn, thường thường thấy được đằng nọ, thì không thấy được đằng kia. Nếu như tri-thức hoàn-toàn tựa vào ngũ-quan, tất-nhiên không khỏi sai-lầm. Câu 16 (Nhanh như tên bắn có lúc không đi không dừng) (1) chính là giải về lẽ đó.

1) Câu này và câu 9 (Bánh xe không nghiêng xuống đất), câu 15 (Bóng con chim bay chưa từng động đây); Hồ-Thích đều đề ở tiết thứ nhất.

Nói là « tên bắn không dừng » thì ai cũng hiểu, nhưng sao lại bảo « tên bắn không đi » ?

Nay hãy ví như cái tên đi một trăm bước phải cần ba giây đồng-hồ, thế thì mỗi khi đi được một ly, nó phải cần đến mấy phần trăm hay mấy phần nghìn của một giây chứ ? Nếu qua một ly, nó đã phải cần bao nhiêu thì-giờ, thì lúc đi được một ly đó, nó cũng phải đỗ bấy nhiêu thì-giờ, dù sự đỗ ấy chỉ là một phần trăm hay một phần nghìn của một giây, nhưng cũng là đỗ.

Tư- mã Bưu giải về câu này có nói : « Phần hình thì đỗ, phần thể thì đi. Phần hình rõ - ràng thì đi chậm, phần thể rõ-ràng thì đi nhanh ». Giải vậy rất đúng. Cái « đi » chẳng qua là những cái « đỗ » liên-tiếp với nhau. Nhìn theo phần thể, thì cái tên bắn cố - nhiên không đỗ. Nhưng nhìn theo phần hình, thì nó vẫn là không đi. Cũng như ta xem chớp bóng, trông thấy người ngựa chạy nhảy rõ-ràng, nhưng mà thật ra, nó chỉ là những cái bóng bất-động nối liền với nhau. Vì khi nhìn trên màn ảnh, người ta trông được cái *thể*, không thể trông được cái *hình*, cho nên thấy nó động cựa tất cả, rồi khi coi đến bức phim, người ta lại chỉ trông rõ cái *hình* không thể trông rõ cái *thể*, nên mới thấy nó là những bức ảnh rời-rạc không hoạt-động, liên-tiếp với nhau.

Câu 15 (Bóng con chim bay chưa từng động cựa, cũng là nghĩa ấy. Nếu đem cái máy quay phim mà chụp, chúng ta sẽ thấy « chim bay » chỉ là vô số tấm hình rời-rạc không hoạt động liên-tiếp với nhau.

Câu 9 (Bánh xe không nghiêng xuống đất) ý cũng vẫn thế, nhưng lời thì trái ngược lại. Nghĩa là theo về phần *hình* mà xét, thì bánh xe quay vẫn phải luôn luôn nghiêng xuống mặt đất, cũng như tên bắn luôn luôn phải đổ, chim bay luôn luôn phải dừng. Nhưng theo phần *thế* mà xét, thì bánh xe quay vẫn không nghiêng xuống mặt đất, cũng như chim bay không dừng, tên đi không đổ.

Như vậy đủ tỏ cảm-giác về thị-quan không hẳn là đúng sự thực, có thể bảo là « mắt không trông thấy ». Bởi vì thấy mà không đúng sự thực thì cũng tựa như không thấy. Các giác-quan khác cũng thế. Ta bảo lửa nóng, là chỉ hăng vào xúc-quan của ta, nhưng chắc đâu rằng lửa không có khi không nóng ? Trong các mùa rét, ta thấy lửa không nóng bằng mùa nực, nếu ở xứ Bắc-băng - dương, có lẽ ta sẽ thấy lửa không nóng chút nào. Câu 7 (lửa không nóng) và câu 10 (mắt không trông thấy) cũng có ý giải về lẽ ấy.

Câu 11 (Chỉ không tới, tới không dứt), Hồ-Thích căn-cứ ở thiên Chỉ-vật trong sách *Công-tôn Long-tử*, thích nghĩa chữ « chỉ » chỉ về đức-tính bề ngoài của vạn-vật, và cắt nghĩa rằng : Chúng ta mà biết các vật, chỉ là biết các đức-tính bề ngoài của nó — như hình và sắc, — không thể biết đến bản-thể của nó. Muốn biết bản-thể của nó, không thể biết được tới cùng. Thí-dụ như nước, ta chỉ biết nó là vật lỏng, các nhà hóa-học lại biết nó là hai thứ khinh-khí, dưỡng-khí hợp lại; rồi tiến bậc nữa, người ta còn biết khinh-khí dưỡng-khí đều do nguyên-tử hay điện-tử tụ lại; nhưng mà rút cục vẫn chưa biết đích bản thể của nguyên-tử điện-tử ra sao. Đó là « chỉ không tới, tới không dứt », cũng như toán - học, tính đến con số vô-cùng vẫn là chưa xong.

Vậy là tri-thức của ta không thể nào biết hết vật-lý.

Tiết thứ tư : Bàn về danh

Danh tức là tên. Nhờ có cái tên, người ta có thể biết được các vật, không cần phải luôn luôn tiếp-xúc với những vật đó. Cho nên đối với tri-thức, « chính danh » là việc cực-kỳ trọng-yếu. Các nhà triết-học nước Tàu đời xưa, từ Khổng-tử đến Tuân-tử, ai cũng chú-trọng điều đó. Thiên *Danh-thực* trong sách *Công-tôn - Long-tử* cũng có một đoạn như vậy :

« Chính cái *thực* tức là chính cái *danh* vậy. Cái *danh* đã chính, thì cái kia phải nhất-định vào cái kia, cái ấy phải nhất-định vào cái ấy. Gọi « cái kia » mà không nhất-định vào cái kia, thì sự « gọi cái kia » đó không trôi; gọi « cái ấy » mà không nhất-định vào cái ấy, thì sự « gọi cái ấy » đó không trôi... Cho nên gọi cái kia là « cái kia » chỉ chuyên về cái kia, gọi cái ấy là « cái ấy » chỉ chuyên về cái ấy » thì được, gọi cái ấy là « cái kia » mà « cái kia » đó vẫn là cái ấy; gọi cái kia là « cái ấy » mà « cái ấy » đó vẫn là cái kia, thì không được. Ôi, cái *danh* là để mà gọi cái *thực*. Biết cái ấy không phải cái ấy, biết cái ấy không ở chỗ ấy, thì đừng gọi »

(正其所實者正其名也, 其名正則唯乎其彼此焉. 謂彼而不唯乎彼, 則彼謂不行; 謂此而不唯乎此, 則此謂不行... 故彼彼止於彼, 此此止於此, 可; 彼此而彼且此, 此彼而此且彼, 不可. 夫名, 實謂也, 知此之非此也, 知此之不在此也, 則不謂也.

Chính kỳ sở thực giả chính kỳ danh dã. Kỳ danh chính tắc duy hồ kỳ bỉ thử yên. Vị bỉ nhi bất duy hồ bỉ, tắc bỉ vị bất hành; vị thử nhi bất duy hồ thử, tắc thử vị bất hành...

Cố bỉ bỉ chỉ ư bỉ, thử thử chỉ ư thử, khả ;
bỉ thử nhi bỉ thả thử, thử bỉ nhi thử thả bỉ, bất
khả. Phù danh, thực vị dã. Tri thử chi phi thử
dã, chi thử chi bất tại thử dã, tắc bất vị dã).

Về thuyết « *chính-danh* », đoạn này rất là minh-
bạch. Coi đó đủ thấy bọn Công-tôn-Long chú-trọng
về *danh*.

Câu 4 (con chó có thể làm con dê) và câu 10
(chó-trắng, đen) cốt tả rõ sự quan-hệ của *danh*.
Những tên dê, chó, đen, trắng đều do người ta
đặt ra. Khi chưa có những tên ấy, người ta muốn
bảo con chó là con dê, gọi chó trắng là chó đen,
cũng không có gì trở ngại.

Nhưng mà lúc đã có các tên rồi, thì tên vật nào
phải đúng vật ấy, không thể hồ-dồ. Nếu mà hồ-dồ,
ấy là « gọi cái ấy » là « cái kia » mà « cái kia » đó
vẫn là cái ấy, gọi « cái kia » là « cái ấy » mà « cái
ấy » đó vẫn là « cái kia ». Như vậy là cực bất-tiện.

Tên gọi chính xác thì sẽ không có nạn đó. Câu
20 (con ngựa bồ côi chưa từng có mẹ), sách *Liệt-
tử* chép là « con bê bồ côi chưa từng có mẹ », *Ngụy-Mâu* giải rằng : « Có mẹ không phải là con
bê bồ-côi ». Ý nói cái tên « con bê bồ côi » chỉ để
chỉ về con bê không mẹ. Khi nó có mẹ thì không

thể gọi là bồ côi. Khi nó đã bị gọi là bồ - côi thì không thể nào có mẹ. Đó là « gọi cái kia là cái kia, chỉ chuyên về cái kia, gọi cái ấy là cái ấy chỉ chuyên về cái ấy ». Những tên chính - xác đều phải đóng danh như thế, không thể di-dịch.

Tóm lại, học-thuyết của bọn Công-tôn Long, đại-đề cho rằng : Những sự phân-biệt, giống nhau khác nhau, đều là thuộc về chủ-quan, không phải tuyệt-đối. Nhưng về phần tri-thức, những sự phân-biệt giống nhau khác nhau đó không thể không có. Vì không có nó, thì sẽ không có tri-thức. Cho nên, những sự phân-biệt giống nhau khác nhau, tuy không phải là thực-trạng, không phải là tuyệt-đối đi nữa, nhưng mà cũng phải biện-bạch tỷ-mỷ, để có những cái danh-từ chính-xác thì về tri-thức học-thuật mới có tiến-bộ.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tại sao Mặc-học diệt vong ?

Sau khi Mặc-tử qua đời, và sau khi Mạnh-Thắng cùng 183 người học-trò chết ở Dương thành, Mặc-học cũng vẫn bành-trướng.

Trong đời Mạnh-tử, Mặc-gia cực-kỳ phát-đạt, có cơ đè đổ Nho-học, cho nên Mạnh-tử đã phải nói rằng :

« Ngày nay những kẻ nói đạo-học ở thiên-hạ, chẳng về họ Dương thì về họ Mặc..., Thuyết của họ Dương họ Mặc không tắt, thì đạo của Khổng-tử không thực-hiện được ».

Đến đời Hàn-Phi, Mặc-học cũng vẫn còn thịnh. Vì vậy ở thiên Hiên-học trong sách *Hàn-Phi tử* mới nói :

« Đạo-học rõ-rệt ở đời, tức là phái Nho, phái Mặc ».

Hàn-Phi chết nhằm năm thứ 14 đời Tần Thủy-hoàng (trước lịch Tây 233 năm), cách khi Tư-mã Thiên làm sách *Sử-ký*, chẳng qua một trăm rưỡi năm. Thế mà ở sách *Sử-ký*, không có liệt chuyện Mặc-tử, và ở liệt-chuyện Mạnh-tử Tuân-Khanh, cũng chỉ có 24 chữ nói đến cái đời Mặc-tử mà thôi. Coi đó đủ thấy hồi ấy Mặc-học mất tích đã lâu, nhà chép lịch-sử đầu tiên của Tàu đã không còn chỗ kê-khảo.

Một phái học-thuyết rực-rỡ oanh-liệt, đã từng cùng phái Nho-gia chia đôi nước Tàu như phái Mặc-gia, sao lại diệt vong chóng thế ?

Điều đó ngày xưa ít người bàn đến. Theo ý Tất-Nguyên nhà Thanh, thì sách họ Mặc không truyền, phần nhiều vì lời Mạnh-tử công-kích. Nhưng đó mới là một cớ, Mặc-học diệt-vong không phải chỉ vì có thế.

Hồ - Thích cho là nguyên - nhân trong đó rất phức-tạp và có ước-đoán mấy điều sau đây :

- 1.) Vì sự phản-đối của Nho gia ;
- 2.) Vì học-thuyết của Mặc-gia bị bọn chính-khách ngờ-ghét ;
- 3.) Vì lời biện-thuyết của bọn Mặc-giả lớp sau quá ư vi-diệu.

Nay đem so với lịch-sử, thì thấy những câu phỏng-đoán ấy cũng có lý lắm.

Nho-gia quả đã làm hại Mặc-gia rất nhiều.

Trong phái Nho, thóa-mạ Mặc-gia dữ nhất tức là Mạnh-tử. Ông ấy bảo thuyết « Kiêm-ái » là không có cha, là « giống cầm thú », và nói trắng rằng : « Người nào có thể nói chống họ Dương họ Mặc tức là môn-đồ thánh-nhân ». Thật là không còn tiếc lời.

Rồi đến Tuân-tử. Trong thiên Lễ-luận, Tuân-tử công-kích Mặc-gia hàng mấy trăm chữ, cho thuyết « đoản-tang » là « đem lòng bội-bạc mà thờ đấng thân », cho lệ « quan quách ba tấc, áo khâm ba bộ », là sự chôn-cất của kẻ có tội sau khi bị hình », và chê tang lễ của Mặc-giáo là « đeo người chết để phụ vào cho người sống ». Lời của Tuân-tử tuy không phũ như Mạnh-tử, nhưng cũng cực-kỳ kích-thiết.

Vậy là phái Nho, phái Mặc đã thành một mối thế-thù, không thể đội chung một trời. Từ khi nhà Hán bắt đầu nổi lên, Nho-gia đã được có quyền. Đến đời Vũ-đế, lại truất các nhà mà chỉ tôn mình họ Khổng, vận của Nho-gia thịnh-vượng như vậy, tất nhiên Mặc-gia không thể ngóc lên.

Nhưng đó là cái nguyên-nhân hồi sau. Thật ra trong đời Chiến-quốc, Mặc-gia cũng đã có vẻ suy-vong. Bởi vì lúc đó, chiến-tranh rất dữ, trong các nước hầu, không có mấy nước ưa thuyết « Kiêm-ái Phi-công » của họ Mặc. Ở thiên Lập-chính trong sách *Quản-tử* (1) có nói :

« Thuyết « Bãi binh » thắng, thì chỗ hiểm-trở không thể giữ nổi, thuyết « Kiêm-ái » thắng, thì bọn sĩ-tốt không chịu chiến-đấu.

Ở thiên Ngũ-đố trong sách *Hàn-phi-tử* cũng nói ;
« Cho nên những việc không dung được nhau không thể đứng đôi với nhau. Kẻ chém giặc vẫn nhận thưởng, mà lại nâng cao cái nết từ-huệ ; kẻ đánh thành vẫn nhận tước-lộc mà lại tin thuyết « Kiêm-ái » ; làm việc như thế, không thể nào mà được thịnh-trị hùng-cường ».

Cả hai đoạn đó, rõ-ràng đều chỉ riêng về bợc-thuyết họ Mặc. Vậy thì Mặc-gia chẳng những chỉ bị Nho-gia không ưa, mà còn bị các chính-khách về phái Pháp-gia ghét-bỏ là khác.

Đây là tình-thế bên ngoài. Còn ở bên trong những lời biện-luận cầu-kỳ của bọn Mặc-gia lớp sau, không phải là không tai-hại.

(1) Theo ý Hồ-Thích, *Quản-tử* là sách của đời Chiến-quốc soạn ra.

Bình-tình mà nói, học-thuyết của phái Biệt-Mặc và bọn Huệ-Thi Công-tôn-Long, quả là kỳ diệu xác-đáng. Tiếc rằng họ không chịu dùng lời - lẽ minh-bạch, diễn-đạt cho thật rõ-ràng, mà chỉ nói bằng những câu văn - tắt hiềm - hóc, khiến cho người ta khó hiểu. Ngày nay đọc lại mấy thiên *Kinh*, *Thuyết*, *Đại-thủ* và những luận-đề của Huệ-Thi và Công-tôn - Long còn chép trong sách *Trang-tử*, nhiều chỗ phải nghĩ nát óc mà vẫn không hiểu ý nghĩa ra sao, huống-chi những người chỉ nghe thoáng qua, thì còn hiểu sao cho nổi ! Thời-đại Chiến-quốc là một thời-đại nguy cấp tồn-vong, các nước chỉ cần hai thứ nhân - tài là quân - nhân và chia - khách, cho nên đối với những giọng quý-biện, chẳng những họ không hoan - nghênh mà còn phản-đối rất kịch-liệt nữa. Cũng thiên *Ngũ - đố* trong sách *Hàn-phi-tử* có chỗ đã nói thế này :

«... Vả, cái mà đời gọi là khôn, tức là những lời vi-diệu. Những lời vi-diệu, bậc thượng-trí cũng khó mà hiểu... Ôi ; trong việc trị đời, cái cần kíp đã không thể được, thì cái không cần không nên chuộng chi. Nay trong chính-sự cai-trị, điều mà vợ chồng dân-gian vẫn đều biết rõ đã không chịu dùng, lại đi mển lời bàn-luận của bậc thượng-trí, thì là phản-lại với chính-trị đó ».

Lại ở trong sách *Lã-thị-xuân-thu* chép việc Công-tôn - Long cùng Khổng - Xuyên bàn chuyện « Thằng Tang ba tai », hôm sau Khổng-Xuyên nói với Bình-nguyên-quân rằng :

« Bảo « Thằng Tang ba tai » rất khó mà thực trái lẽ, bảo « Thằng Tang hai tai » rất dễ mà thực phải lẽ. Không biết ngài sẽ theo đảng « dễ mà phải lẽ » hay theo đảng « khó mà trái lẽ » ?

Và thiên Vấn-biện trong sách *Hàn-Phi-tử* còn nói như vậy :

« Ôi lời nói, việc làm, phải lấy công - dụng làm chuẩn-dịch... Đời loạn nghe nói, thì cho những điều khó hiểu là tinh-sát, những lời man - mác là hùng-biện,.. cho nên.. cái thuyết « rắn trắng, không có bề dày » được tỏ, thì các hiến - lệnh phải tắt ».

Ấy đó, lối biện-luận vi-diệu của bọn Mặc - giả lớp sau, đã làm cho người đương-thời chán ghét đến vậy. Vì vậy mà Mặc-học càng ngày càng bất đắc-dụng với đời.

Vậy là những điều của Hồ nêu ra, đều có căn-cứ vào các sự-thực lịch-sử, không phải là nói vô-bằng.

Ngoài mấy cơ đó lại còn một cơ khác nữa cũng rất quan-hệ cho sự diệt-vong của Mặc-học, tức là hoàn-cảnh và điều-kiện tồn-tại của triết-học.

Triết-học cũng như thứ khác phải có điều-kiện thích-hợp với hoàn-cảnh thì mới tồn-tại. Đó là luật tự-nhiên.

Xã - hội nước Tàu từ cuối đời Xuân-thu đến đầu đời Tây-Hán là một thời-kỳ rối - loạn, nhất là khoảng đời Chiến-quốc, trong các nước hầu, không mấy ngày không có chiến-tranh, cái khăn thiết cho cuộc sinh-tồn của họ là thuật phú-quốc cường-binh. Ngoại-giả đều không cần dùng.

Học-thuyết Mặc-tử chú-trọng ở hai chủ-nghĩa « Kiêm-ái », « Phi-công », cố nhiên là một học-phái nhân-đạo, nhưng nó không hợp tình-thế của các nước hầu hồi ấy. Giả sử có một nước nào thành-tâm theo học-thuyết ấy một cách triệt-đề, chắc là nước ấy sẽ phải bại vong, vì họ không thể đem các chủ nghĩa ấy để chống những nước « bất-kiêm-ái » và « bất phi công » vây ở chung quanh, chỉ muốn thôn tính đất-cát của họ.

Còn như học-thuyết của phái Biệt-Mặc và bọn Huệ-Thí, Công-tôn - Long, tuy có phát - minh nhiều điều bổ-ích cho tri-thức tư - tưởng của loài người, nhưng mà đối với các nước đương-thời, nó vẫn không có lợi-ích trực-tiếp. Giữa lúc cuộc vật lộn của các quốc-gia đương rất kịch liệt, nước nào nước ấy, đều phải tối mắt về việc luyện sỹ-

tốt, sắm binh - khí, tìm các mưu kế để lừa lẫn nhau, mà còn chưa chắc tự-tồn, người ta có thì giờ đâu để nghiên-cứn đến « Gà ba chân » hay « Giết con cún không phải là giết con chó »?

Không hợp hoàn-cảnh, thì phải đào-thải. Học-thuyết của Mặc - tử và của phái Biệt-Mặc đều chung một nguyên-nhân ấy. Vậy thì, chúng ta có thể nói rằng : Mặc-học diệt-vong cũng vì nó không có đủ điều-kiện tồn-tại.

Kết-luận

Ở chương thứ ba có nói Mặc-học phát sinh là do ở sức phản-động của Lão - học Khổng-học. Đó là mới nói về sự quan-hệ ở giữa học - thuyết Mặc-tử với hai học-thuyết Khổng Lão. Thật ra, Mặc-học ra đời, còn có một nguyên-nhân nữa, tức là cảnh-tượng rối-loạn của nước Tàu trong đời Xuân-thu.

Khoảng đời Xuân-thu, nghĩa là trước khi Mặc-tử ra đời chừng ba trăm năm, lịch-sử nước Tàu là một thời-kỳ chiến-tranh kéo dài.

Bấy giờ đằng trên đã bị các nước phía bắc quấy nhiễu, đằng dưới thì có hai nước Ngô Sở thịnh-linh dấy lên, mảnh đất Trung-nguyên, tức là cả vùng quê-hương Mặc-tử, không năm nào mà

không có nạn sấm-phạt. Lúc đầu nhà Chu lập ra rất nhiều nước hầu, dần dần những nước nhỏ yếu kế-tiếp nhau bị các nước lớn thôn-tính. Trong ba trăm năm đó, không biết đã bao nhiêu nước bị diệt, bao nhiêu nhà bị tan, và bao nhiêu người bị chết. Những thảm-trạng ấy, cứ đọc mấy thơ Bảo-vũ, Trắc-hồ, Thái-vi, Xuất-xa, Hà-thảo bất hoàng, Trung-cốc hữu đôi, Thỏ-viên, Thiều-chi hoa ... trong kinh Thi, có thể thấy rõ (1).

Đến đời Mặc tử, những cảnh-tượng ấy vẫn còn luôn luôn diễn ra. Cầm-hoạt-ly, học-trò cao-dẳng của Mặc-tử đã phải nói rằng :

« Chim phượng không ra, chur - hầu phản lại cái nước nhà Chu, giáp-binh dương nổi ở khắp thiên-hạ, nước lớn đánh nước nhỏ, nước mạnh bắt nước yếu. Ta muốn giữ lấy nước nhỏ thì làm thế nào ? (2).

Chiến-tranh liên-miên, làm cho chế-độ phong-kiến bắt đầu tan-vỡ, tình-hình xã-hội thay đổi một cách đột-ngột. Rồi thì, vì muốn tự-tổ, người ta phải cạnh-tranh nhau, ghen-ghét nhau, kbuynh-loát lẫn nhau, ai lo thân này, tư tưởng tự-tư tự-lợi mỗi ngày mỗi thêm phát-dạt. Cảnh hắc-ám ấy, khiến cho người có tâm-huyết không thể ngồi yên mà nhìn.

1.— Cõi cuốn Lão-tử của Ngô-Tất-Tổ Nguyễn Đức-Tĩnh trang 19 — 34.

2.— Cõi thiên Bi-thành môn trong sách Mặc-tử.

Mặc-tử là người kháng-khái, cương - quyết, có nhiệt-thành, có nghị-lực, yêu đời một cách thiết-tha, mà sinh vào một xã-hội như vậy, tự-nhiên phải động lòng thương. Lại thêm hồi ấy Lão-giáo, Khổng-giáo đương rất thực-hành, mà theo ý Mặc-tử, Khổng-giáo quá ư câu-chấp, Lão-giáo quá ư phóng-nhiệm, đều rất hại cho thiên-hạ, hai đạo-giáo ấy nếu cứ bành-trướng, thiên-hạ sẽ còn rối loạn mãi-mãi. Vì vậy, Mặc-tử mới tự-lập ra một môn học-thuyết để chống lại với Khổng-giáo — và Lão-giáo nữa, — mà cứu Thiên-hạ khỏi vòng chìm-đắm.

Cái trung-tâm điểm của học-thuyết Mặc-tử tức là chủ nghĩa Kiêm-ái, khởi đầu của nó tức là « Thiên-chí » cứu-cánh của nó thì là « Thượng đồng »; còn như « Tiết dụng » « Tiết táng » « Phi nhạc » « Phi mệnh » « Phi công » « Minh - quý » « Thượng-hiền » « Qui nghĩa » chỉ là những chi-tiết nhỏ.

Mặc-tử nhận rằng : Các sự rối loạn đều do ở lòng tự-tư tự-lợi mà ra. Nay muốn thiên-hạ được khỏi nạn ấy, cần nhất phải làm thế nào cho hết thảy mọi người đều biết yêu nhau, đều coi quyền - lợi của người như quyền-lợi của mình, thì mới trừ được cái gốc sinh ra tai-vạ. Vì vậy mới xướng chủ-ngĩa Kiêm-ái. Mặc-tử biết rằng : Nếu chỉ nói xuông, tất-nhiên không ai chịu nghe ; vả chăng, sức-lực một

minh không thể đi khắp thiên-bạ mà khuyên từng người và bảo từng nhà ; bởi thế, Mặc-tử lại nghĩ ra hai phương-pháp : Một là lợi-dụng lòng sợ trời, quỷ của loài người mà bảo « Kiêm-ái » là việc « trời quỷ vẫn muốn », để cho người dễ theo, vì vậy mới có chủ-nghĩa « *tôn trời, chuộng quỷ* ». Hai là lợi dụng thế-lực của bọn cầm quyền, nếu bọn cầm quyền chịu nghe mình mà cho Kiêm-ái là phải, thì họ sẽ bắt nước họ phải theo ; vì vậy, mới có chủ-nghĩa « *thượng-hiền thượng-dồng* ».

Nhưng « Kiêm-ái » là một công-trình lớn-lao, không thể chỉ bước một bước mà tới. Người ta còn chưa trau-dồi tư-dức cho khỏi có điều cần bậy, lầm-lỗi, thì không thể nào đi đến chủ nghĩa *Kiêm-ái*, Mặc-tử nghĩ vậy, nên lại xướng ra những thuyết *tiết-dụng, tiết - táng, phi-mệnh, qui-nghĩa* v.v. . để làm khuôn-mẫu cho mọi người. Trong bấy nhiêu thuyết, thì thuyết tiết-dụng là quan-hệ hơn. Mặc-tử thấy rằng : Loài người mà không yêu nhau, và hay tranh nhau, giết nhau, ăn hiếp lẫn nhau, lừa đảo lẫn nhau, chẳng qua vì lòng ham muốn mà ra. Thế mà cái gốc của lòng ham muốn thì là những sự xa-xỉ hoa-lệ, hễ nhỏ được cái gốc ấy chắc lòng ham muốn sẽ bớt phát-triển, người ta sẽ bớt tự - tư tự-lợi, thì mới biết

quí điều nghĩa, chuộng người hiền, hy sinh quyền-lợi của mình để giúp đỡ cho người, thâm ý của chủ nghĩa « tiết dụng » là vậy.

Song nếu xướng ra thuyết này, thuyết khác, mà không có gì để làm cốt-tựa, thì nó sẽ thành ra lời vô-kê, khó mà khiến cho kẻ nghe phải phục, nhất là khó mà khiến cho những kẻ phản-đối phải chịu. Vì vậy, Mặc-tử lại phải dùng phép « ba biểu » và các phương-pháp triết-học để làm căn-cứ cho sự lý-luận của mình.

Hệ-thống của học-thuyết Mặc-tử đại-khái như vậy.

Nếu đem học-thuyết Mặc-tử mà so-sánh với các tôn-giáo, ví như Phật-giáo hay Gia-tô-giáo, thì thấy Mặc-giáo kém hai giáo kia về thuyết địa-ngục thiên-đường, vì thế, có người đã bảo Mặc-giáo không phải là một tôn giáo.

Nhưng xét cho kỹ, Mặc-giáo tuy không có thuyết thiên-đường địa-ngục, song cũng có thuyết tôn-trời thượng quỉ; cũng cho trời quỉ là bậc thiêng-liêng, vầu thưởng người thiện và phạt người ác, không có chỗ nào mà không soi tới, không có sức gì mà địch lại được; phải tội với trời, không còn nơi nào mà trốn cho thoát; hơn nữa, Mặc-giáo lại

muốn người ta làm ra xôi rượu bò heo cho thật tinh-khiết để cúng trời quỉ, trời quỉ sẽ ban phúc cho. Vậy là Mặc-giáo chính là tinh-chất của một tôn-giáo rõ-ràng. Huống-chi Mặc tử là một người sốt-sắng cứu đời, « mồn trán, lỏng gót, cái gì lợi cho thiên-hạ thi làm », đấy là tư - cách một vị giáo chúa, không kém Thích - Ca, Gia - tô bao nhiêu. Thế thì học - thuyết họ Mặc, tôn-giáo tức là phần chính, chính-trị, triết-học chỉ là phần phụ. Dù mà người ta cố bảo Mặc-giáo không phải tôn-giáo, nhưng cái sự thực của nó vẫn đấy.

Nay đem những điều đại-cương của học-thuyết Mặc-tử mà phân-tách ra, cố-nhiên vẫn có nhiều chỗ rất hay, nhưng mà những cái hay đó, không phải không có cái dở.

Về phần tôn-giáo, Kiêm-ái là một chủ-nghĩa rất nhân-đạo, nếu như loài người tới được bậc đó, thì cái thế-giới ô-trọc của chúng ta này sẽ thành thế-giới thần tiên, các vị trời, phật thần thánh có lẽ cũng phải ao-ước. Song mà thật ra, nó chỉ là cái mộng-tưởng không có đời nào đạt tới. Là vì loài người còn cần phải ăn mới no, phải mặc mới ấm, phải có nhà cửa mới yên, phải có vợ chồng để cung cấp cho sự nhục-dục và để lưu-truyền chủng - tộc về sau, thì không thể nào hết sự cạnh-tranh ; cũng như làn bể

không có bao giờ hết sóng. Sự cạnh-tranh đã không thể hết thì sự ghen-ghét lẫn nhau vẫn còn. Như thế, chủ-nghĩa *kiêm-ái* còn thực-hiện sao được ?

Chủ-nghĩa Phi-công cũng vậy, Mặc-tử sống vào giữa lúc chế-độ phong kiến của Tàu bắt đầu tan vỡ, chính mắt được thấy những cái thảm - trạng nhà tan nước mất, người chết, của hao, cho nên mới có tư - tưởng chán ghét chiến - tranh, và mới xướng ra chủ-nghĩa *Phi-công* để khuyên các vua chư-hầu không đánh nhau. Nhưng không biết rằng : Chiến-tranh là một điều luật phải có trong cái lịch-trình tiến-hóa của nhân loại. Mỗi một giai-đoạn tiến-hóa, tất - nhiên phải có một cuộc chiến-tranh, và mỗi lần chiến-tranh, lại tiến-hóa thêm một giai-đoạn, Hễ cuộc tiến hóa của loài người chưa tới một bậc cùng-tột, thì sự chiến-tranh vẫn không thể nào ngăn nổi. Vả chẳng Chiến-tranh theo kiểu « nội loạn », như vô-số cuộc sâm-phạt của các nước hầu trong đời Xuân-thu nước Tàu, thì đành là sự đáng ghét, không thể dong thứ ; nhưng nếu chiến-tranh vì mục-đích cao-thượng, vì như chiến - tranh để tự - vệ, chiến - tranh để trừ kẻ tàn-bạo, chiến-tranh để trừ những sự bất-bình ở giữa các nước, v. v. thì lại là sự không thể phản-đối.

Về phần chính-trị, chủ-nghĩa tiết dụng thật là xác-đáng, không thể phi-nghị Nghiệm trong lịch-sự, người ta đã thấy đời này cũng như đời xưa, những nước ăn chơi xa-xỉ đều không tránh khỏi diệt-vong. Và khi ở vào hoàn-cảnh diệt vong, người ta mới biết lời của Mặc - tử là đúng. Còn đến chủ - nghĩa *thượng-đồng* tuy có hay thật, nhưng cũng vẫn có khuyết-điểm.

Là vi — theo lời Mặc-tử đã nói — *thượng-đồng* tức là làm cho hết thầy thiên-hạ đều như đúc bằng một khuôn. Nói cho rõ ra thì là : người trong một xóm phải theo đúng như lời nói việc làm của lý-trưởng ; lý-trưởng cũng như người làng phải theo đúng như lời nói việc làm của hương - trưởng ; hương - trưởng cũng như người nước, phải theo đúng như lời nói việc làm của quốc-quân ; quốc-quân cũng như người trong thiên - hạ, phải theo đúng như lời nói việc làm của Thiên-tử, đó là chủ-nghĩa độc-tài cực-đoạn (1), không có bình-đẳng tự-do một chút nào hết. Độc-tài vị-tất là dở, cái dở là tại uy-quyền Thiên-tử lớn quá, không có gì để

1) — Có người bảo rằng Mặc-tử muốn làm đại-biểu cho giai-cấp công-nông, thì thật là oan cho Mặc-tử. Bởi vì Mặc-tử caử-trưng kiêm-ái, yêu hết mọi người ai cũng như ai, nếu lại thiên về giai-cấp công nông há chẳng tự mình mâu thuẫn với mình. Hưởng chi Mặc-tử luôn luôn nói đến vương - công đại-nhân, và sỹ đại-phu, ít khi nhắc đến công nông, thì lấy cớ gì mà bảo Mặc-tử là đại-biểu cho giai-cấp công nông?

hạn-chế, nếu gặp ông vua hôn-bạo, bắt buộc thiên-hạ phải theo những điều không nên theo hay không thể theo, tất nhiên xã-hội sẽ phải tan-nát. Mặc-tử cũng đã nghĩ đến chỗ đó, cho nên một mặt thì bắt thiên-tử phải tán-đồng ngược nên với trời, và lấy chi trời làm mẫu cho sự hành-vi; một mặt thì muốn Thiên tử cũng như vương-công đại-nhân phải chuộng người hiền và dùng người tài, có lẽ người cũng để phòng-bị cái nạn độc-đoán của bọn hôn-quân bạo-chủ vậy. Nhưng mà đã là bạo-chủ hôn-quân, thì họ có sợ gì trời, và họ còn biết ai là người hiền người tài mà chọn. Vì thế, các nước quân-chủ lập-hiến ngày nay mới phải có bản hiến-pháp, để ngăn cho khỏi xảy ra sự đó. Mặc-tử sinh vào một đời tối-cô, không thể nghĩ đến điều ấy.

Về phần triết-học, thì phép ba biểu và các phương-pháp biện-luận của Mặc-tử vẫn là đáng khen, vì đã mở cho triết-học-giới nước Tàu một kỷ-nguyên mới. Trước đó, Lão-tử Khổng-tử, đều ít lưu-ý đến phương-pháp ấy, nhất là về sự thực-nghiệm. Tuy vậy, trong khi Mặc-tử dùng nó vào việc biện-luận cũng còn nhiều chỗ chưa được hoàn-thiện. Ví như ở thiên Minh-quĩ, Mặc-tử viện ra những chuyện Đổ-Bá nhà Chu, Mục-Công nước Trịnh, Trung-Lý-Hạo nước Tề để làm

căn-cứ cho thuyết có qui. Như ý Mặc - tử những chuyện ấy đều là sự thực ở trước tai - mắt mọi người, có thể dùng làm bằng-chứng chắc chắn, kỳ thật nó chỉ là sự truyền-văn, không phải chính mắt Mặc-tử đã thấy. Mà sự truyền-văn trăm điều sai-ngoại cả trăm, lấy sự truyền-văn để làm căn-cứ, tức là nhận không làm có, không thể nào đúng với sự thực. Luận-lý-học rất kỳ chỗ đó. Bởi vậy, Hồ-Thích cực-kỳ tán-dương phương-pháp luận-chứng của Mặc-tử, mà cũng phải chê nghị luận của Mặc-tử thường-thường có chỗ thiên bỉ đáng cười, ví như cả thiên Minh-qui, tuy là dùng phép « ba biểu » kỳ-thực không có lý-luận chi hết.

Trở lên là nói về học - thuyết của Mặc - tử. Còn về học-thuyết của phái Biệt-Mặc và bọn Huệ-Thi Công-tôn-Long, thì tuy tàn-khuyết linh - tinh, không thể gọi là một môn triết-học có đủ hệ-thống rõ-ràng, nhưng cũng nhiều điều rất có giá-trị, trên kia đã giải rất kỹ, ở đây không cần bàn thêm.

HẾT



SÁCH NÀY IN LẦN ĐẦU 3000 CUỐN GIẤY
THƯỜNG 25 CUỐN GIẤY LỤA DÓ TẠI NHÀ
IN MAI-LINH HANOI XONG NGÀY 15 THÁNG
12 NĂM 1942 PHÉP SỐ 7321 I. P. P.

Cải chính

Số trang	Số dòng	Chữ lầm	Chữa lại
8	3 và 4	Sang dòng	Không sang dòng
8	9 và 10	Sang dòng	Không sang dòng
8	23	Là ngoại	Là <i>người</i> ngoài
9	18	<i>Trinh</i> -Tiêu	<i>Trịnh</i> Tiêu
9	20	<i>Doa</i> Lâm	<i>Đoan</i> Lâm
9	23	<i>Y</i> -lâm	Ý - lâm
9	27	71 thiên-sách	71 <i>thiên</i> , sách...
12	24	Vì cuốn	Vì <i>vậy</i> cuốn...
16	10	Thân ban	<i>Thâu</i> -Ban
16	11 và 12	Giống nhau	Giấy nhạc
17	11	是也	非也
17	12	Thị dã	<i>Phi</i> dã
18	20	Việc đó	<i>Việc</i> đó
19	5	Câu Tễn	Câu <i>Tiền</i>
19	10	Kip thời	Kip <i>thờ</i>
21	9	Làm quá	Làm <i>quái</i>
23	14	Cho người là	Cho <i>người</i> là
24	8	Của người	Của <i>người</i>
24	8	Canh-trụ	Canh <i>trụ</i>
25	22	Địch muốn	Địch <i>tính</i>

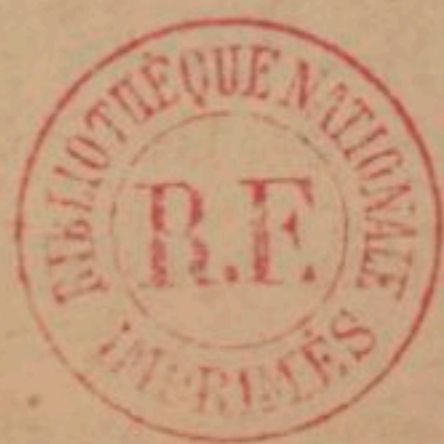
Số trang	Số dòng	Chữ làm	Chữ lại
26	8	Địch muốn	Địch <i>tin</i> h
26	22	Mặc như vậy	Mặc- <i>tử</i> như vậy
27	1	Sao người	Sao <i>ngươi</i>
27	9	Người khuyên ta	<i>Ngươi</i> khuyên ta
28	10	Lại cho vào	Lại <i>không</i> cho vào
29	19	Lịch nước Tàu	Lịch <i>sử</i> nước Tàu
32	5	Nên mới bỏ	Nên <i>mới</i> bỏ
33	15	Người bắt	<i>Ngươi</i> bắt
33	27	Như vậy	Như <i>cây</i>
34	1	Nước Lô	Nước <i>Lỗ</i>
34	11	Đưa mà	Đưa <i>ma</i>
35	21	Mặc mới	Mặc <i>tử</i> mới
39	11	Trọng hy	Trọng <i>ni</i>
43	10	Không được	Không <i>dùng</i> được
44	17	Ô hư	Ô <i>hử</i>
48	3	Lương tri	Lương <i>tri</i>
48	6	Thi hành	<i>Tri</i> hành
48	16	Vi đoạn	Vi <i>như</i> đoạn
51	25	Là nhờ về biết	Là nhờ về <i>cách</i>

số trang	Số dòng	Chữ làm	Chữ lại
51	25	Quay tit không biết phương nào	<i>lập nêu</i> để biết Quay tit không <i>thể lập nêu</i> để biết phương
57	13	Kim dung	Kim dụng
57	21	Nbất <i>biển</i> thứ ba	Nbất <i>biểu</i> thứ ba
59	10	Vinhư câu chuyện	Vì như câu chuyện
59	23	Thì hay nghi hoặc	Thì nguy
64	3	Nhiêng tin điều	Những tin điều
65	11	Còn chỏ nào	Còn chỏ nào
65	14	Đi đâu ? Rãng	Đi đâu ? Rãng
68	22 và 23	Hắn đã làm	Hắn đã làm
69	22	Nhân giả vi hậu	Nhân giả <i>thử</i> vi hậu
69	24	Trụ. U. Lê	Trụ. U. Lê
71	2	Thiến tử	<i>Thiên-tử</i>
72	12	Chi hữu qui	Chi hữu qui
72	12	Chi hữu cú	Chi hữu cú
72	25	Sự rãng lảng	Sự sáng lảng
73	9	Viết : Mạc nhược	Viết : Mặcnhược
73	12	Pháp chi thiên ký	Pháp chi, ký
77	16	Nhi sự	Chi sự

Số trang	Số dòng	Chữ lầm	Chữ lại
78	3	<i>Tư hiển</i>	<i>Từ hiếu</i>
79	14	<i>Sức gì</i>	<i>Sức gì</i>
82	13 và 16	<i>Của người</i>	<i>Của người</i>
85	9	<i>Căn cứ vào</i>	<i>Căn cứ vào</i>
85	15	<i>Cai trị thiên</i>	<i>Cai trị thiên</i>
87	19	<i>Tử tự ái</i>	<i>Tử tự ái</i>
87	20	<i>Co khuy phụ</i>	<i>Cổ khuy phụ</i>
90	7	<i>Tắc tắt</i>	<i>Tắc tắt</i>
90	13	<i>Quý rất ngạo tiện</i>	<i>Quý tắt ngạo tiện</i>
91	2	<i>Đại phù làm...</i>	<i>Đại phu làm</i>
91	3	<i>Đánh lân nước</i>	<i>Đánh lân nước</i>
91	9	<i>Đánh lân nhau</i>	<i>Đánh lân nhau</i>
93	3	<i>Qui bắt</i>	<i>Qui bắt</i>
94	1	<i>Hung hạ chi lợi</i>	<i>hung thiên hạ chi lợi</i>
94	9	<i>Tức nhược thị...</i>	<i>Tắc nhược thị</i>
94	17	<i>Cho người mà ra</i>	<i>Cho người mà ra</i>
95	20	<i>Biệt dư ?</i>	<i>Biệt dư ?</i>
97	7	<i>Lồ hẻ vậy</i>	<i>Lồ hẻ vậy</i>
98	14	<i>Chỉ vì người</i>	<i>Chỉ vì người</i>
99	9	<i>Dùng giầy</i>	<i>Dùng giày</i>
101	21	<i>Và « tội » bác cho cái thuyết</i>	<i>Và tội để bác cái thuyết</i>

Số trang	Số dòng	Chữ làm	Chữ lại
107-108	17	Quan tài <i>gò</i> đồng	Quan tài <i>gỗ</i> đồng
111-112	14	Phản <i>đôi</i>	Phản <i>đối</i>
111-112	24	Lừa <i>kẻ</i> ngu dần	Lừa <i>kẻ</i> ngu dần
115 116	19	Qui thân	Qui <i>bằng</i> thân
121	19	Nghĩa <i>nhi</i> hương	Nghĩa <i>nhi</i> hương
125	11	Vô bài kỳ <i>thăng</i>	Vô bài kỳ <i>thăng</i>
127	7	Thế chính tri	Thế chính <i>trị</i>
134	16	Sự <i>tôn</i> chuộng	Sự <i>tôn</i> chuộng
155	14	Là « biết » và « cố »	Là « <i>biệt</i> » và « <i>cố</i> »
161	3	Nhược ninh	Nhược <i>minh</i>
161	13	Biết là <i>cái</i> tiếp súc	Biết là tiếp súc.
161	24	Vi như <i>đã</i>	Vi như <i>đã</i> .
163	16	<i>Lâu</i> là hạp cả...	<i>Lâu</i> là hạp...
165	10	Thấy <i>cái</i> răng	Thấy <i>cái</i> <i>rắn</i>
176	24	Một <i>điều</i> công thức	Một <i>điều</i> công thức
177	7	Sự <i>kẻ</i>	Sự <i>gặp</i> <i>kẻ</i> .
179	16	Sujet	<i>Sujet</i>
181	11	Thanh <i>lâm</i>	Thanh âm
182	18	B - Có và phép	Ba chữ này đọc xuống dòng thứ 21

Số trang	Số dòng	Chữ lầm	Chữa lại
183	11	Cơ là nguyên nhân	Cớ là nguyên nhân
183	14	Cơ nhỏ	Cớ nhỏ
189	14	Vạn vật tất đồng	Vạn vật tất đồng
190	18	Giải rắng	Giải rằng
192	6	Đời chuyền	Dời chuyền
195	18	Mặt trời vira	Mặt trời vira
197	1.2-3-4-5-6		Sáu dòng này đọc tiếp dòng thứ 23 trang 196
197	24	Con gái	Con gái
202	18	Những mần	Những mầu
203	21	Phi điền chi ảnh	Phi điều chi ảnh
227	11	Cầm hoạt ly	Cầm hoạt ly
233	2	Lịch sự	Lịch sử
233	19	Cực đoan	Cực đoan
234	9	Có lẽ người cũng	Có lẽ cũng



Mai-Linh tu thư' cuc

Phổ-thông từng thư

Contes & légendes d'Annam I	2\$50
Contes & légendes d'Annam II	2. 50
Muốn khoẻ	0. 50
Tàn đèn dầu lạc (2 cuốn)	0. 70
Hạt mưa sa	0. 45
Đứa con tội ác	0. 35
Những mảnh tình	0. 48
Bịp đời	0. 35
Đoán điềm giải mộng	0. 35

Loại khoa-học phổ thông

Biên cả (đương in)

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt-nam hiện đại	0. 50
Tâm hồn phụ nữ	0. 50
Nghệ thuật làm mẹ	0. 45
Thụ thai theo ý muốn	0. 50
Phụ nữ với cuộc nhân sinh	(sắp in)

Loại trình thám

Vết tay trên trần	hết
Chiếc tất nhuộm bùn	hết
Người một mắt	hết
Kỳ-phát giết người	hết
Nhà sư thọt	0. 45
Bóng người áo tím	0. 45
Đôi hoa tai của bà chúa	0. 50
Đám cưới Kỳ Phát	0. 70

Chuyện bằng tranh

Vợ Cóc (in màu)	0.45
-----------------	------

Mai-Linh tu thư cục

Văn học từng thư

Văn học đời Lý	0\$80
Văn học đời Trần I	2.00
Văn học đời Trần II	(sắp in)

Triết học từng thư

Phê bình nho-giáo	hết
Lão-tử	0.80
Mặc-tử	2.00
Au Tây triết-học lược-biên	(sắp in)

Sử-học từng thư

Triều Tây sơn	0.70
Bảng Quận công	1.00
Nguyễn trường Tộ	1.20
Nước Nhật ngày nay	1.20
Bóng Lê tàn	(đương in)
Tĩnh-đồ-vương	(đương in)

Y học từng thư

Việt nam dược học I	0.80
Việt nam dược học II	0.80
Việt nam dược học III	0.80
Việt nam dược học IV	0.80
Việt nam dược học V	1.00
Việt nam dược học VI	(đương in)

Giáo dục từng thư

Giáo dục nước Nhật	1,00
Tâm lý học	1.20
Nguyên nhân những thói xấu của trẻ con	1.20
Leçons de Japonais	3.00
Petit guide Japonais Français Annamite	1.20
Học tiếng Anglê theo loi thực hành	0.60
Luận-ngữ cách ngôn	0.50
Lên tám	0.20
Bộ bài A. B. C. bằng gỗ	2.00
Collection P. J. S.	3.00
Le Participe à l'aide d'exemples	0.12
Việt nam tốc ký	0.55